



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2020

ĐOÀN KẾT - SÁNG TẠO - BẢN LĨNH - HÀNH ĐỘNG

Với tâm thế của những người kết nối bầu trời

Lời chào từ trái tim của một tập thể chung ý chí quyết tâm mang lại
sự an tâm và hài lòng cho quý hành khách trong những hành trình
dịch chuyển giữa mây trời.



Để tải bản miễn phí Báo cáo thường niên 2020 của Vietnam Airlines, vui lòng truy cập website
<https://www.vietnamairlines.com/vn/vi/about-us/investor-relations/annual-reports> hoặc quét

MỤC LỤC

I. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC	08
II. ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	16
Tâm nhìn – Sứ mệnh	16
Giá trị cốt lõi	16
Phương hướng nhiệm vụ	19
Mục tiêu tổng quát	21
Mục tiêu phát triển bền vững	21
III. GIỚI THIỆU CHUNG	23
Thông tin khái quát	23
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	24
Quá trình hình thành và phát triển	26
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	28
Cơ cấu cổ đông	38
Sự kiện tiêu biểu năm 2020	40
Danh hiệu, giải thưởng đạt được năm 2020	42
IV. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH	44
Các chỉ tiêu khai thác cơ bản	44
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	48
V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	50
Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines	50
Về hoạt động của Ban Giám đốc	53
Về định hướng hoạt động năm 2021	54
VI. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020	56
Môi trường kinh doanh	56
Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực	58
Mạng đường bay	58
Đội máy bay	64
Lĩnh vực thương mại	65
Lĩnh vực dịch vụ	71
Lĩnh vực kỹ thuật	75
Khai thác	77
An toàn – an ninh	78
Quản trị nguồn nhân lực	79
Truyền thông, phát triển thương hiệu	84
Công nghệ thông tin	89
Tái cơ cấu Công ty mẹ và Doanh nghiệp thành viên	91
Các chương trình hợp tác	94
Tình hình đầu tư	95
Các dự án đầu tư tài sản	96
Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	97
Tình hình tài chính	102
Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	109

MỤC LỤC

VII. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI 110

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	110
Chế độ tiền lương, thu nhập và phúc lợi cho người lao động	112
Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, các chương trình an sinh xã hội	113

VIII. QUẢN TRỊ CÔNG TY 116

Cấu trúc quản trị công ty	116
Thông tin và hoạt động của HĐQT	118
Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT	119
Báo cáo của Ban Kiểm soát	120
Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ	123
Hoạt động của Người phụ trách Quản trị - Thư ký Tổng công ty	123
Quan hệ Nhà đầu tư	123

IX. QUẢN TRỊ RỦI RO 124

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 126

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AFTK	Available Freight Tonne Kilometers (Tài cung ứng luân chuyển)
ASK	Available Seat Kilometers (Ghế luân chuyển)
BCTC	Báo cáo tài chính
BH	Block Hour (Giờ bay)
BKS	Ban Kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
CBTT	Công bố thông tin
CNTT	Công nghệ thông tin
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
FSC	Full Service Carrier (Hãng hàng không truyền thống)
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
Hợp nhất	Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết
HK	Hành khách
IATA	Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
PA	CTCP Hàng không Pacific Airlines
K6	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
KOL	Key Opinion Leader (Người có tầm ảnh hưởng)
LCC	Low Cost Carrier (Hãng hàng không giá rẻ)
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
MTV	Một thành viên
OTP	On Time Performance (Chỉ số đúng giờ)
RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển)
RPK	Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển)
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCTHK	Tổng công ty Hàng không
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VNA Group	Công ty mẹ và PA
VTHK	Vận tải hàng không
Công ty mẹ, VNA	Bao gồm Vietnam Airlines và Vasco hay Vietnam Airlines



VIETNAM AIRLINES ĐÃ CHỦ ĐỘNG NẮM BẮT MỌI CƠ HỘI PHỤC HỒI CỦA THỊ TRƯỜNG ĐỂ ĐÁP ỨNG LINH HOẠT, TIÊN PHONG PHÁT ĐỘNG CÁC CHIẾN DỊCH KÍCH CẦU DU LỊCH TRÊN TOÀN QUỐC VÀ LIÊN TỤC CẢI TIẾN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ.

ÔNG ĐẶNG NGỌC HÒA
Chủ tịch Hội đồng quản trị

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC

Thưa Quý vị,

Lời đầu tiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Vietnam Airlines xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng, Quý cổ đông và các đối tác đã sát cánh cùng chúng tôi trong một năm nhiều thách thức và biến động vừa qua.

Năm 2020 được Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) nhận định là năm khó khăn nhất trong lịch sử ngành hàng không dân dụng thế giới. Dịch COVID-19 đã khiến doanh thu của ngành giảm 510 tỷ USD so với năm 2019. Sản lượng hành khách toàn cầu giảm 60,5%, chỉ tương đương với lượng hành khách được vận chuyển trong năm 2003.

Là doanh nghiệp chủ lực của hàng không Việt Nam, Vietnam Airlines cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Với tinh thần “Đoàn kết - Sáng tạo - Bản lĩnh - Hành động”, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Vietnam Airlines đã nỗ lực bằng mọi cách để duy trì sản xuất kinh doanh, tìm ra hướng đi mới cho Tổng công ty trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành.

So với kế hoạch điều chỉnh chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Vietnam Airlines đã đạt được những kết quả khả quan hơn mong đợi. Doanh thu hợp nhất đạt gần 42.433 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ đạt hơn 33.266 tỷ đồng, vượt kế hoạch lần lượt là 1.847 tỷ

đồng (4,6%) và 731 tỷ đồng (2,3%). Số lỗ trước thuế hợp nhất là 10.960 tỷ đồng, thấp hơn 4.217 tỷ đồng so với kế hoạch; trong đó số lỗ của Công ty mẹ là 8.743 tỷ đồng, giảm 5.744 tỷ đồng so với kế hoạch.

Những kết quả trên đến từ sự nỗ lực, nhanh chóng, nghiêm túc thực hiện các biện pháp ứng phó với đại dịch của Vietnam Airlines như: tổ chức lại sản xuất phù hợp với quy mô thị trường bị thu hẹp; tiết kiệm, cắt giảm triệt để chi phí; đàm phán để giãn tiến độ thanh toán và dừng triển khai các danh mục đầu tư chưa cấp thiết; chủ động tìm kiếm, tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu như đẩy mạnh vận chuyển hàng hóa, bay thuê chuyển chở khách hồi hương và khách chuyên gia, thanh lý đội tàu bay cũ; tái cơ cấu lao động.

Cùng với những nỗ lực tự thân, Quốc hội và Chính phủ cũng đã ghi nhận những đóng góp của Vietnam Airlines để đưa ra những giải pháp quan trọng giúp tháo gỡ khó khăn cho Tổng công ty.

Trong điều kiện phải cắt giảm nhân sự, năm 2020 các hãng hàng không thuộc Vietnam Airlines Group gồm Vietnam Airlines, Pacific Airlines và VASCO đã đảm bảo an toàn khai thác cho hơn 110.800 chuyến bay, hơn 16,4 triệu lượt hành khách và hơn 201,7 nghìn tấn hàng hóa.



Đặc biệt, trong số những chuyến bay được thực hiện, có 187 chuyến bay là những hành trình tự hào của đất nước, với sứ mệnh đưa 54.000 công dân Việt Nam từ 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trở về quê hương giữa đại dịch. Cùng với đó là những cánh bay chở theo hàng vạn tấn hàng hóa hỗ trợ công tác phòng, chống dịch và tiếp sức cho người dân miền Trung trong đợt lũ lịch sử.

Vượt qua những hạn chế về cơ sở hạ tầng, nguồn lực và sự cạnh tranh ngày càng gia tăng, Vietnam Airlines tiếp tục đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh hàng không, nâng cao chỉ số đúng giờ các chuyến bay đạt xấp xỉ 90%. Vị thế chủ lực của Vietnam Airlines Group tại thị trường nội địa tiếp tục được khẳng định với thị phần vận chuyển hành khách duy trì ở mức 51,3%.

Bên cạnh nỗ lực đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines đã chủ động nắm bắt mọi cơ hội phục hồi của thị trường để đáp ứng linh hoạt, tiên phong phát động các chiến dịch kích cầu du lịch trên toàn quốc và liên tục cải tiến sản phẩm, dịch vụ. Năm 2020 đánh dấu sự mở rộng mạnh mẽ mạng bay nội địa của Hãng với việc bổ sung thêm 22 đường bay, cùng nhiều sản phẩm, dịch vụ được giới thiệu hoặc nâng cấp như VNAXPRESS - Đường bay Hồ Chí Minh, Flight Pass - Vé rẻ cả gói...

Quá trình chuyển đổi số cũng được Vietnam Airlines đẩy mạnh với việc thành lập Ban Tiếp thị và Chuyển đổi số, giúp cụ thể hoá chiến lược “số hóa” của Tổng công ty thông qua nhiều dự án hữu ích như cải thiện hạ tầng website và ứng dụng di động, “tự động hóa” nhiều chu trình trong sản xuất kinh doanh và chăm sóc khách hàng như đổi vé, làm thủ tục, thanh toán trực tuyến; dự án quản lý quan hệ khách hàng tổ chức (CRM B2B) và quản lý khách hàng là người tiêu dùng trực tiếp (B2C) ...

Đề cao vai trò của nguồn nhân lực đối với sự phát triển của doanh nghiệp, năm 2020 Tổng công ty đã tiến hành kiện toàn mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, đẩy mạnh đào tạo, phát triển trình độ chuyên môn cho đội ngũ quản lý, cán bộ, nhân viên các cấp để hoạt động hiệu quả hơn khi thị trường khôi phục trở lại.

Ghi nhận những nỗ lực trên, hàng loạt giải thưởng danh giá của các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đã xướng tên Vietnam Airlines như: Thương hiệu Việt Nam có trải nghiệm khách hàng xuất sắc nhất theo khảo sát của công ty kiểm toán và tư vấn KPMG, đứng đầu bảng xếp hạng Thương hiệu tốt nhất Việt Nam năm 2020 do tập đoàn nghiên cứu và phân tích dữ liệu YouGov công bố, nằm trong Top 10 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam theo đánh giá của Campaign Asia-Pacific và Nielsen, đồng thời là hãng bay duy nhất có dịch vụ vận tải hàng không được Bộ Công Thương vinh danh Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2020. Đây là những đánh giá quan trọng, mang tính nền tảng và tạo động lực cho Vietnam Airlines tiếp tục phát triển trong năm 2021 và các năm tiếp theo trong giai đoạn 2021-2025.



TRONG TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ QUY TRÌNH, AN TOÀN LÀ GIÁ TRỊ THEN CHỐT MÀ VIETNAM AIRLINES LUÔN HƯỚNG TỚI, BAO GỒM AN TOÀN CẢ TRONG KHAI THÁC VÀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH.

ÔNG DƯƠNG TRÍ THÀNH
Tổng Giám đốc

Thưa Quý vị,

Năm 2021 mang đến những hy vọng mới cho nền kinh tế nói chung và ngành hàng không nói riêng. Cùng với tín hiệu tích cực của vaccine ngừa COVID-19, ngành hàng không Việt Nam cũng được dự báo sẽ phục hồi nhanh hơn các quốc gia khác và có nhiều cơ hội phát triển dựa trên nhu cầu du lịch, giao thương kinh tế ở cả thị trường nội địa và quốc tế.

Tuy nhiên, những khó khăn mà ngành hàng không cũng như Vietnam Airlines phải đối mặt trong thời gian tới vẫn còn rất nhiều. Ngoài việc duy trì hoạt động trong điều kiện dịch bệnh phức tạp và thị trường bất định, các hãng hàng không phải tìm cách tồn tại trước sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt tại thị trường nội địa cả về thị phần lẫn giá bán, trong bối cảnh mạng đường bay quốc tế vẫn tạm thời đóng cửa do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Trước những thách thức đó, Vietnam Airlines đã đặt ra mục tiêu trọng tâm trong giai đoạn 2021 - 2025 là khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, Tổng công ty tập trung triển khai gói giải pháp tháo gỡ khó khăn của Chính phủ được Quốc hội thông qua, đồng thời thực hiện tái cơ cấu tổng thể doanh nghiệp, bao gồm tái cơ cấu sở hữu vốn và tài chính, tái cơ cấu tài sản và các danh mục đầu tư, tái cơ cấu các hoạt động sản xuất kinh doanh để bảo đảm tinh gọn, năng suất cao.

Nhằm đạt mục tiêu tăng doanh thu, cải thiện dòng tiền, xóa lỗ lũy kế, tạo nguồn tiền đầu tư phát triển, Vietnam Airlines chú trọng nâng cao hiệu quả doanh nghiệp với các nghiệp

vụ bán, bán và thuê lại (SLB) các tàu bay sở hữu, xây dựng phương án thoái một phần vốn hoặc toàn bộ vốn tại một số doanh nghiệp có hiệu quả hoạt động cao nằm trong chuỗi cung ứng dịch vụ vận tải hàng không.

Song song với việc từng bước khôi phục hoạt động, Tổng công ty tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển đội tàu bay tầm nhìn đến năm 2030, nâng cao chất lượng dịch vụ hướng tới tiêu chuẩn hàng không quốc tế 5 sao và có những bước đột phá trong lĩnh vực công nghệ thông tin để sớm trở thành Tập đoàn hàng không chuyển đổi số toàn diện.

Trong tất cả các hoạt động và quy trình, an toàn là giá trị then chốt mà Vietnam Airlines luôn hướng tới, bao gồm an toàn cả trong khai thác và phòng, chống dịch. Năm 2020 đã giúp Vietnam Airlines trui rèn và đúc kết những kinh nghiệm quý giá để bình tĩnh ứng phó với những biến động của thị trường, đồng thời xây dựng được bộ tiêu chuẩn phòng, chống dịch nghiêm ngặt nhất nhằm bảo vệ sức khỏe cho hành khách, người lao động và cộng đồng.

Chúng tôi tin tưởng, với kinh nghiệm, sự đoàn kết, nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và tập thể người lao động, cùng sự đồng hành của Quý khách hàng, Quý cổ đông và các đối tác, bạn hàng, Vietnam Airlines sẽ hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2021 để tạo nên bệ phóng vững chắc cho những năm phục hồi tiếp theo, tiếp tục hành trình “Sải cánh vươn cao” tại cả thị trường nội địa lẫn quốc tế và khẳng định vai trò dẫn đầu ngành hàng không Việt Nam.

ĐIỂM NHẤN 2020



SỐ HÀNH KHÁCH

16,4
TRIỆU



HÀNG HÓA

201,7
NGHÌN TẤN



MÁY BAY

107

TurboProp: 7
Tàu bay thân hẹp: 71
Tàu bay thân rộng: 29

No 1

THỊ PHẦN NỘI ĐỊA

51,3 %

+0,9% (YoY)

CHUYẾN BAY

110,8

NGHÌN

CHUYẾN BAY
GIẢI CỨU

187

OTP ĐI

90,2 %

+0,8% (YoY)

OTP ĐẾN

84,8 %

+2,7% (YoY)

NPS

42 %

+ 13 ĐƠN VỊ YOY

CSI

3,98/5

+ 0,14 ĐƠN VỊ YOY



World's Leading
Airline Alliance



II. ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

A. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. TÂM NHÌN – SỨ MỆNH

- Giữ vững vị thế của Vietnam Airlines là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam
- Tập đoàn các hãng hàng không - VNA Group giữ thị phần nội địa số 1 tại Việt Nam (gồm Vietnam Airlines, Pacific Airlines, VASCO)
- Vietnam Airlines là hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực tại Việt Nam, hãng hàng không hàng đầu châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn
- Cung cấp dịch vụ hàng không chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng
- Tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, hiệu quả, nhiều cơ hội phát triển cho người lao động
- Kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.



2. GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- An toàn là số 1, nền tảng cho mọi hoạt động
- Khách hàng là trung tâm. Vietnam Airlines thấu hiểu sự phát triển của tổ chức gắn liền với sự tin yêu của khách hàng
- Người lao động là tài sản quý giá nhất. Mọi chính sách đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở công bằng và lợi ích xứng đáng để duy trì sự gắn kết và tạo sức mạnh đoàn kết trong tổ chức
- Không ngừng sáng tạo. Lấy sáng tạo là phương châm đổi mới. Chúng tôi luôn đổi mới không ngừng trên mọi lĩnh vực với tư duy đột phá để đạt được thành công lớn
- Tập đoàn hàng không có trách nhiệm. Chúng tôi ý thức rằng sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội là nhân tố đầu vào then chốt để đưa ra quyết định trong mọi hoạt động SXKD của Vietnam Airlines.





PHOTOCREO Michal

PHOTOCREO Michal

Shutterstock

PHOTOCREO Mi

B. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

- Đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo.
- An toàn là nhiệm vụ tiên quyết, là cơ sở, tiền đề cho sự tồn tại và phát triển của Vietnam Airlines.
- Duy trì vị thế dẫn đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần và năng lực cạnh tranh, kết hợp khai thác cả hai phân khúc truyền thống và giá rẻ nhằm đạt mục tiêu kép về thị phần lẫn hiệu quả. Trong VNA Group, Vietnam Airlines đóng vai trò chủ đạo, dẫn dắt, đổi mới công tác quản trị điều hành kinh doanh vận tải hàng không trên cơ sở không ngừng nâng cấp chất lượng dịch vụ theo hướng hãng hàng không 5 sao, khai thác đối tượng khách hàng từ truyền thống tới giá rẻ. Đồng thời, mở rộng quy mô khai thác mảng hàng không chi phí thấp (LCC) để phục vụ tối đa nhu cầu đa dạng của khách hàng. Thực hiện tái cơ cấu Pacific Airlines và Vasco trên cơ sở tinh giản bộ máy, sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung với Vietnam Airlines, tận dụng các lợi thế, thế mạnh của từng hãng hàng không, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh chung của VNA Group.
- Phát triển Vietnam Airlines trên cơ sở tạo bước đột phá lớn, dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo. Tập trung triển khai nhanh và mạnh công tác chuyển đổi số doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển thương mại điện tử và công nghệ hỗ trợ khách hàng. Tiếp tục đầu tư đổi mới phát triển đội tàu bay hiện đại tiên tiến.
- Các giải pháp, chính sách phát triển, mở rộng quy mô sản xuất hay nâng cao hiệu quả SXKD phải đảm bảo vai trò, trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng, đồng thời gìn giữ và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Mở rộng vai trò của Vietnam Airlines trong ngành hàng không thông qua việc tích cực tham gia xây dựng các chính sách không tải; tham gia quy hoạch, xây dựng hạ tầng sân bay, đảm bảo khả năng phát triển sân bay căn cứ với khu vực dành riêng cho Vietnam Airlines với cơ sở sửa chữa bảo dưỡng và dịch vụ phụ trợ khác; tăng cường hợp tác liên doanh quốc tế nhằm tiếp thu kinh nghiệm, công nghệ quản lý, khoa học kỹ thuật; phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp với sự thay đổi thói quen, hành vi của khách hàng.
- Thực hiện cơ cấu lại toàn diện và đồng bộ các doanh nghiệp thành viên để Vietnam Airlines có cơ cấu hoạt động và quản trị hợp lý hơn, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh vận tải hàng không và các dịch vụ đồng bộ.



Ian O'Hanlon

Ian O'Hanlon

Ian O'Hanlon

- NEW YORK
- LONDON
- ATHENS
- OSLO
- BRUSSELS
- CREECE
- COPENHAGEN
- MADRID
- ONTARIO
- MOSCOW
- WASHINGTON
- BELGIUM
- PARIS
- ROME
- BARCELONA
- VENICE
- SYDNEY
- FIJI
- SEYCHELLES
- TENERIFE
- FRANKFURT
- BERLIN
- ST. PETERSBURG
- BRUCGE
- LUXEMBOURG
- FRANCE
- SCOTLAND
- INDIA
- AMSTERDAM
- LISBON
- MELBOURNE
- SOUTH AFRICA
- DENMARK
- LYON
- MUNICH
- FLORENCE
- FINLAND
- BUDAPEST
- NORWAY
- PORTUGAL
- CROATIA
- ATHENS
- BRAZIL
- ISTANBUL
- SWITZERLAND
- PRAGUE



2. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Top 3 về quy mô doanh thu trong khu vực Đông Nam Á
- Top 10 các hãng hàng không được ưa thích tại châu Á
- Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao quốc tế
- Thực hiện chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ, hướng tới là hãng hàng không công nghệ số
- Trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.

3. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Duy trì vị thế dẫn đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần vận tải hàng không hành khách (trên 50% thị phần Nội địa, trên 25% thị phần Quốc tế)
- Tổng sản lượng vận chuyển hành khách giai đoạn 2021 - 2025 đạt 169 triệu lượt khách, tăng trưởng bình quân trên 13%/năm và vận chuyển hàng hóa đạt 1,93 triệu tấn, tăng trưởng bình quân trên 14%/năm
- Chỉ số hãng hàng không công nghệ số (digital airline score) theo thang điểm đánh giá của SkaiBlu đạt trên 120 điểm
- Năng suất lao động tăng bình quân 5%/năm. Các chỉ số hài lòng và gắn kết nhân viên đều đạt trên 90 điểm
- Chỉ số hài lòng tổng thể - CSI (Customer Satisfaction Index) đạt trên 4 điểm. Chỉ số thiện cảm khách hàng - NPS (Net Promoter Score) bình quân năm đạt trên 30 điểm
- Đến năm 2025 đạt tiêu chuẩn 5 sao theo đánh giá của Skytrax.



III. GIỚI THIỆU CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Vietnam Airlines JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
- Điện thoại: (+84.24) 3827 2732 - Fax: (+84.24) 3872 2375
- Website: www.vietnamairlines.com
- Email: nhadautu@vietnamairlines.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 26/02/2019
- Vốn điều lệ: 14.182.908.470.000 đồng
- Mã cổ phiếu: HVN, Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.418.290.847 cổ phần (tính đến 31/12/2020).

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



2.1. Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hành khách hàng không (vận chuyển hàng không đối với hành khách), vận tải hàng hóa hàng không (vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng)
- Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay và tại các tỉnh, thành phố
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; Các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải: bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.



TÍNH ĐẾN 31/12/2020,
VIETNAM AIRLINES CÓ

25 chi nhánh

có mặt tại
20 tỉnh,
thành phố
tại Việt Nam

5 đơn vị
trực thuộc

31 chi nhánh &
văn phòng
đại diện tại
nước ngoài

3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1993

Thành lập Hãng hàng không quốc gia Việt Nam



2002

Giới thiệu biểu tượng mới - Bông Sen Vàng thể hiện sự phát triển của Vietnam Airlines để trở thành hãng hàng không có tầm cỡ và bản sắc trong khu vực và trên thế giới.

Khởi đầu cho chương trình định hướng toàn diện về chiến lược thương hiệu của Vietnam Airlines, kết hợp với những cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng đường bay và đặc biệt là nâng cấp đội máy bay



2006

Đạt chứng chỉ về an toàn khai thác của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) và chính thức gia nhập IATA

2014

09/2014: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Vietnam Airlines

11/2014: Chào bán thành công cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

1995

Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam trên cơ sở liên kết 20 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không, lấy Vietnam Airlines làm nòng cốt

2003

Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ

VNA tiếp nhận đưa vào khai thác chiếc máy bay hiện đại với nhiều tính năng ưu việt Boeing 777 đầu tiên, đánh dấu khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay của Hãng



2010

Chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm Chủ sở hữu

Vietnam Airlines chính thức trở thành hãng hàng không đầu tiên của Đông Nam Á gia nhập Liên minh Hàng không toàn cầu SkyTeam





2015

03/2015: VNA hợp ĐHCĐ lần đầu thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần

04/2015: Chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/4/2015

07/2015: Tiếp nhận và đưa vào khai thác hai dòng máy bay hiện đại nhất thế giới là Airbus A350 và Boeing 787; trở thành hãng hàng không đầu tiên của Đông Nam Á và thứ 2 trên thế giới tiếp nhận máy bay thế hệ mới Airbus A350-900, đồng thời ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới

LOTUSMILES

2017

01/2017: Chính thức niêm yết cổ phiếu Vietnam Airlines trên thị trường chứng khoán, đăng ký giao dịch với mã chứng khoán HVN và trở thành công ty đại chúng có giá trị vốn hóa thuộc top đầu của thị trường

12/2017: Chào đón hành khách thứ 200 triệu sau 20 năm thành lập và đạt 1,5 triệu hội viên Bông Sen Vàng – Lotusmiles

2019

05/2019: Chính thức niêm yết cổ phiếu HVN trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) vào ngày 07/5/2019

07/2019: Nhận chứng chỉ Hãng hàng không 4 sao năm thứ 4 liên tiếp theo đánh giá của Skytrax

08/2019: Chính thức đón máy bay thân rộng (lớn nhất Việt Nam) Boeing 787-10 Dreamliner

10/2019: Chào đón máy bay thứ 100 trong đội máy bay của Vietnam Airlines

2016

07/2016: Chính thức được Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không Skytrax công nhận là Hãng hàng không 4 sao

07/2016: Tập đoàn hàng không lớn nhất Nhật Bản – ANA Holdings Inc chính thức trở thành cổ đông chiến lược, nắm giữ 8,7% vốn điều lệ của Tổng công ty

2018

07/2018: Nhận chứng chỉ Hãng hàng không 4 sao năm thứ 3 liên tiếp theo đánh giá của Skytrax

11/2018: Chính thức đón máy bay A321neo đầu tiên

Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước từ Bộ GTVT sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

2020

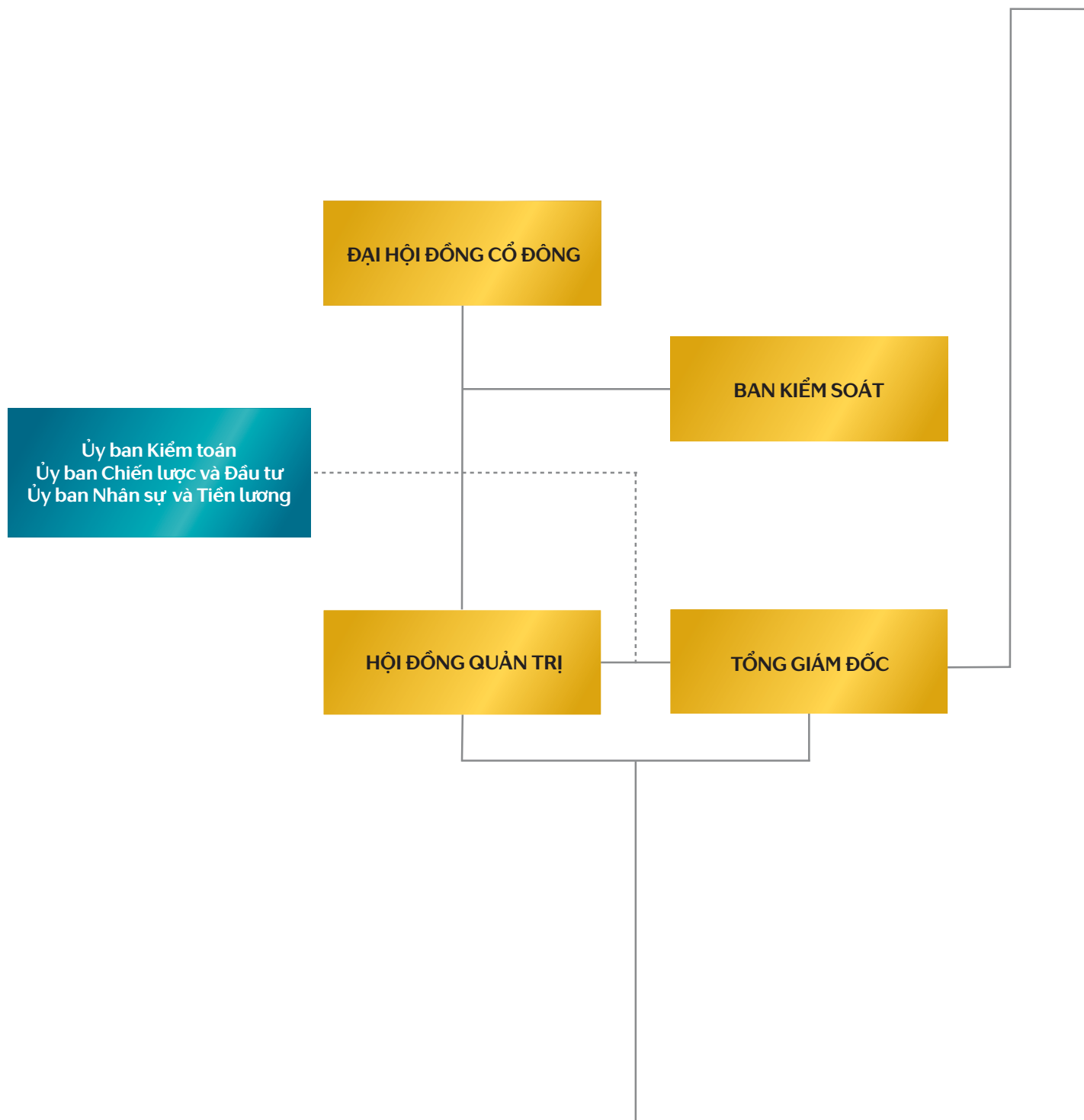
05/2020: Kỷ niệm 25 năm thành lập Vietnam Airlines

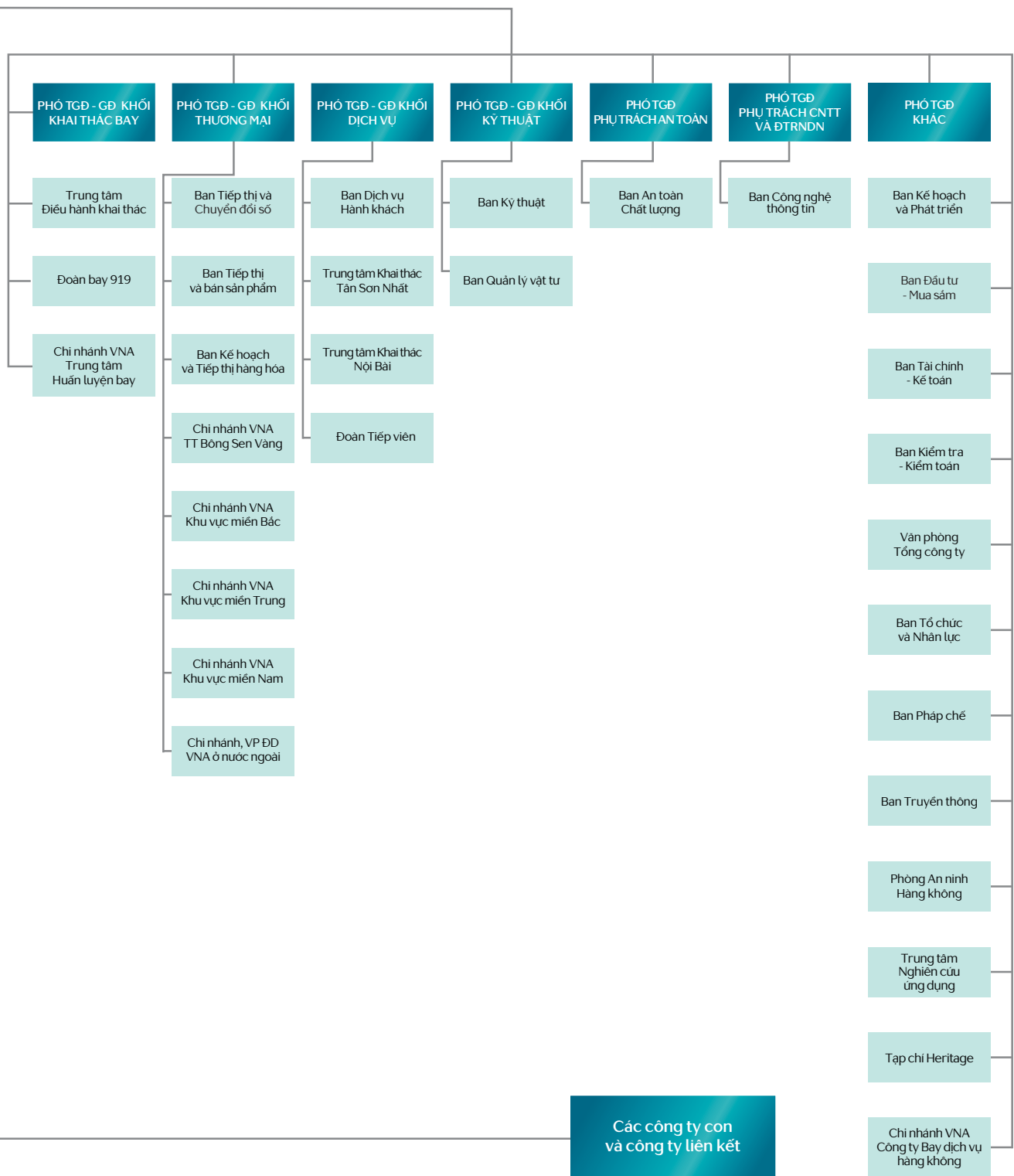
Thực hiện thành công 187 chuyến bay tới hơn 30 quốc gia để đưa 54 nghìn đồng bào hồi hương.



4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





Các công ty con và công ty liên kết

4.2. BAN LÃNH ĐẠO VIETNAM AIRLINES

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐẶNG NGỌC HÒA
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác:
Chủ tịch Ủy ban chiến lược và đầu tư
Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và tiền lương

Năm sinh: 1972
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không
Đại diện phần vốn Nhà nước tại HVN với tỷ lệ 31,34%
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0007%.



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH
Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác:
Thành viên Ủy ban Chiến lược và đầu tư
Thành viên Hội đồng học viện Hàng không Việt Nam
Thành viên Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch một số hạng mục công trình tại cảng Hàng không quốc tế Long Thành
Chủ tịch liên đoàn đua thuyền

Năm sinh: 1961
Năm bắt đầu làm việc trong ngành Hàng không: 1991
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ khoa học ngành Vận tải Hàng không
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0005%.



Ông LÊ HỒNG HÀ
Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)
Thành viên Ban chấp hành trung ương Hội hữu nghị Việt Nam-Australia
Thành viên Ban chấp hành trung ương Hội hữu nghị Việt Nam-Ấn Độ Phó chủ tịch Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Myanmar

Năm sinh: 1972
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật
Đại diện phần vốn Nhà nước tại HVN với tỷ lệ 23,5089%
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0006%.



Ông TẠ MẠNH HÙNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác:
Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Phó Chủ tịch HĐQT Hãng hàng không quốc gia Cambodia Angkor Air (K6)

Năm sinh: 1972
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý
Đại diện phần vốn Nhà nước tại HVN với tỷ lệ 15,669%
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0006%.



Ông TOMOJI ISHII
Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác:
Phó Chủ tịch cao cấp Chiến lược doanh nghiệp ANA HOLDINGS INC

Năm sinh: 1966
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2020
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học chính trị
Đại diện phần vốn ANA Holdings Inc. tại HVN với tỷ lệ 8,77%
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0000%.

BAN GIÁM ĐỐC

Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH Tổng Giám đốc

Các tổ chức khác:
Thành viên Ủy ban Chiến lược và đầu tư
Thành viên Hội đồng học viện Hàng không Việt nam
Thành viên Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch một số hạng mục công trình tại cảng Hàng không quốc tế Long Thành
Chủ tịch liên đoàn đua thuyền

Năm sinh: 1961
Năm bắt đầu làm việc trong ngành Hàng không: 1991
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học ngành Vận tải Hàng không
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0005%.



Ông LÊ HỒNG HÀ Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)
Thành viên Ban chấp hành trung ương Hội hữu nghị Việt Nam-Australia
Thành viên Ban chấp hành trung ương Hội hữu nghị Việt Nam-Ấn Độ
Phó chủ tịch Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Myanmar

Năm sinh: 1972
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0006%.

Ông TRỊNH NGỌC THÀNH Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không (AITS)
Thành viên Tiểu ban Lễ tân phục vụ nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2020
Thành viên Hội đồng tư vấn của IATA
Thành viên Hội đồng điều phối giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam

Năm sinh: 1964
Năm bắt đầu làm việc trong ngành Hàng không: 1988
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0007%.



Ông TRỊNH HỒNG QUANG Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác:
 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (PA)
 Thành viên Ban tổ chức Hội nghị toàn quốc về Logistics các giải pháp giảm chi phí, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông
 Thành viên Tổ nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện Quy hoạch cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài
 Thành viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch chi tiết cảng Hàng không Đồng Hới giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến 2030
 Thành viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch chi tiết cảng Hàng không Côn Đảo giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến 2030

Năm sinh: 1963
 Năm bắt đầu làm việc trong ngành Hàng không: 1992
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0006%.



Ông NGUYỄN HỒNG LĨNH Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác:
 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt (VFT)

Năm sinh: 1962
 Năm bắt đầu làm việc trong ngành Hàng không: 1984
 Trình độ chuyên môn: Phi công
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0006%.

Ông TRẦN THANH HIỀN Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Các tổ chức khác:
 Chủ tịch HĐQT CTCP Cho Thuê Máy Bay Việt Nam (VALC)

Năm sinh: 1963
 Năm bắt đầu làm việc trong ngành Hàng không: 1992
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0002%.



BAN KIỂM SOÁT

Bà NGUYỄN THỊ THIÊN KIM Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1967
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0003%.



Ông MAI HỮU THỌ Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1962
Năm bắt đầu làm việc trong ngành Hàng không: 1984
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0006%.

Ông LẠI HỮU PHƯỚC Thành viên Ban Kiểm soát

Các tổ chức khác:
Trưởng ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank

Năm sinh: 1967
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2015
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,0000%.



NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Ông NGUYỄN XUÂN THỦY Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty

Các tổ chức khác:
Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)

Năm sinh: 1962
Năm bắt đầu làm việc trong ngành Hàng không: 1992
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ sở hữu cổ phần HVN: 0,000285%.



4.3. Danh sách các công ty con, công ty liên kết

(tính đến 31/12/2020)

Danh sách các công ty con

STT	CÔNG TY CON	TÊN VIẾT TẮT	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP (TRIỆU VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA (%)
1	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	VAECO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	1.093.117	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	SKYPEC	202 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Kinh doanh nhiên liệu hàng không	800.000	100,00
3	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	VACS	Sân bay Tân Sơn Nhất - P.2 Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay	85.448	100,00
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	VIAGS	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ mặt đất sân bay	250.000	100,00
5	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (PA)	PA	112 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hàng không	3.522.081	68,85
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCTS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	261.669	55,13
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	TCS	46-48 Hậu Giang - P.4 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	93.726	55,00
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất	TECS	Số 6 Thăng Long - P.4 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không	51.430	51,00
9	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO	VINAKO	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi	8.578	65,05
10	Công ty Cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài	NCS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Cung cấp suất ăn hàng không và các dịch vụ liên quan	179.491	60,17
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	NASCO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	83.158	51,00
12	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	VFT	117 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Đào tạo phi công	66.000	51,52
13	Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không	AITS	412 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Dịch vụ Tin học viễn thông	58.032	52,73
14	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	ALSIMEXCO	Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Xuất Nhập Khẩu Lao động	10.000	51,00
15	Cty CP Sabre Việt Nam	SABRE VN	Tầng 5, Tòa nhà Đệ Nhất 53 Quang Trung, P. Nguyễn Du Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ liên quan đến phân phối hệ thống sabre và hệ thống cuộc gọi	5.200	51,69

Danh sách các công ty liên kết

STT	CÔNG TY CON	TÊN VIẾT TẮT	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP (TRIỆU VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA (%)
1	Công ty Cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam	VALC	Tầng 6, 18 Lý Thường Kiệt Phường Phan Chu Trinh Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay	63.315.837 (USD)	32,48
2	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	K6	206A, Preah Norodom Blvd Sangkat Tonle Basac Khan Chamkarmon, Phnom Penh Cambodia	Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không	100.000.000 (USD)	49,00
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	MASCO	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng	Dịch vụ cung cấp suất ăn trên máy bay, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	42.677	36,11
4	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hàng không	AIRIMEX	414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay	31.113	41,31
5	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp hàng không	APLACO	Ngõ 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Công nghiệp nhựa cao cấp	17.280	30,41

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

5.1. THÔNG TIN CỔ PHẦN

LOẠI CỔ PHẦN	Cổ phần phổ thông
MỆNH GIÁ	10.000 đồng/cổ phần
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH	1.418.290.847 cổ phần
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	1.418.290.847 cổ phần

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
I. Nhà nước (Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)	1	1.222.368.291	86,19%
II. Cổ đông chiến lược ANA Holdings Inc	1	124.438.698	8,77%
III. Tổ chức khác	101	24.150.669	1,70%
1. Trong nước	60	17.565.597	
2. Nước ngoài	41	6.585.072	
IV. Cá nhân	23.091	47.333.189	3,34%
1. Trong nước	22.633	46.058.610	
2. Nước ngoài	458	1.274.579	
TỔNG CỘNG	23.194	1.418.290.847	100,00%

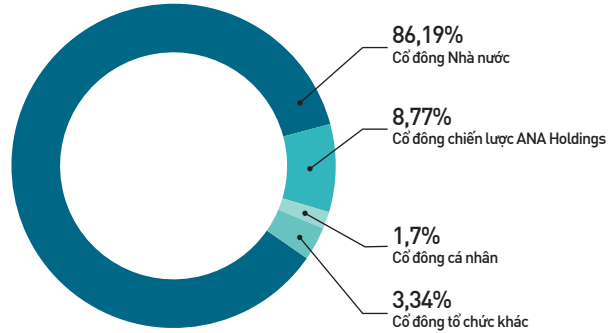
(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 15/12/2020)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (NĂM GIỮ TRÊN 5% TỔNG SỐ CỔ PHẦN):

Danh sách cổ đông lớn (năm giữ trên 5% tổng số cổ phần):

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	NHÀ NƯỚC (UBQLVNN)	1.222.368.291	86,19%
2	ANA HOLDINGS INC	124.438.698	8,77%

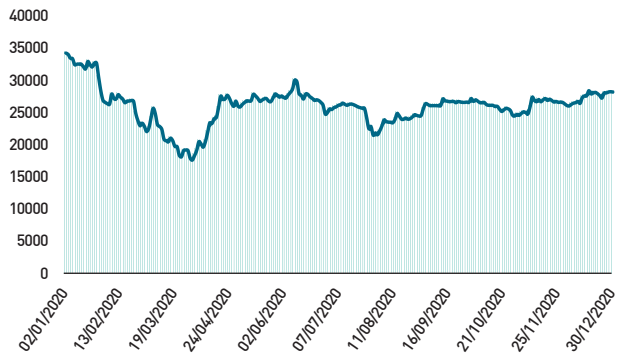
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Dữ liệu thống kê

Mã cổ phiếu	HVN:HOSE
Ngành	Hàng không
Giá đóng cửa (31/12/2020)	28.300
Cao nhất 52 tuần	34.300
Thấp nhất 52 tuần	17.800
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	40.137
Số cổ phiếu lưu hành	1.418.290.847

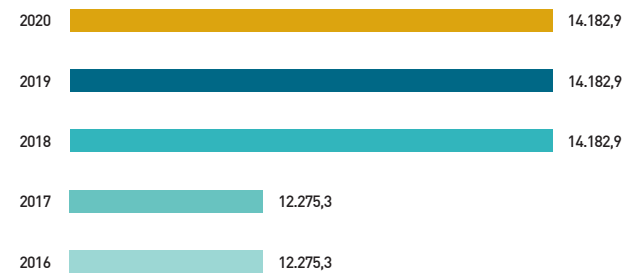
DIỄN BIẾN GIÁ CỔ PHIẾU HVN



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tại thời điểm 31/12/2020, chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu là 14.182.908.470.000 đồng, không thay đổi so với ngày 01/01/2020.

QUY MÔ VỐN ĐIỀU LỆ



Tỷ đồng

6. SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2020



Hội thảo kích cầu du lịch, giới thiệu đường bay mới tại Cần Thơ



Lễ ký Thỏa thuận nghiên cứu thành lập liên doanh bảo dưỡng tàu bay giữa VNA-ANA-STEAM



Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020



Phối hợp với Vingroup tổ chức Gala Tri ân Người hùng ngành Y tại Phú Quốc



Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tổng công ty Hàng không lần thứ V nhiệm kỳ 2020 – 2025



Tọa đàm “Chủ sở hữu nhà nước: Hành động và trách nhiệm hậu COVID-19 – Trường hợp Vietnam Airlines”



Tổ chức sự kiện Vietnam Airlines Festa tháng 6, tháng 8, tháng 12 tham gia cùng các hoạt động trong chương trình “Kích cầu du lịch nội địa” do UBND Thành phố Hà Nội chủ trì tổ chức tại khu vực phố đi bộ Hồ Hoàn Kiếm



Lễ ký thỏa thuận hợp tác Vietnam Airlines – FPT



Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam (Vietnam International Travel Mart) – VITM Hanoi



Phối hợp với UBND Thành phố Hà Nội tổ chức Giải bơi chài thuyền rồng Hà Nội mở rộng năm 2020



Lễ ký thỏa thuận hợp tác chiến lược Vietnam Airlines và Đài Truyền hình Việt Nam



Lễ ký thỏa thuận hợp tác với Bà Rịa – Vũng Tàu và Saigon Tourist Group



Đại hội cổ đông bất thường năm 2020

7. DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2020



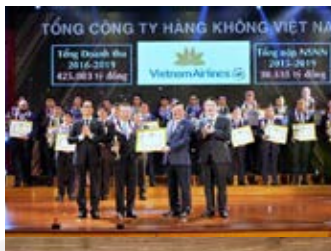
Top 10 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam do Campaign Asia-Pacific khảo sát.



Giải thưởng “Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về bản sắc văn hóa”; “Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về hạng Phổ thông và Phổ thông đặc biệt” do World Travel Awards 2020 cấp khu vực Châu Á trao tặng.



Tiếp tục dẫn đầu bảng xếp hạng thương hiệu tốt nhất tại Việt Nam năm 2020 (do YouGov – Tập đoàn nghiên cứu và phân tích dữ liệu uy tín quốc tế có trụ sở tại Anh Quốc – công bố trong Bảng xếp hạng thương hiệu toàn cầu – BrandIndex Rankings 2020).



Danh hiệu “Doanh nghiệp nộp thuế tiêu biểu” do Tổng Cục thuế bình chọn và trao tặng.



Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm thứ tư liên tiếp do VNR500 bình chọn (Vietnam Airlines đứng thứ 7).



Giải thưởng “Thương hiệu Vàng năm 2020” và “Thương hiệu Việt được yêu thích nhất năm 2020” tại Lễ trao giải thưởng Thương hiệu Việt yêu thích nhất năm 2020.



Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2019.



Top 5 doanh nghiệp Vận tải xuất sắc nhất Việt Nam (Vietnam Airlines đứng thứ nhất).



Thương hiệu quốc gia Việt Nam (Vietnam Value) có giá trị trong 2 năm 2020 và 2021.



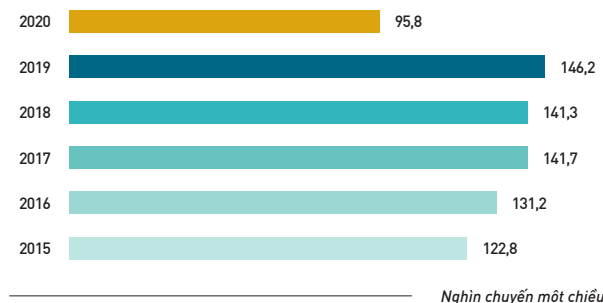
IV. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

1. CÁC CHỈ TIÊU KHAI THÁC CƠ BẢN

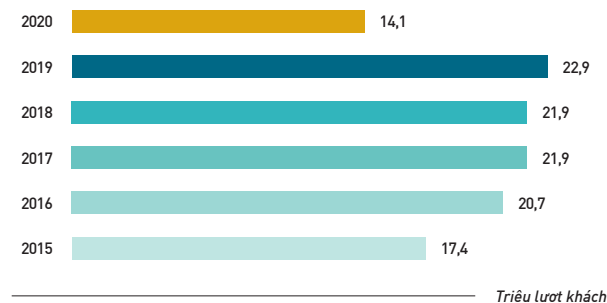
1.1. SỐ LIỆU VIETNAM AIRLINES (VNA VÀ VASCO)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2020/2019
Chuyến bay	Nghìn chuyến 1 chiều	122,8	131,2	141,7	141,3	146,2	95,8	65,5%
Khách vận chuyển	Triệu lượt khách	17,4	20,7	21,9	21,9	22,9	14,1	61,7%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	208,4	271	323	341,5	348	196	54,3%
Khách luân chuyển	Tỷ HK.km	28,7	32,8	34,8	36,2	37,6	15,2	40,4%
Ghế luân chuyển	Tỷ ghế.km	35,8	40,6	42,7	44,7	46,5	19,4	41,8%
Hệ số sử dụng ghế	%	80,7	80,8	81,5	81,3	80,9	78,25	96,7%

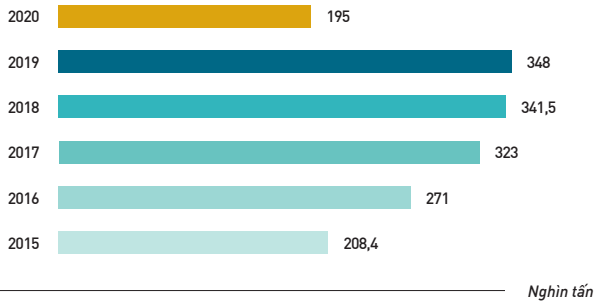
CHUYẾN BAY



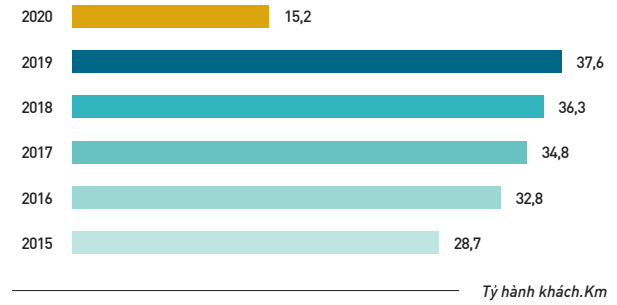
KHÁCH VẬN CHUYỂN



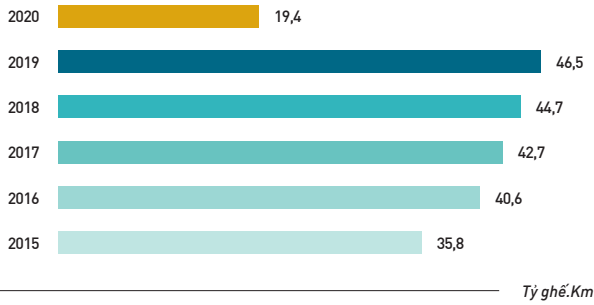
HÀNG HÓA, BƯU KIẾN VẬN CHUYỂN



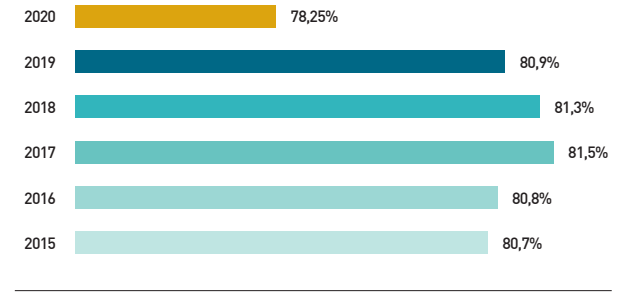
KHÁCH LUÂN CHUYỂN



GHẾ LUÂN CHUYỂN



HỆ SỐ SỬ DỤNG GHẾ

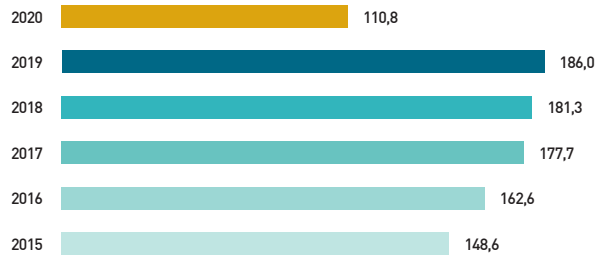




1.2. SỐ LIỆU VNA GROUP (VNA, VASCO VÀ PA)

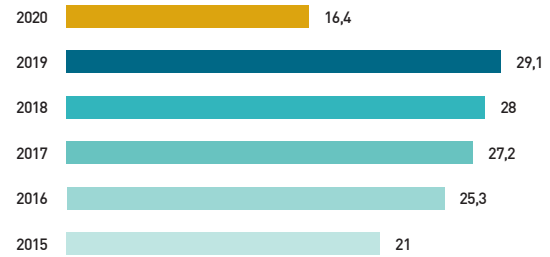
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2020/2019
Chuyến bay	Nghìn chuyến 1 chiều	148,6	162,6	177,7	181,2	186,0	110,8	59,6%
Khách vận chuyển	Triệu lượt khách	21	25,3	27,2	28,0	29,1	16,4	56,2%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	209	289	344	366	371,3	201,7	54,3%
Khách luân chuyển	Tỷ HK.km	31,6	36,3	39,2	41,5	42,9	17,0	39,6%
Ghế luân chuyển	Tỷ ghế.km	39,2	44,9	48,0	50,8	52,8	21,6	41,0%
Hệ số sử dụng ghế	%	81,0	80,8	81,7	81,7	81,2	78,5	96,7%

CHUYẾN BAY



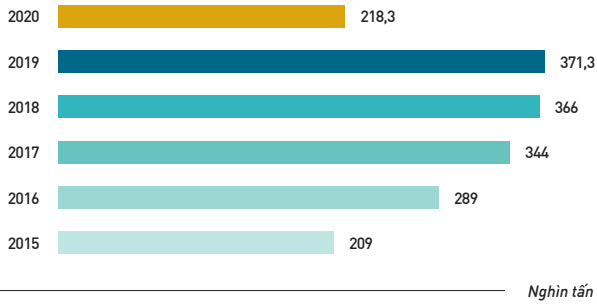
Nghìn chuyến một chiều

KHÁCH VẬN CHUYỂN

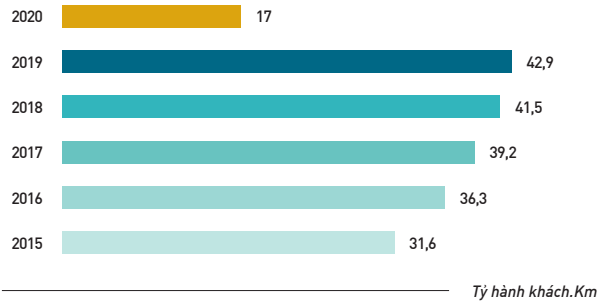


Triệu lượt khách

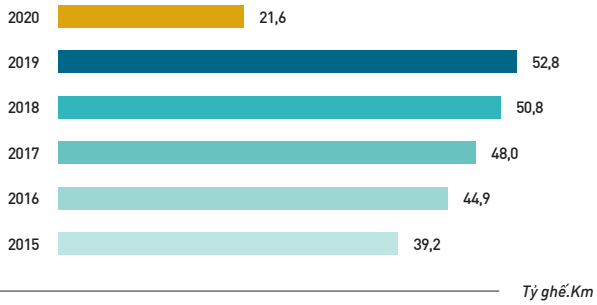
HÀNG HÓA, BƯU KIẾN VẬN CHUYỂN



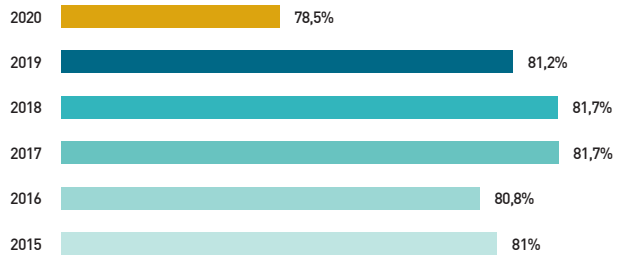
KHÁCH LUÂN CHUYỂN



GHẾ LUÂN CHUYỂN



HỆ SỐ SỬ DỤNG GHẾ

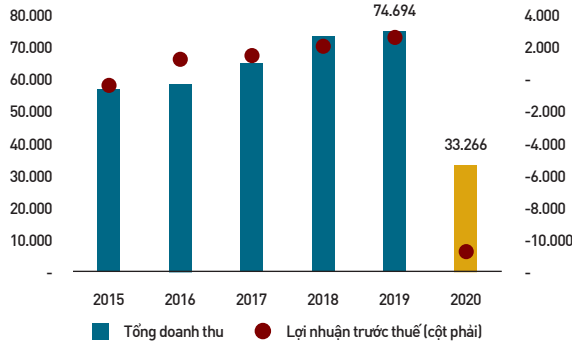




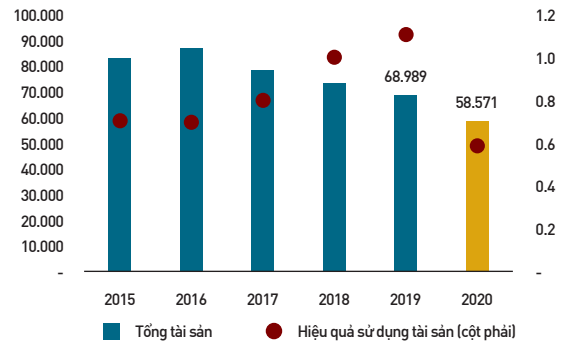
2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

2.1. CÔNG TY MẸ

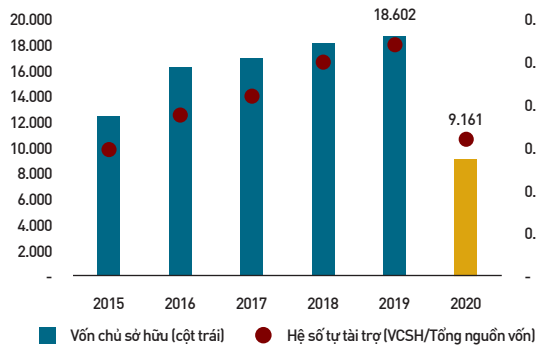
KẾT QUẢ KINH DOANH 2015-2020



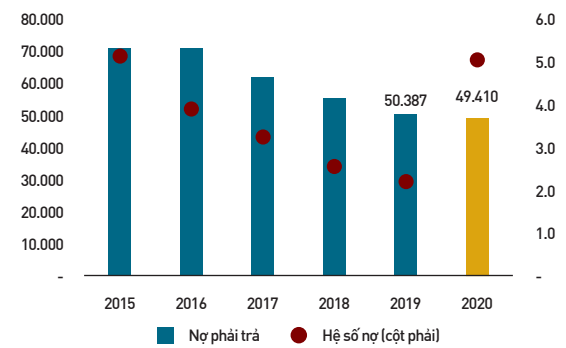
TÀI SẢN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG



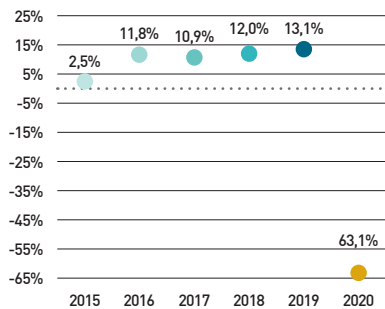
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ NGUỒN VỐN



NỢ PHẢI TRẢ VÀ HỆ SỐ NỢ

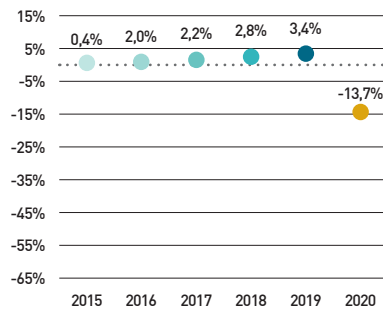


ROE



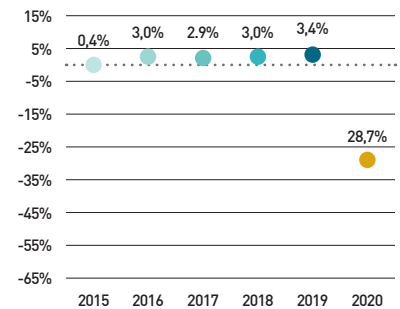
*ROE = Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân

ROA



*ROA = Lợi nhuận sau thuế/Tài sản bình quân

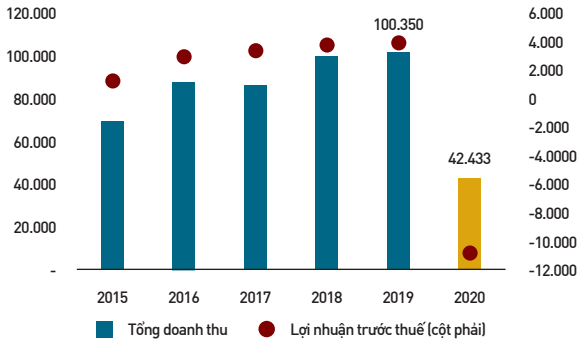
ROS



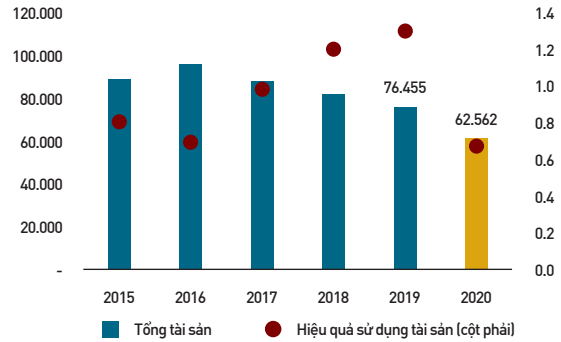
*ROS = Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần

2.2. HỢP NHẤT

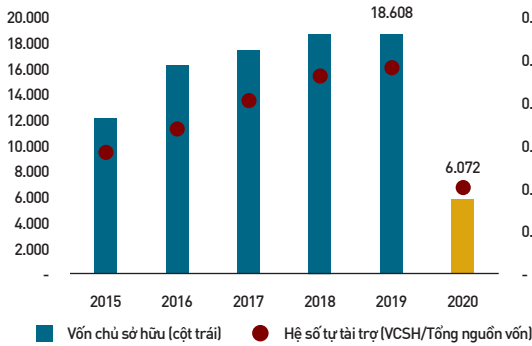
KẾT QUẢ KINH DOANH 2015-2020



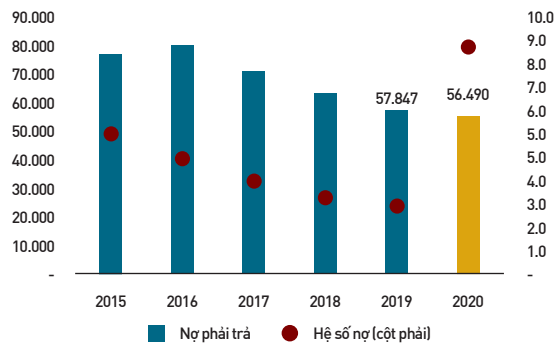
TÀI SẢN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG



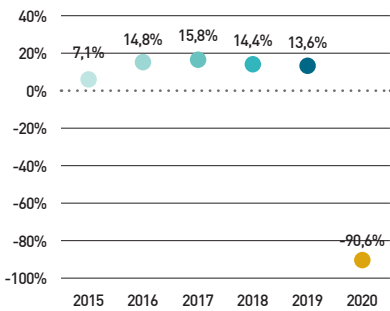
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ NGUỒN VỐN



NỢ PHẢI TRẢ VÀ HỆ SỐ NỢ

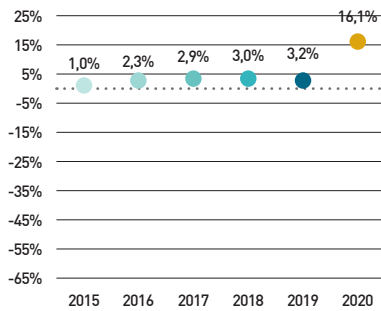


ROE



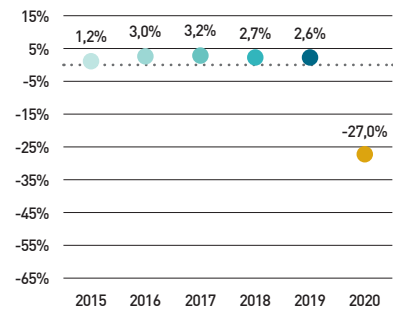
*ROE = Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân

ROA



*ROA = Lợi nhuận sau thuế/Tài sản bình quân

ROS



*ROS = Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần



V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VIETNAM AIRLINES

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

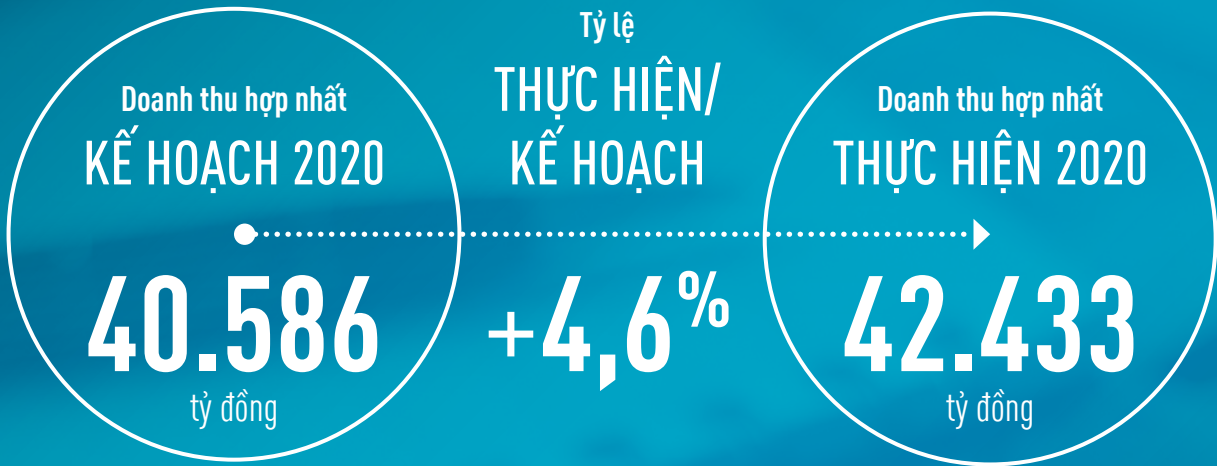
Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng và làm thay đổi hoàn toàn hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Hiệp hội vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) dự báo cuộc khủng hoảng dịch COVID-19 sẽ khiến ngành hàng không thế giới chịu mức thiệt hại kỷ lục 84 tỷ USD trong năm nay, và năm 2020 sẽ trở thành “năm tồi tệ nhất trong lịch sử hàng không”. IATA dự báo sản lượng khách luân chuyển năm 2020 giảm 66% so với 2019, kéo theo đó là số lỗ của toàn ngành hàng không thế giới là 84 tỷ USD (trong năm 2019, vận tải hàng không thế giới lãi 29 tỷ USD). Từ tháng 3/2020, Vietnam Airlines đã phải ngừng tất cả các đường bay đi/đến quốc tế thường lệ, chỉ còn khai thác các chuyến chở khách hồi hương hoặc kết hợp chở hàng tuân thủ theo sự chỉ đạo của Chính phủ.

Các đường bay nội địa cũng bị ảnh hưởng và suy giảm nghiêm trọng, đặc biệt trong giai đoạn từ cuối tháng 3 đến hết tháng 4 tần suất bay trong nước bị cắt giảm tối đa bởi chính sách giãn cách xã hội của Chính phủ. Sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát tại Việt Nam từ tháng 5, thị trường nội địa có dấu hiệu phục hồi, các hãng hàng không đồng loạt tăng tải. Vietnam Airlines đã chủ động điều chỉnh tải giữa các nhóm đường bay trong nước, tăng cường khai thác trên các đường bay du lịch, đường bay lẻ, địa phương, tận dụng tối đa cơ hội thị trường trong giai đoạn cao điểm hè để tăng doanh thu. Tuy nhiên, doanh thu cao điểm hè và đà phục hồi của Vietnam Airlines lại một lần nữa bị ảnh hưởng lớn do đợt bùng phát dịch lần 2 tại Đà Nẵng vào cuối tháng 7. Mặc dù tình hình hiện tại đã được kiểm soát tốt, nhưng thị trường đã bước vào giai đoạn thấp điểm, cạnh tranh

trên thị trường tiếp tục gay gắt do tình trạng thừa tải, giá vé duy trì ở mức thấp. Các tích lũy nguồn lực tài chính và các cân đối được cải thiện qua nhiều năm đã bị suy kiệt và thay đổi theo chiều hướng tiêu cực. Hoạt động kinh doanh bị thua lỗ trầm trọng, dòng tiền nhanh chóng rơi vào trạng thái thâm hụt nặng nề, vay và nợ quá hạn gia tăng đột biến.

Trong giai đoạn đầy khó khăn, Vietnam Airlines đã nhanh chóng chuyển đổi, dùng máy bay chở khách để chuyên chở hàng hóa, triển khai khai thác vận chuyển hàng hóa trên khoang hành khách (CIPC) nhằm tối ưu hóa nguồn lực sẵn có và đóng góp một phần doanh thu cho hoạt động SXKD của hãng. Bên cạnh hàng hóa phục vụ nền kinh tế và đời sống xã hội, Vietnam Airlines còn vận chuyển hàng phục vụ chiến dịch phòng, chống dịch COVID-19 gồm khẩu trang y tế, trang phục chống dịch, trang thiết bị, vật tư y tế. Những chuyến bay chở hàng là nỗ lực của Hãng hàng không Quốc gia nhằm góp phần đảm bảo thông thương, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là xuất/nhập khẩu hàng hóa, cải thiện đời sống xã hội của người lao động trong các khu công nghiệp và nhà máy lớn cũng như đồng hành cùng Chính phủ trong công cuộc phòng, chống dịch COVID-19. Bên cạnh đó, Vietnam Airlines cũng tận dụng các cơ hội để khai thác hàng hóa trên các chuyến bay giải cứu cũng như các chuyến bay khách thường lệ khai thác trở lại.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cụ thể như sau:



STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2019	KẾ HOẠCH 2020	THỰC HIỆN 2020 (*)	THỰC HIỆN 2020/2019	THỰC HIỆN 2020/2020
1	Tổng Doanh thu hợp nhất	100.350	40.586	42.433	42,3%	104,6%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	74.694	32.535	33.266	44,5%	102,2%
2	Tổng chi phí hợp nhất	96.961	55.763	53.394	55,1%	95,8%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	71.795	47.022	42.010	58,5%	89,3%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	3.389	-15.177	-10.960	-323,4%	72,2%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.899	-14.487	-8.743	-301,6%	60,4%
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	2.537	-15.177	-11.178	-440,5%	73,7%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.418	-14.487	-8.755	-362,0%	60,4%
5	Nộp ngân sách hợp nhất	7.930	3.694	3.949	49,8%	106,9%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.776	471	525	18,9%	111,5%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETNAM AIRLINES

Trong điều kiện hoạt động SXKD có nhiều bất lợi, Vietnam Airlines đã chủ động thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để ứng phó với đại dịch, đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục bao gồm:

- Chủ động tổ chức lại sản xuất, điều hành hoạt động SXKD phù hợp với diễn biến của thị trường, biến đổi dịch bệnh; tích cực tham gia chương trình vận chuyển đồng bào hồi hương, vận chuyển chuyên gia; tăng cường các hoạt động vận chuyển hàng hóa, thiết bị, vật tư y tế; tận dụng mọi cơ hội để tăng nguồn thu và dòng tiền cho doanh nghiệp. Do hoạt động vận tải hành khách quốc tế thường lệ hoàn toàn đình trệ, Tổng công ty tập trung tăng cường khai thác thị trường nội địa để sử dụng được tối đa năng lực khai thác, tạo công ăn việc làm cho người lao động, bổ sung nguồn thu và dòng tiền duy trì hoạt động SXKD.
- Về chính sách lao động, tiền lương: Thu hẹp tối đa quy mô sản xuất, tổ chức lại sản xuất, tinh giản biên chế, tái cơ cấu lực lượng lao động. Năm 2020, Tổng công ty sử dụng 66% - 68% nguồn lực so với trước khi xảy ra dịch COVID-19; quỹ tiền lương thực hiện bằng 49% năm 2019.
- Thực hiện triệt để việc cắt giảm, tiết kiệm các khoản chi, đàm phán giảm giá với các đối tác để giảm chi phí tối đa.
- Đàm phán giãn hoãn thanh toán với các nhà cung cấp, tái cơ cấu các khoản nợ vay trong và ngoài nước để giảm áp lực dòng tiền và duy trì thanh khoản. Tăng cường sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn để bù đắp thiếu hụt dòng tiền.

CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định đội ngũ người lao động là nguồn lực quan trọng, một trong những giá trị cốt lõi của Vietnam Airlines, trong nhiều năm qua Vietnam Airlines từng bước thực hiện chương trình cải cách tiền lương, gắn tiền lương với hiệu quả sản xuất kinh doanh đã tạo động lực nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc và thu hút người lao động gắn bó với doanh nghiệp, đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển của Vietnam Airlines.

Tuy chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19, Vietnam Airlines cố gắng thực hiện đúng và đủ chế độ, chính sách đối với người lao động. Thu nhập của người lao động được điều chỉnh, cân đối phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn của Vietnam Airlines trong giai đoạn dịch bệnh. Với dự báo ảnh hưởng của dịch bệnh còn kéo dài, hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, buộc Vietnam Airlines phải tiếp tục tổ chức

lại sản xuất, tinh gọn nguồn lực, kêu gọi sự đồng lòng chia sẻ của người lao động để vượt qua khó khăn.

Chế độ bảo hiểm xã hội thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và Pháp luật. Các chế độ khác như bảo hiểm sức khỏe đối với người lao động và thân nhân, chế độ vé miễn giảm cước... tiếp tục được duy trì. Ngoài ra, Vietnam Airlines đã xây dựng và triển khai các chính sách trợ giúp đối với người lao động tạm hoãn Hợp đồng lao động, nghỉ không hưởng lương, nghỉ chờ hưu giai đoạn 2021 - 2023.

2. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2020, với phương châm hành động **“Đoàn kết – Sáng tạo – Bản lĩnh – Hành động”**, Ban điều hành đã linh hoạt, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đưa Vietnam Airlines vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:



- Trên cơ sở định hướng của HĐQT, Ban điều hành đã thường xuyên nắm bắt diễn biến thị trường, chỉ đạo xây dựng và triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững.
- Thực hiện tốt chế độ báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực và các mặt hoạt động. Bên cạnh việc phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo đã chú trọng trong việc dự báo, đánh giá tình hình thị trường giai đoạn tiếp theo để đưa ra các kịch bản điều hành, nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT; tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Vietnam Airlines và các văn bản quản lý nội bộ khác.
- Để kịp thời ứng phó với diễn biến nhanh và phức tạp của dịch COVID-19, HĐQT Vietnam Airlines đã ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các nội dung có tính chất cấp thiết trong giai đoạn xử lý khủng hoảng để đảm bảo điều hành liên tục, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật và lợi ích của Tổng công ty.
- Đối với các nội dung còn lại (không ủy quyền): HĐQT đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của Vietnam Airlines.

Khi triển khai Nghị quyết HĐQT, Tổng giám đốc giao nhiệm vụ cụ thể đến các cơ quan, đơn vị, trong đó có nêu rõ tiến độ/thời hạn hoàn thành/báo cáo. Các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được giao.



3. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Định hướng “**Đoàn kết – Sáng tạo – Bản lĩnh – Hành động**” Vietnam Airlines xác định các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 như sau:

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021



AN TOÀN TUYỆT ĐỐI

Đây được coi là nhiệm vụ tiên quyết, là cơ sở, tiền đề cho sự phục hồi và phát triển của Vietnam Airlines.



GIỮ VỮNG VỊ THẾ CHỦ LỰC

VNA Group sẽ nắm giữ thị phần số 1 tại Việt Nam. Tận dụng đà phục hồi của thị trường nội địa để đảm bảo vị thế, từng bước nâng cao thị phần của VNA Group, đặc biệt là phân thị giá rẻ. Vietnam Airlines chủ động phục hồi và khai thác trở lại các đường bay quốc tế nhưng đảm bảo sự an toàn theo yêu cầu của các nhà chức trách; Tìm kiếm các thị trường quốc tế mới trong bối cảnh suy giảm nhu cầu trên thế giới.



TÁI CƠ CẤU TOÀN DIỆN DOANH NGHIỆP

Thực hiện thay đổi quy trình công việc nội bộ, tái cơ cấu tổ chức bộ máy trong hoạt động SXKD nhằm tối ưu sử dụng nguồn lực (lao động, máy bay...), nâng cao hiệu quả, cải thiện thu nhập của người lao động. Kiện toàn tổ chức các khối theo hướng tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, tinh giản số lượng lao động thông qua tổ chức lại quy trình làm việc, thực hiện thuê ngoài đối với những lĩnh vực hoạt động không hiệu quả. Sắp xếp lại quy trình sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, tăng phân quyền, ủy quyền, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên cơ sở tăng cường công tác kiểm tra.



CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thực hiện chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ hướng tới là hãng hàng không công nghệ số. Tập trung triển khai nhanh, mạnh công tác chuyển đổi số doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển thương mại điện tử và công nghệ hỗ trợ khách hàng.

**TIỆN ÍCH ƯU VIỆT
LỢI ÍCH KHÁC BIỆT**

**THÍCH LÀ
BAY**



BẠN BAY HÀ NỘI ⇄ TP. HỒ CHÍ MINH CÓ THEO PHONG CÁCH BIẾT VNAXPRESS

Tiện ích ưu việt. Lợi ích khác biệt. Thích là bay



Giờ tròn dễ chọn

30 phút/60 phút/chuyến từ
06:00-21:00 hàng ngày



Mua vé sát giờ bay

Trước 60 phút trước giờ khởi hành
tại đại lý/website Vietnam Airlines
(thay vì 180 phút như trước)



Cơ hội bay sớm hơn

Miễn phí đổi chuyến bay ngay cả khi đã qua
soi chiếu an ninh, trong vòng 120 phút
trước giờ khởi hành nếu chuyến bay còn chỗ



Máy bay thân rộng, hiện đại

Khoảng cách giữa các ghế ngồi thoải mái



Quầy check-in, cửa ra máy bay

Riêng biệt, gần lối ra soi chiếu an ninh,
khu vực ngồi chờ tiện nghi, thường xuyên
sử dụng ống lồng thuận tiện cho quý
khách ra máy bay



Chăm sóc, hỗ trợ đặc biệt

Quý khách được chăm sóc/hỗ trợ
bởi đội ngũ nhân viên chuyên trách,
giàu kinh nghiệm từ khi làm thủ tục
cho đến khi lên máy bay

Đặt vé ngay:
vietnamairlines.com

Gọi ngay:
1900 1100

Like ngay:
fb/vietnamairlines

Đăng ký ngay:
Hội viên LOTUSMILES



VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD CỦA BAN GIÁM ĐỐC

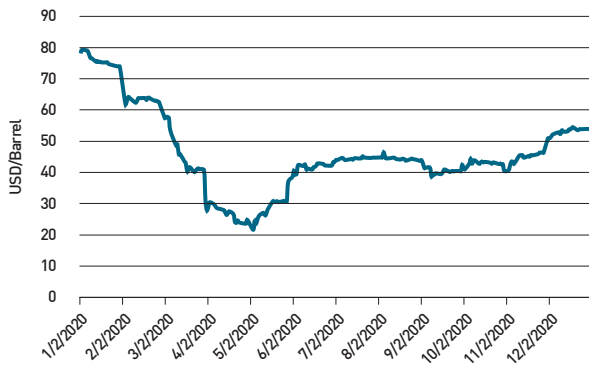
1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1.1. TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2020

Kinh tế Việt Nam năm 2020 chỉ đạt mức tăng trưởng 1,8%. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 2011, nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19, đó vẫn là một thành công lớn khi Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất thế giới.

Tình hình thế giới và khu vực suy thoái nghiêm trọng khi dịch bệnh COVID-19 đã làm đứt gãy nhiều hoạt động kinh tế - xã hội, gây xáo trộn lớn đối với nhiều nền kinh tế lớn. Mặc dù đã có nhiều thông tin tích cực về vaccine, nhưng với diễn biến dịch bệnh phức tạp cùng làn sóng thứ ba của đại dịch ở châu Âu, kinh tế thế giới vẫn đứng trước rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, xung đột thương mại Mỹ - Trung vẫn ở trạng thái căng thẳng càng làm cho nền kinh tế thế giới gặp nhiều thách thức.

DIỄN BIẾN GIÁ NHIÊN LIỆU - JET KEROLEN

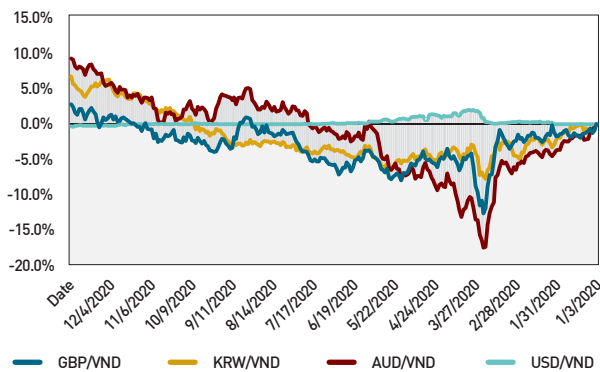


Nguồn: Bloomberg

Giá nhiên liệu thực hiện trong năm 2020 là 46,8 USD/thùng, thấp hơn 0,07 USD/thùng so kế hoạch (46,74 USD/thùng) do ảnh hưởng của COVID-19 làm giảm nhu cầu dầu và nhiên liệu.

Trong 03 tháng đầu năm 2020, ngoại trừ đồng JPY, hầu hết các đồng bản tệ chủ chốt của Vietnam Airlines (EUR, GBP, AUD, KRW, VND...) đều mất giá so với USD, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh (-16 tỷ đồng). Từ tháng 04/2020, các đồng bản tệ chủ chốt của Vietnam Airlines tăng giá so với USD nhưng dòng tiền thu bằng ngoại tệ giảm mạnh nên ảnh hưởng của tỷ giá USD/VND là yếu tố chính làm giảm chi phí 09 tháng cuối năm xấp xỉ 99 tỷ đồng. Ảnh hưởng của tỷ giá đến dòng tiền thu chi SXKD trong năm 2020 ước khoảng 83 tỷ đồng. Hiện tại, tỷ giá USD/VND có xu hướng ổn định và giao dịch quanh mức 23.250 VND/USD.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ



Nguồn: Bloomberg

1.2. THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Quốc tế

Từ cuối tháng 3/2020, mạng bay quốc tế đi/đến Việt Nam gần như đang tạm dừng khai thác, chỉ còn đối tượng khách chuyên gia hoặc công dân hồi hương, hoạt động vận tải hành khách quốc tế hoàn toàn đình trệ. Tính chung cả năm, khách tổng thị trường quốc tế đạt 6,02 triệu khách, giảm 82,7% so với 2019.

Nội địa

Đối với nội địa, mặc dù các hãng hàng không trong nước đưa ra rất nhiều chương trình khuyến mại, giá vé ưu đãi, nhưng khách tổng thị trường nội địa chỉ đạt 28,3 triệu khách, giảm 24,2% so cùng kỳ do ảnh hưởng lớn từ đợt giãn cách xã hội thời điểm tháng 4/2020 và tháng 8/2020; mặt bằng giá vé cũng giảm mạnh do dư thừa cung ứng làm doanh thu toàn thị trường chỉ bằng 54% so với 2019. Kết quả kinh doanh của các Hãng cho thấy doanh thu đều sụt giảm, kể cả giai đoạn cao điểm nhất vào tháng 7/2020. Nguyên nhân vì các hãng đều thừa máy bay, đua nhau giảm giá, thực hiện chương trình kích cầu du lịch, giá trung bình cả các hãng hàng không giảm mạnh.

1.3. ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC TỔ CHỨC HÀNG KHÔNG THẾ GIỚI

Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) dự báo cuộc khủng hoảng dịch COVID-19 sẽ khiến ngành hàng không thế giới chịu mức thiệt hại kỷ lục 128 tỷ USD trong năm nay, và năm 2020 sẽ trở thành “năm tồi tệ nhất trong lịch sử hàng không”. IATA dự báo sản lượng khách luân chuyển năm 2020 giảm 66% so với 2019, kéo theo đó là số lỗ của toàn ngành hàng không thế giới là 128 tỷ USD (trong năm 2019, vận tải hàng không thế giới lãi 29 tỷ USD).

Trước tình hình khó khăn của các hãng hàng không và đánh giá vai trò của ngành hàng không đối với nền kinh tế và xã hội, Chính phủ các quốc gia đã đưa nhiều gói hỗ trợ tài chính nhằm duy trì hoạt động hàng không và ngăn chặn việc sa thải nhân viên (tính đến hết 9/2020, số liệu ước tính là 161 tỷ USD). IATA cũng cảnh báo khoảng 1,3 triệu việc làm trong ngành hàng không đang gặp rủi ro và tiềm ẩn tác động xấu tới hàng triệu người lao động khác.



2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC

2.1. MẠNG ĐƯỜNG BAY

Đến hết năm 2020, Vietnam Airlines có mạng đường bay quốc tế gồm 64 đường bay đến 33 điểm thuộc 18 quốc gia và vùng lãnh thổ. Kể từ cuối tháng 3/2021, hầu hết các đường bay này đều đang tạm dừng khai thác.

Trên các đường bay nội địa, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu hành khách nội địa, cũng như tối ưu hóa sử dụng đội máy bay, Vietnam Airlines đã mở mới 22 đường bay nội địa, nâng tổng số đường bay khai thác lên 64 đường. Đây cũng là số đường bay được mở mới nhiều nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Hiện tại, có một số đường bay nội địa đang tạm dừng khai thác và sẽ có lộ trình khai thác trở lại trong năm 2021.



Bảng số liệu đường bay tổng hợp, nội địa, quốc tế (Trực tiếp khai thác):



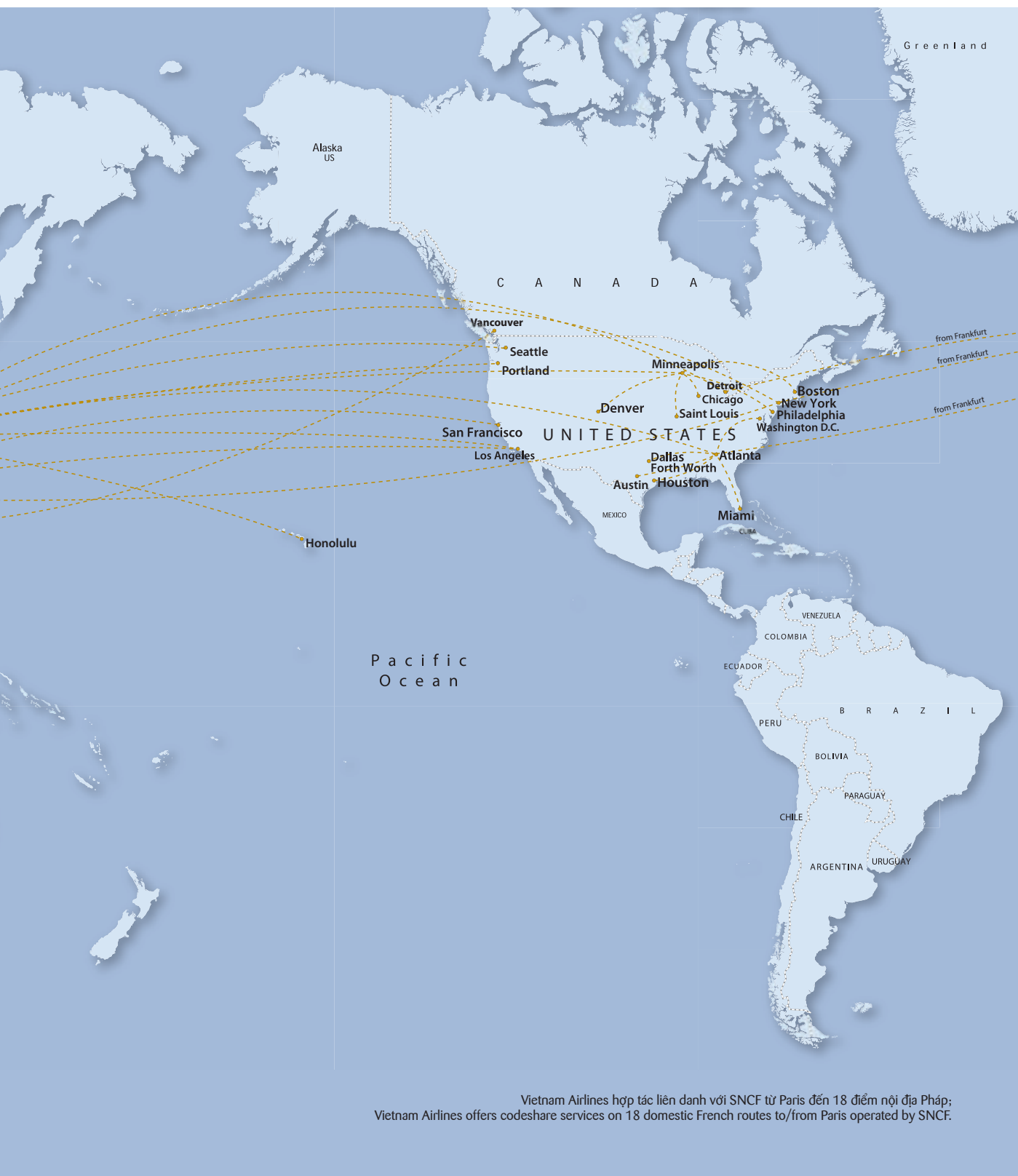


Mạng đường bay quốc tế



- Chặng bay do Vietnam Airlines khai thác
Operated by Vietnam Airlines.
- - - Chặng bay hợp tác liên danh với các hãng hàng không khác
Operated by codeshare partners.

Một số đường bay có thể được điều chỉnh tạm thời do ảnh hưởng của dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19
Some routes can be adjusted temporarily due to the impact of coronavirus outbreak (COVID-19)



Vietnam Airlines hợp tác liên danh với SNCF từ Paris đến 18 điểm nội địa Pháp;
Vietnam Airlines offers codeshare services on 18 domestic French routes to/from Paris operated by SNCF.

Mạng đường bay nội địa



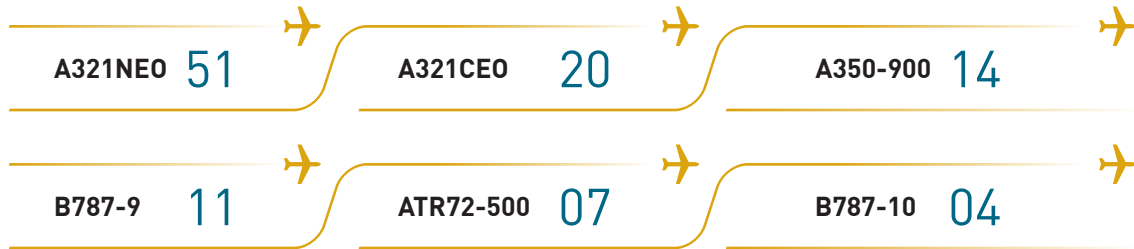
Mạng đường bay Châu Á





2.2. ĐỘI MÁY BAY

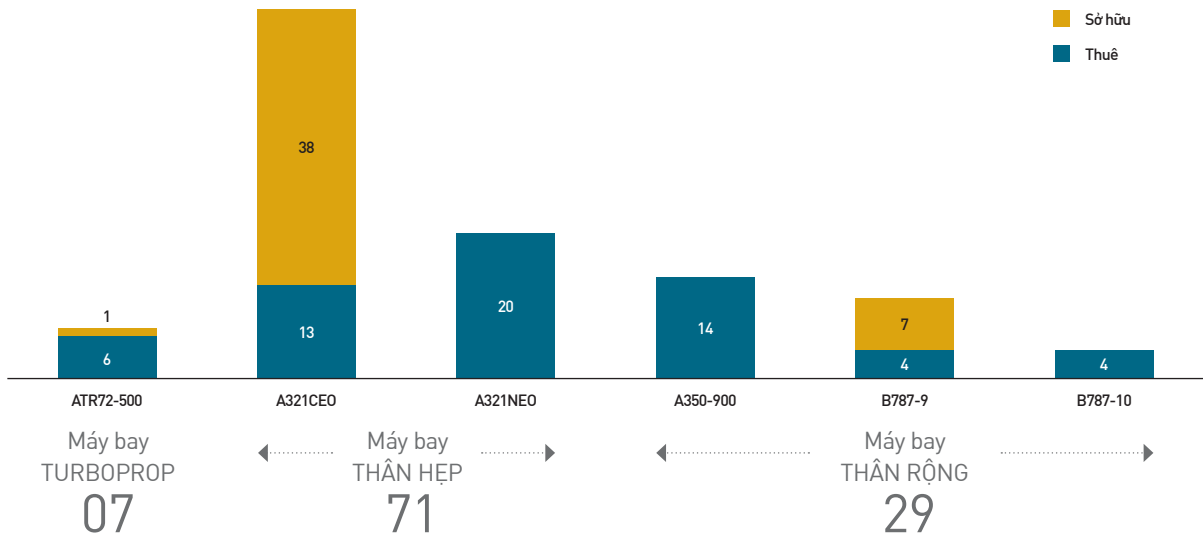
Cơ cấu đội bay tại ngày 31/12/2020



Loại máy bay tại ngày 31/12/2020

LOẠI MÁY BAY	THUÊ	SỞ HỮU	TỔNG	GHI CHÚ
Máy bay TurboProp	6	1	7	Máy bay sử dụng động cơ Turbin cánh quạt, 68 ghế
ATR72-500	6	1	7	
Máy bay thân hẹp	33	38	71	Từ 178-203 ghế
A321CEO	13	38	51	Bao gồm 11 máy bay sẽ thực hiện bán từ 31/3/2021; 01 máy bay VNA đang cho K6 thuê khô
A321NEO	20	0	20	
Máy bay thân rộng	22	7	29	Từ 274-367 ghế
A330	0	0	0	Đã trả toàn bộ máy bay cho đối tác
A350-900	14	0	14	
B787-9	4	7	11	
B787-10	4	0	4	

Loại máy bay



2.3 LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

a. Vận chuyển hành khách

Công ty mẹ

Trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều bất lợi, Vietnam Airlines đã chủ động điều hành hoạt động SXKD phù hợp với quy mô thị trường bị thu hẹp, diễn biến dịch bệnh; tích cực tham gia chương trình vận chuyển đồng bào hồi hương; tăng cường các hoạt động vận chuyển hàng hóa, thiết bị, vật tư y tế; tận dụng mọi cơ hội để tăng nguồn thu và dòng tiền cho doanh nghiệp. Cụ thể:

- Mở thêm các đường bay nội địa mới: Trong năm 2020, Vietnam Airlines đã mở 22 đường bay nội địa mới. Sau đợt bùng phát dịch COVID-19 lần 2 ở Việt Nam hiện chỉ còn duy trì khai thác 11 đường bay, các đường bay còn lại đang có lộ trình triển khai trở lại trong năm 2020 - 2021.
- Triển khai các chuyến bay hồi hương: đã thực hiện 187 chuyến bay, đưa 54 nghìn công dân về nước, mang lại khoản doanh thu ước đạt 1.500 tỷ đồng.
- Triển khai các chuyến bay chở chuyên gia: đã thực hiện 89 chuyến bay, vận chuyển 15,4 nghìn khách, mang lại khoản doanh thu ước đạt 288,4 tỷ đồng.
- Triển khai các chuyến bay chuyên chở hàng: thực hiện gần 3.700 chuyến bay, mang lại khoản doanh thu ước đạt trên 2.800 tỷ đồng.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2019	2020	% 2020/2019
Tổng số chuyến bay	Chuyến 1 chiều	146.199	95.803	65,5%
Trong nước		92.924	82.111	88,4%
Quốc tế		47.345	13.692	28,9%
Thuê chuyến		5.930		
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	22,9	14,1	61,7%
Nội địa		13,8	12,6	91,4%
Quốc tế		8,2	1,5	18,5%
Thuê chuyến		0,9		

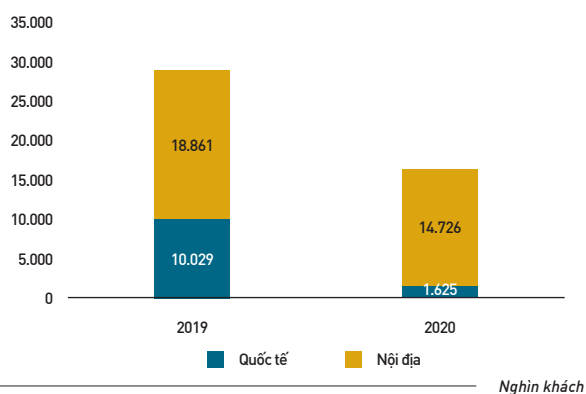


VNA Group

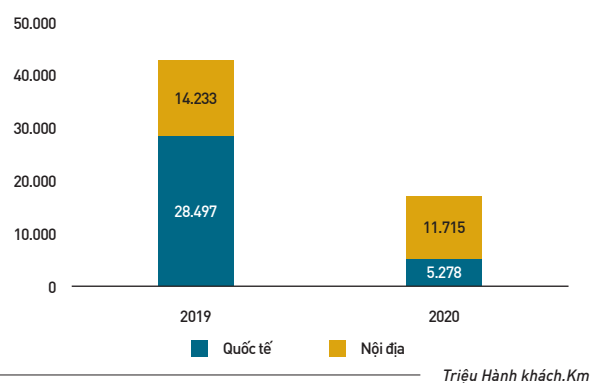
CHỈ SỐ	QUỐC TẾ			NỘI ĐỊA			TỔNG		
	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019
Hành Khách	10.029	1.625	101,2%	18.861	14.726	104,5%	28.890	16.350	103,3%
RPK	28.497	5.278	101,6%	14.233	11.715	103,0%	42.730	16.993	102,1%
ASK	35.597	7.604	102,0%	17.034	14.037	104,3%	52.631	21.640	102,7%
Ghế suất	80,1%	69,4%	(10,6)	83,6%	83,5%	(0,1)	81,2%	78,5%	(2,7) %
Thị phần (*)	24%	23%	-1,02	50,4%	51,3%	0,93	36,1%	45,5%	9,5%

Hành Khách: 1.000; RPK: triệu Hành khách.km; ASK: triệu Ghế.km
 (*): Không gồm thuê chuyến

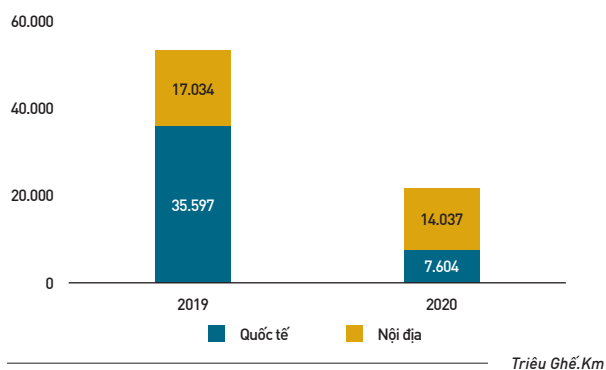
HÀNH KHÁCH



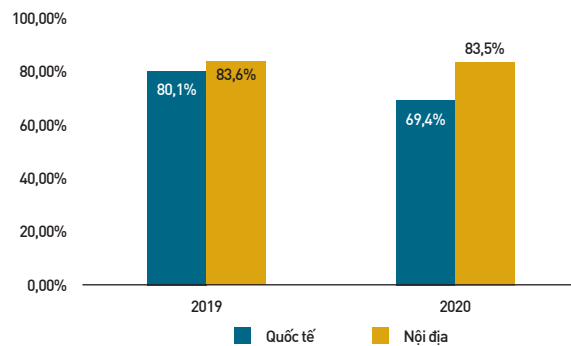
RPK



ASK



GHẾ SUẤT



b. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

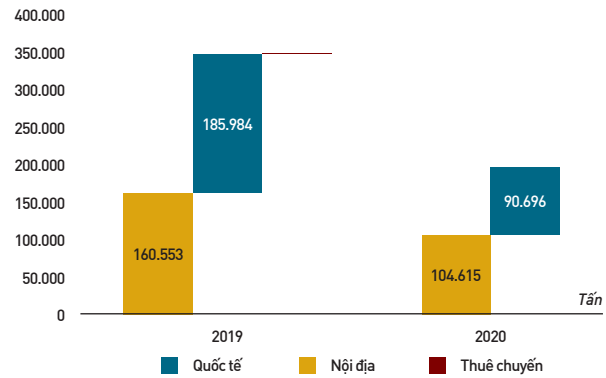
Công ty mẹ

- Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2020

CHỈ TIÊU	2019	2020	2020/2019
Hàng hóa vận chuyển	347.012	195.311	56,3%
Nội địa	160.553	104.615	65,2%
Quốc tế	185.984	90.696	48,8%
Thuê chuyển	475	-	-

(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa CRS)

HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

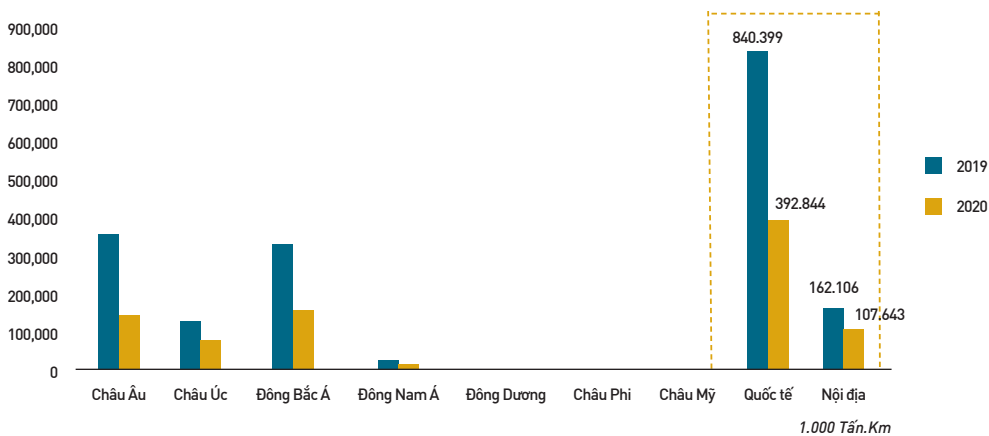


- Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

CHỈ TIÊU	RFTK			AFTK		
	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019
Châu Âu	357.267	143.486	40%	385.232	160.369	42%
Châu Úc	126.248	78.216	62%	156.421	90.060	58%
Đông Bắc Á	330.571	155.892	47%	509.025	200.784	39%
Đông Nam Á	25.512	14.863	58%	36.359	19.742	54%
Đông Dương	801	151	19%	4.824	1.073	22%
Châu Phi		154			448	
Châu Mỹ		82			737	
Nội địa	162.106	107.643	66%	223.824	265.771	119%
TỔNG	1.002.505	500.487	50%	1.315.685	738.984	56%

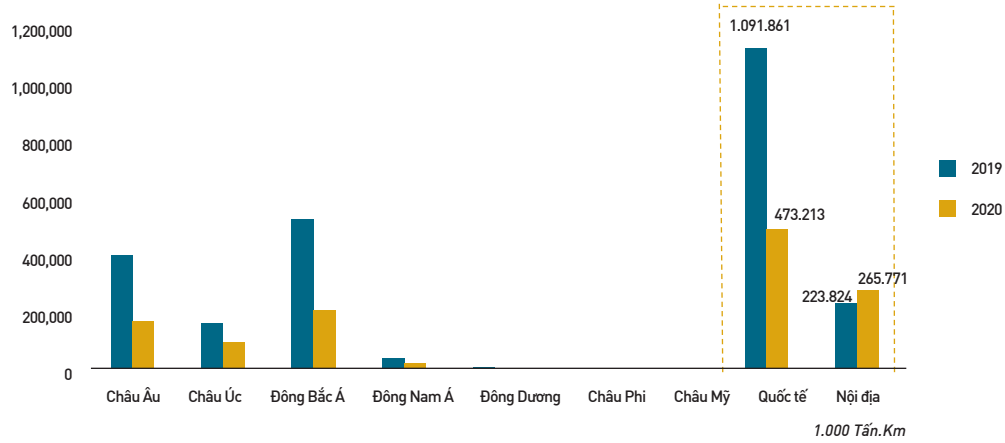
Đơn vị tính: 1.000 Tấn.Km
(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa CRS)

RFTK





AFTK



Tổng thị trường hàng hóa Việt Nam năm 2020 tăng trưởng âm và chỉ bằng 91,4% so với 2019 (Quốc tế bằng 95,0%, Nội địa bằng 76,6%).

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, các Hãng hàng không toàn cầu phải dừng hầu hết chuyến bay chở khách từ giữa tháng 3/2020 trong đó có Vietnam Airlines. Trong bối cảnh đó, Vietnam Airlines nhanh chóng chuyển đổi, dùng máy bay chở khách để chuyên chở hàng hóa, tối ưu hóa nguồn lực sẵn có và đóng góp một phần doanh thu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hãng trong giai đoạn đầy khó khăn này. Vietnam Airlines đã triển khai được gần 3.700 chuyến bay chuyên chở hàng hóa bằng máy bay Boeing 787, Airbus A350, A321 từ hai thành phố lớn là Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh đi Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Thái Lan và Úc... Các chuyến bay chở hàng được khách hàng mua nguyên chuyến bay với doanh thu cam kết cho Vietnam Airlines và hệ số sử dụng tải luôn đạt mức 95% - 100%.

Bên cạnh hàng hóa phục vụ nền kinh tế và đời sống xã hội, các chuyến bay chở hàng của Vietnam Airlines còn vận chuyển hàng phục vụ chiến dịch phòng, chống dịch COVID-19 gồm khẩu trang y tế, trang phục chống dịch, trang thiết bị, vật tư y tế... Những chuyến bay chở hàng là nỗ lực của Hãng hàng không Quốc gia nhằm góp phần đảm bảo thông thương; duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là xuất/nhập khẩu hàng hóa; cải thiện đời sống xã hội của người lao động trong các khu công nghiệp và nhà máy lớn cũng như đồng hành cùng Chính phủ trong công cuộc phòng, chống dịch COVID-19.

Với những nỗ lực bán hàng của Vietnam Airlines, việc khai thác hàng hóa toàn mạng bay năm 2020 đạt kết quả như sau: Sản lượng hàng hóa bưu kiện luân chuyển đạt 500 triệu tấn.km, bằng 50% so với 2019, trong đó quốc tế 392 triệu tấn.km, bằng 47%, nội địa 108 triệu tấn.km bằng 66% so với 2019.

Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của VASCO

- Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2020

CHỈ TIÊU	2019	2020	2020/2019
Nội địa	973	638	65.6%

Đơn vị tính: Tấn
(Nguồn: VASCO cung cấp)



- Đánh giá phân tích thị trường khai thác theo khu vực

CHỈ TIÊU	RFTK			AFTK			LOAD FACTOR		
	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019
Nội địa	220	147	67%	833	574	69%	26,4%	25,6%	-0,8%
Tổng	220	147	67%	833	574	69%	26,4%	25,6%	-0,8%

Đơn vị tính: 1.000 Tấn.Km
(Nguồn: VASCO cung cấp)

Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của công ty mẹ (VNA và VASCO)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2019	2020	2020/2019
Sản lượng vận chuyển	Tấn	347.985	195.949	56,3%
AFTK	1000 tấn.km	1.316.518	739.558	56,2%
RFTK	1000 tấn.km	1.002.724	500.633	49,9%
Thị phần	%	27,3%	17,6%	-9,7%

Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của PA

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2019	2020	2020/2019
Hàng hóa vận chuyển	Tấn	23.484	5.768	24,6%
Nội địa	Tấn	19.102	5.571	29,2%
Quốc tế	Tấn	4.382	197	4,5%





c. Chương trình khách hàng thường xuyên (Lotusmiles)

Chương trình Bông Sen Vàng có số lượng hội viên đạt 3,4 triệu tính đến 31/12/2020. Để đạt được kết quả như trên, Chương trình đã triển khai nhiều giải pháp nhằm thu hút khách hàng tham gia, cụ thể:

- Phát triển hội viên qua hình thức hội viên giới thiệu hội viên.
- Phát triển hội viên thông qua các tập khách hàng của đối tác.
- Phát triển hội viên từ tập khách hàng của các công ty, tổ chức.
- Phát triển hội viên tại các hội chợ, sự kiện du lịch trong nước.
- Phát triển hội viên bằng hình thức tăng cường truyền thông đến khách hàng của website và hành khách bay trên Vietnam Airlines trên nền tảng số B2C.
- Phát triển hội viên từ nguồn khách mua vé của Vietnam Airlines.

Chương trình đã không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ thông qua việc triển khai các chính sách:

- Ưu đãi gia hạn thẻ và dặm thưởng: Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, từ tháng 3/2020, Chương trình Bông Sen Vàng đã kịp thời triển khai chính sách gia hạn thẻ cho hội viên Bạch kim, Vàng, Titan nhằm mục đích bảo toàn ưu đãi và giữ chân khách hàng. Ngoài ra, hội viên có dặm hết hạn trong năm 2020 đã được gia hạn để lấy thưởng.

- Khuyến khích khách hàng mua vé trên website và app Vietnam Airlines bằng chương trình “Mua vé online, nhân hai dặm thưởng”.
- Triển khai chương trình FridaySmiles. Theo đó, hội viên được hưởng nhiều ưu đãi khi giao dịch (đăng ký mới, mua dặm/chặng, chuyển đổi dặm thưởng sang dặm/chặng bay xét hạng, mua vé máy bay bằng dặm và tiền) vào các ngày thứ sáu hàng tuần.
- Lợi ích cộng dặm: Thêm các hạng ghế với giá vé Tiết kiệm được cộng dặm thưởng Bông Sen Vàng.
- Phần thưởng hàng không: Giảm dặm trả thưởng đối với vé thưởng, vé thưởng nâng hạng dịch vụ trên hầu hết các chặng bay. Mở rộng gói trả thưởng hành lý trên các chặng bay nội địa. Hội viên có thể lấy thưởng gói hành lý 10kg, trước đây chỉ có gói hành lý 23kg.
- Phần thưởng phi hàng không: Khi dịch bệnh bùng phát, hội viên hạn chế đi lại bằng máy bay. Để hội viên có thể sử dụng được dặm đã tích lũy, chương trình Bông Sen Vàng đã nhanh chóng triển khai thêm 2 hình thức lấy thưởng phi hàng không là: LotusMall và VinID. Với hai hình thức lấy thưởng mới này, khách hàng có thể dùng dặm để mua sắm các loại quà tặng từ điện thoại iPhone, Samsung đến các phụ kiện du lịch, chăm sóc sức khỏe, mua sắm tại hệ sinh thái của Vingroup.
- Mua/chuyển nhượng dặm: Hội viên được giảm chi phí khi chuyển nhượng dặm thưởng cho hội viên khác. Chương trình Bông Sen Vàng đã bỏ mức phí dịch vụ khi hội viên thực hiện chuyển nhượng.
- Ngoài ra, chương trình Bông Sen Vàng đã triển khai nhiều ưu đãi khác từ các đối tác của chương trình Bông Sen Vàng như giảm giá phòng khách sạn, ẩm thực, chăm sóc sức khỏe.

Trong lĩnh vực hợp tác, Chương trình Bông Sen Vàng có mạng lưới gồm 21 đối tác hàng không và 32 đối tác phi hàng không là các thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực (tài chính, ngân hàng, viễn thông, khách sạn, du lịch, thuê xe, mua sắm, làm đẹp), mang đến cho hội viên nhiều cơ hội trải nghiệm khác biệt, thú vị và gia tăng lợi ích. Trong năm 2020, chương trình đã mở rộng hợp tác thẻ Liên kết với ngân hàng Standard Chartered Bank ngoài các đối tác thẻ Liên kết truyền thống tại Việt Nam là Vietcombank, Techcombank, VPBank, Vietinbank, VIB và đối tác Sumitomo Mitsui tại thị trường Nhật Bản.



2.4. LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và biến động. Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng toàn diện đến các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội Việt Nam và thế giới. Trong đó, ngành du lịch nói chung và vận tải hàng không nói riêng chịu tác động đầu tiên, kéo dài và thiệt hại nặng nề do tâm lý e ngại của hành khách và các lệnh hạn chế di chuyển của cơ quan chức năng. Để giải tỏa rào cản tâm lý cho khách hàng, năm 2020 dịch vụ của Vietnam Airlines luôn đặt nhiệm vụ phòng chống dịch để bảo vệ an toàn cho hành khách, an toàn cho nhân viên lên hàng đầu. Với rất nhiều nỗ lực và các giải pháp đã triển khai, năm 2020, Vietnam Airlines được vinh danh là thương hiệu có trải nghiệm khách hàng xuất sắc, xếp thứ 1 và là đại diện duy nhất của ngành hàng không (tổ chức đánh giá: KPMG). Chỉ số hài lòng tổng thể của khách hàng (CSI) vượt mục tiêu đề ra, chạm mốc 4,16 (thang đo 5 điểm) vào những tháng cuối năm. Những thành tích trên là minh chứng rõ ràng nhất cho những nỗ lực không mệt mỏi, vượt mọi khó khăn, thử thách, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và bắt kịp các xu hướng hàng không toàn cầu.

CÁC CẢI TIẾN VỀ CHẤT LƯỢNG:

- Phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho hành khách, nhân viên được coi là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác dịch vụ từ dịch vụ mặt đất tới dịch vụ trên không trong năm 2020.
- Bên cạnh đó, Vietnam Airlines vẫn không ngừng đổi mới sản phẩm, gia tăng các sản phẩm mới nhằm đảm bảo hiệu quả chi phí, tăng trải nghiệm khách hàng và tăng doanh thu.

a. Các điểm chính trong công tác dịch vụ mặt đất

- Ngay từ những ngày đầu khi dịch bùng phát, Vietnam Airlines đã ban hành ngay văn bản hướng dẫn công tác phòng chống dịch theo các cấp độ dịch bệnh để linh hoạt, chủ động ứng phó với diễn biến của dịch tới các đơn vị sân bay. Theo đó, hướng dẫn các đại diện phục vụ chuyến bay đảm bảo các hành khách đều khai báo y tế, đo nhiệt độ tất cả hành khách trước khi lên máy bay, xếp khách giãn cách khi có dịch, khử trùng máy bay...
- Song hành với công tác phòng chống dịch, chất lượng dịch vụ mặt đất được Vietnam Airlines tiếp tục cải thiện đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Năm 2020, Vietnam Airlines mở rộng triển khai thành công hệ thống làm thủ tục Sabre tới các sân bay SYD, MEL (Úc), DPS (Indonesia) và một số sân bay địa phương trong nước; mở rộng hỗ trợ nối chuyến giữa các hãng trong VNA Group thuận tiện cho khách khi trải nghiệm giữa các chặng bay có sự tham gia của nhiều hãng. Bên cạnh các hình thức đã triển khai như mobile/ web/ app/ in-town check-in..., Vietnam Airlines tiếp tục mở rộng các hình thức làm thủ tục trực tuyến MPOS - ứng dụng check-in di động để giảm thời gian khách làm thủ tục tại sân bay đặc biệt trong thời gian diễn biến dịch và các giai đoạn cao điểm. Đến nay, tỷ lệ khách làm thủ tục thông qua các kênh trực tuyến và kiosk check-in liên tục tăng và đạt mức cao (đạt 54% tại HAN, và 53% tại SGN).



Trong thời gian tới, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai mở rộng hình thức làm thủ tục trực tuyến tại các sân bay địa phương trong nước.



b. Các điểm chính trong công tác dịch vụ trên không

- Về dịch vụ suất ăn, đồ uống:** Ẩm thực là một trong những yếu tố quan trọng góp phần định vị thương hiệu hãng hàng không quốc gia và chất lượng dịch vụ 4 sao, Vietnam Airlines không ngừng tìm tòi, sáng tạo, đa dạng hoá thực đơn trên các chuyến bay nhằm gia tăng trải nghiệm của hành khách, đặc biệt là ở hạng Thương gia. Vì vậy, năm 2020, bên cạnh nhiệm vụ và mục tiêu đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hành khách trong công tác phòng chống dịch bệnh, Vietnam Airlines đổi mới liên tục các bộ thực đơn hạng C trên các chuyến bay nội địa. Các bộ thực đơn mới có chất lượng tốt, cập nhật các xu hướng ẩm thực, sở thích của hành khách và chú trọng yếu tố đưa đặc sản địa phương của Việt Nam để quảng bá, giới thiệu các món ăn truyền thống, đặc sản vùng miền. Đặc biệt, để đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh COVID-19, suất ăn, thức uống được điều chỉnh linh hoạt để đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh (suất ăn được đóng gói kín, đồ uống đóng chai).



- Về báo chí, giải trí trên chuyến bay:** Trong năm vừa qua, Vietnam Airlines đã phục vụ dịch vụ ấn phẩm điện tử (E-reader) trên các máy bay Airbus A350 và Boeing 787. Hành khách có thể thưởng thức hàng chục tạp chí đa dạng, hấp dẫn ngay trên màn hình giải trí cá nhân tại mỗi ghế ngồi. E-reader mang đến không gian đọc rộng mở với những chủ đề phong phú trải dài từ du lịch, thời trang, văn hóa, xã hội đến thời sự, tài chính, kinh doanh... Danh sách ấn phẩm bao gồm nhiều tạp chí nổi tiếng, được độc giả yêu thích như Heritage, The Saigon Times, Kinh tế Việt Nam, TravelMag... Các ấn phẩm thường xuyên được cập nhật, bổ sung để mang đến những thông tin mới mẻ cho hành khách. Để tạo thuận lợi cho đông đảo hành khách, Vietnam Airlines phục vụ các ấn phẩm điện tử bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Triển khai dịch vụ ấn phẩm điện tử là nỗ lực mới nhất của Vietnam Airlines nhằm đa dạng hóa trải nghiệm giải trí trên không, đồng thời giảm thiểu tiếp xúc, phòng ngừa dịch bệnh.
- Về vật tư vật phẩm phục vụ hành khách:** Vật tư vật phẩm được chú trọng đầu tư để phòng dịch: cấp khăn kháng khuẩn, vệ sinh khử khuẩn máy bay, vệ sinh khử khuẩn các vật tư vật phẩm phục vụ hành khách (chăn được giặt/ sấy ở nhiệt độ cao, tai nghe được chiếu qua máy tia cực tím...).



c. Nội dung khác

- Với vai trò và trách nhiệm là Hãng hàng không Quốc gia, Vietnam Airlines luôn hướng tới sự phát triển bền vững và có trách nhiệm với xã hội. Vì vậy năm 2020, Vietnam Airlines đã vận chuyển hàng trăm chuyến bay giải cứu, công dân hồi hương và các chuyên gia về nước an toàn và đảm bảo công tác phòng chống dịch theo hướng dẫn của Bộ y tế.
- Để hành khách cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan đến hành trình bay, chính sách xuất nhập cảnh thay đổi do đại dịch COVID-19, Vietnam Airlines cũng xây dựng các hướng dẫn trên website, clip chiếu trên hệ thống giải trí IFE của máy bay.





CÁC CON SỐ NỔI BẬT VÀ CÁC CHỈ TIÊU THỂ HIỆN ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

a. Các con số nổi bật

- Vietnam Airlines đã thực hiện thành công 187 chuyến bay hồi hương và 89 chuyến chở chuyên gia.
- Trong đó phải kể đến chuyến bay tới tâm dịch Vũ Hán ngày 10/02/2020 và chuyến bay thẳng tới Mỹ đầu

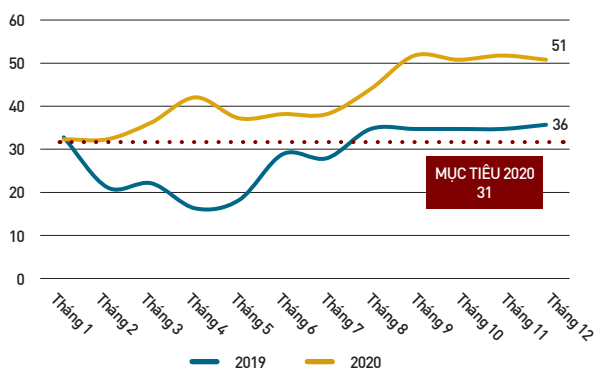
tiên ngày 07/05/2020 (nếu không tính các chuyến chuyên cơ phục vụ lãnh đạo, chuyến bay ngày 07/05 của Hãng hàng không Vietnam Airlines từ Hà Nội đến San Francisco (Mỹ) là chuyến bay thẳng đầu tiên của một hãng hàng không Việt đến Mỹ).

b. Các chỉ số đánh giá hài lòng của khách hàng

- Năm 2020, chỉ số thiện cảm khách hàng NPS (Net Promoter Score) đạt 42% tăng 13 đơn vị so với cùng kỳ và vượt mục tiêu 11 đơn vị. Chỉ số NPS liên tục được cải thiện qua từng tháng trong năm 2020, chạm mốc 52% vào những tháng cuối năm (đây là mức NPS cao nhất từ trước tới nay), thể hiện sự tin tưởng, yêu thích và tiếp tục sử dụng dịch vụ của khách hàng đối với Vietnam Airlines.

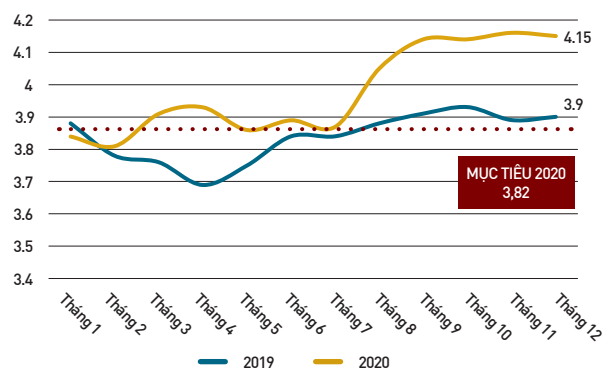
- Chỉ số hài lòng khách hàng CSI (Customer Satisfaction Index) trung bình năm 2020 đạt 3,98 điểm (thang đo 5 điểm), tăng 0,14 đơn vị so với cùng kỳ và vượt mục tiêu 0,16 đơn vị. Chỉ số CSI cũng liên tục được cải thiện qua các tháng trong năm 2020, chạm mốc 4,16 vào những tháng cuối năm (đây là mức CSI cao nhất từ trước tới nay), thể hiện chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines không ngừng được nâng cấp.

CHỈ SỐ THIỆN CẢM KHÁCH HÀNG (NPS)



(Nguồn: Chương trình điều tra khách hàng thường xuyên Online Survey của Vietnam Airlines)

CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG (CSI)



(Nguồn: Chương trình điều tra khách hàng thường xuyên Online Survey của Vietnam Airlines)

CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH TRONG CÔNG TÁC DỊCH VỤ NĂM 2021

Năm 2021, tiếp tục là một năm khó khăn đối với ngành hàng không do dịch bệnh còn tiếp diễn, thị trường quốc tế chưa có dấu hiệu hồi phục khi các quốc gia vẫn cấm, hạn chế các chuyến bay thương mại. Với mục tiêu ổn định chất lượng dịch vụ 4 sao, từng bước đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao trong tương lai, khối Dịch vụ tập trung vào các nội dung sau:

- Kết hợp hài hòa chất lượng dịch vụ 4 sao và các giải pháp phòng chống dịch bệnh (Bio-safety).
- Tiếp tục triển khai các trải nghiệm khách hàng để phục vụ công tác bán.
- Quản trị chi phí hiệu quả.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, sử dụng các giải pháp công nghệ mới.
- Khởi động chương trình nâng cấp chất lượng nguồn nhân lực 5 sao.

2.5 LĨNH VỰC KỸ THUẬT

a. Kết quả đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả

- Tối ưu hóa kế hoạch định kỳ bảo dưỡng máy bay tại VAECO, và kế hoạch bảo dưỡng động cơ, càng và APU hoàn thành mục tiêu nâng tỷ lệ máy bay sẵn sàng khai thác.
- Nâng cao công tác chuẩn bị các nội dung công việc định kỳ (WP), chủ động lập kế hoạch bảo dưỡng ngắn, dài hạn để không bị động trong nguồn lực nhân công và phụ tùng vật tư, lập kế hoạch, chuẩn bị các công việc liên quan để trả máy bay đúng hạn để giảm tỷ lệ quá hạn định kỳ.
- Tiếp tục thực hiện các chương trình kỹ thuật cơ bản (AD/SB, MOD) để nâng cao độ tin cậy thiết bị, hệ thống máy bay, xây dựng chương trình tổng thể để cải thiện bảo dưỡng - sửa chữa và tìm kiếm hỏng hóc, duy trì và cải thiện công tác phối hợp Khối Khai thác bay – Kỹ thuật góp phần giảm số vụ gây gián đoạn khai thác.
- Phối hợp với cơ quan đơn vị liên quan sắp xếp số lượng máy bay khai thác/ bảo quản dừng bay linh hoạt: xây dựng danh sách máy bay dừng bảo quản theo thứ tự ưu tiên, triển khai bảo quản dừng bay theo thứ tự ưu tiên đã lập đáp ứng yêu cầu khai thác từng thời điểm.
- Công tác bán trả máy bay: Hoàn thành việc trả tàu, bàn giao 3 tàu trả A321 VN-A322, VN-A365, VN-A366 cho chủ tàu Aercap theo đúng hạn hợp đồng. Hoàn thành bán 03 tàu A321 VN-A347, VN-A348, VN-A349. Tàu VN-A330 VN-A381 hoàn thành bàn giao trả tàu vào tháng 03/2021.
- Bên cạnh duy trì bảo dưỡng nội thất cho các đội bay, thực hiện chuyển đổi cấu hình máy bay sang chở hàng cho các tàu A321, A350 và B787; tiến hành chuyển đổi cấu hình tăng số ghế khai thác từ 68 lên 72 cho đội bay ATR72 nhằm tăng doanh thu.



b. Các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu suất sử dụng máy bay, giảm chi phí kỹ thuật

Vietnam Airlines đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng máy bay với chi phí tối ưu chi phí trong tình hình sản lượng khai thác sụt giảm mạnh do dịch bệnh như:

- Tiếp tục công tác đàm phán giữ đơn giá/ giảm giá các Hợp đồng bảo dưỡng trọn gói động cơ, phụ tùng vật tư pooling, hợp đồng bảo dưỡng nội thất theo điều kiện khai thác thông thường không bị ảnh hưởng bởi yếu tố dịch bệnh COVID-19.
- Triển khai phương án dừng tàu đưa vào bảo quản giảm chi phí bảo dưỡng động cơ, thiết bị, thân máy bay và nộp quỹ để tối ưu chi phí và dòng tiền sử dụng trong năm. Phối hợp chặt chẽ với ban Tài chính Kế toán để tối ưu hóa dòng tiền thanh toán với đối tác nhằm giảm chi phí vốn.
- Hoàn thành lắp đặt chương trình tiết kiệm nhiên liệu - dự án cánh cong sharklet cho 10/10 máy bay A321. Phối hợp với Trung tâm Điều hành Khai thác/ Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng tiếp tục phân tích số liệu tiêu thụ và theo dõi hiệu quả dự án sharklet để bố trí đường bay hiệu quả. Tăng cường áp dụng công nghệ 4.0, AI và triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật, bảo dưỡng giảm tiêu hao nhiên liệu cho đội máy bay.
- Kiểm soát chặt chẽ các hợp đồng dịch vụ phụ tùng vật tư trọn gói/pooling, phanh bánh, hợp đồng bảo dưỡng nội thất với đối tác ngoại, các đơn hàng sửa chữa phụ tùng vật tư ngoài pool, kiểm soát service level, TAT đảm bảo phụ tùng vật tư cho tàu khai thác và định kỳ.



c. Định hướng phát triển cơ sở bảo dưỡng của Vietnam Airlines và VAECO

- Tăng cường, đẩy mạnh hợp tác liên doanh liên kết với các đối tác lớn (về lĩnh vực bảo dưỡng máy bay và cả về tài chính) để học hỏi, tiếp cận và chuyển giao công nghệ bảo dưỡng mới, phương thức quản lý tiên tiến hiện đại vào mô hình của Vietnam Airlines, nhằm tối ưu chi phí bảo dưỡng sửa chữa máy bay, nâng cao năng lực cạnh tranh tiến tới là trung tâm bảo dưỡng của khu vực.
- Mở rộng năng lực trong lĩnh vực bảo dưỡng, sửa chữa máy bay và thiết bị. Trọng tâm là phát triển năng lực sửa chữa cấu trúc máy bay đặc biệt là cho đội máy bay thế hệ mới; xây dựng và hoàn thiện hệ thống hangar phục vụ bảo dưỡng máy bay/động cơ/ thiết bị đồng bộ tại sân bay mới Long Thành và các sân bay trọng điểm Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng.
- Nghiên cứu đầu tư trong lĩnh vực bảo dưỡng sửa chữa thiết bị máy bay và phân xưởng phụ trợ để nâng cao hiệu quả bảo dưỡng sửa chữa máy bay và thiết bị một cách đồng bộ trước mắt phục vụ cho đội bay Tổng công ty và sau đó là cung cấp dịch vụ đối tác thứ ba.
- Đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong quản lý sửa chữa và bảo dưỡng, cụ thể gồm chuyển đổi sang hệ thống MRO IT mới đáp ứng yêu cầu quản lý của hãng hàng không khai thác hơn 100 máy bay, tăng cường sử dụng các phần mềm ứng dụng của nhà sản xuất máy bay, thiết bị, phần mềm tự nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa máy bay.
- Phát triển Trung tâm huấn luyện thành trung tâm có phê chuẩn của EASA/ FAA Part 147, đáp ứng nhu cầu đào tạo của thị trường lao động qua đó có thể tăng nguồn thu góp phần gia tăng lợi nhuận của Vietnam Airlines, đảm bảo đội ngũ lao động đặc thù ổn định cả về chất lượng và số lượng cho công tác quản lý kỹ thuật và bảo dưỡng của Vietnam Airlines.
- Phát triển năng lực kỹ thuật độc lập để có thể thiết kế, chế tạo, xin nhà chức trách hàng không CAAV, FAA, EASA phê chuẩn các cải tiến (local mod) và thiết bị tự chế tạo (local parts) để chủ động hơn trong công tác bảo dưỡng.



d. Các chỉ số ấn tượng, nổi bật liên quan đến hoạt động kỹ thuật:

- Trong năm 2020 Tổng công ty đã thực hiện được khối lượng lớn các công việc góp phần vào hoàn thành kế hoạch SXKD, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Cụ thể như sau:
- Bảo dưỡng máy bay
 - » Bảo dưỡng ngoại trường: Đảm bảo kỹ thuật cho 148,829.08 giờ bay (trong đó bao gồm A321: 91,439.77.14 FH, A350: 26,474.04 FH, B787: 25,670.59 FH và ATR72: 5,244.68 FH).
 - » Bảo dưỡng nội trường:

CÁC CHỈ SỐ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020
ARL	94,26%
DR A321	99,58%
DR A350	99,65%
DR B787	99,10%
DR ATR72	99,55%

LƯỢT CHECK	A321	A350	B787	ATR72
A check	1	126	54	16
Phase check	867			
C/Y check	53	9		1
Check khác	243	44	42	23

2.6 LĨNH VỰC KHAI THÁC

- Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 sản lượng chuyến bay năm 2020 chỉ đạt 66% so với năm 2019, bên cạnh đó giờ bay chỉ đạt 53% so năm 2019. Tuy sản lượng chuyến bay, giờ bay giảm nhưng lịch bay phức tạp hơn: lịch bay thường xuyên thay đổi, thực hiện các chuyến bay giải cứu công dân Việt Nam từ các vùng mà VNA chưa từng khai thác... nhưng chỉ số khai thác đúng giờ OTP vẫn đạt chỉ tiêu đề ra.
- Trong giai cắt giảm chi phí tối đa của TCT do ảnh hưởng của dịch bệnh: Khối khai thác bay đã thực hiện tốt các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu góp phần rất lớn giảm chi phí khai thác bay.
- Khối khai thác đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao của Chính phủ, Bộ Ngoại giao về việc giải cứu công dân Việt Nam về nước.

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020		2020/2019		THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	
		CHUYẾN BAY	THỜI GIAN BAY	CHUYẾN BAY	THỜI GIAN BAY	CHUYẾN BAY	THỜI GIAN BAY
I	Máy bay						
	A321	67.675	116781:19	61%	53%	89%	85%
	A330			0%	0%		
	A350	8.801	30392:53	67%	49%	132%	121%
	AT7	8.885	29372:40	70%	229%	130%	112%
	B787	10.719	10909:21	113%	21%	105%	105%
	Tổng cộng	96.080	187456:13	66%	53%	97%	94%
II	Tổng số chuyến bay VIP/VAP	99		58%			
III	Số chuyến giải cứu	Trên 800 chuyến bay giải cứu khách, hàng hóa, hồi hương, chuyên chở chuyên gia					
IV	Chỉ số đúng giờ (%)	Năm 2020		2020/2019		Thực hiện/ Kế hoạch điều chỉnh	
	OTP đi	90.2%		0.8%		2.2%	
	OTP đến	84.8%		2.7%		4.8%	
V	Tiết kiệm nhiên liệu (tấn)	8593.4		94%		136%	



2.7 AN TOÀN – AN NINH

Năm 2020, ngành vận tải hàng không nói chung và Vietnam Airlines nói riêng đứng trước những thử thách lớn chưa từng có trong lịch sử do sự bùng phát của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, công tác an toàn đã được chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu an toàn do Ủy ban An toàn Vietnam Airlines đã đề ra, đảm bảo tuyệt đối an toàn hoạt động khai thác, SXKD của Vietnam Airlines. KPI là 8.81, đạt mục tiêu đề ra (mục tiêu 9.53). Các sự cố/vụ việc phải báo cáo Cục Hàng không Việt Nam theo quy định chủ yếu là vụ việc loại E (vụ việc mang tính chất thống kê theo dõi để quản trị), giảm 40,3% so với cùng kỳ 2019. Các vụ việc liên quan đến yếu tố con người giảm 05 vụ so với cùng kỳ 2019.



Các vụ việc liên quan đến độ tin cậy của thiết bị máy bay đều được thống kê, theo dõi, đánh giá để có giải pháp kiểm soát phù hợp. Các sự cố/vụ việc có nguyên nhân từ môi trường khai thác bên ngoài như chim va, sét đánh, đặc biệt là các vụ việc liên quan đến FOD đều được phân tích, đánh giá và có giải pháp hiệu quả ngăn ngừa. Các vụ việc tiềm ẩn, rủi ro tiếp tục giảm so với năm 2019 và đạt mục tiêu đề ra, đặc biệt là các vụ việc Level 3 đã giảm mạnh.

Công tác an toàn chất lượng đã hoàn thành một số chương trình công tác lớn như: thúc đẩy văn hóa an toàn của Vietnam Airlines đạt mức 4 (mức chủ động), xin phê chuẩn các phương án chở hàng trên Cabin máy bay, bao gồm phương án có ghế và phương án không ghế, các chuyến bay giai cứu/hồi hương người Việt từ nước ngoài về Việt Nam khi đại dịch COVID-19 xảy ra; duy trì khả phi liên tục các máy bay đang khai thác; thúc đẩy, vận hành có hiệu quả Hệ thống AQD nhằm hướng tới Digital Safety Quality Management và Digital Airlines; thực hiện các thủ tục, hồ sơ xin cấp phép bay các chuyến bay thương mại thường lệ vào Mỹ theo FAA theo Part 129 và tiếp tục thực hiện quản lý sự thay đổi, nhận diện rủi ro an toàn khi thay đổi phương thức mở cửa máy bay.



2.8 QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

a. Lao động Công ty mẹ và hợp nhất

Đến 31/12/2020, tổng số lao động hợp nhất của Tổng công ty là 21.127 người, bao gồm 6.197 của Công ty mẹ và 14.930 người của các công ty con, công ty liên kết.

Trong số đó, đối với Công ty mẹ: Lao động được tính là lao động trong danh sách quản lý của các cơ quan đơn vị, bao gồm người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, làm việc bán thời gian theo chính sách sử dụng lao động do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

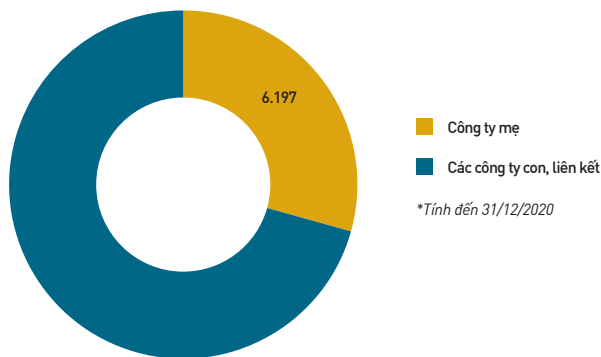
b. Thông tin của Công ty mẹ

Thu nhập bình quân năm 2020

Năm 2020, Tổng công ty triển khai áp dụng Nghị định 20/2020/CP-NĐ ngày 17/02/2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước. Tuy nhiên, Nghị định số 20/2020/NĐ-CP được ban hành trong bối cảnh tình hình sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trên cả nước nói chung và Tổng công ty nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh COVID-19. Do chỉ tiêu khoán lương tấn-km thực hiện có doanh thu (RTK) giảm, quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 giảm, bằng 45% so kế hoạch định hướng (chưa bị ảnh hưởng của COVID-19). Trên cơ sở nguồn quỹ tiền lương dự kiến thực hiện trong năm, Tổng công ty đã điều hành linh hoạt chính sách tiền lương để ứng phó khủng hoảng dịch bệnh, phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của Tổng công ty từng giai đoạn. Thu nhập bình quân năm 2020 của người lao động bằng 45% so với kế hoạch định hướng.

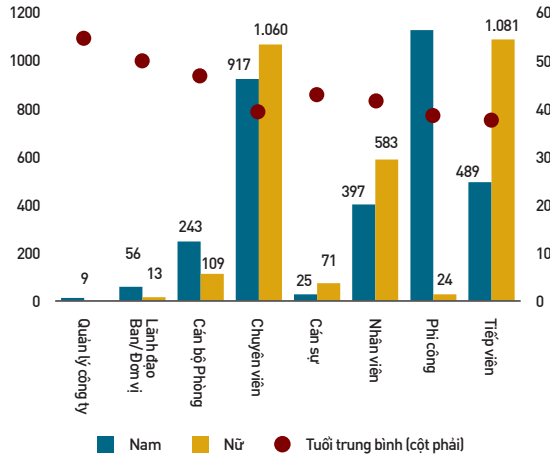
Năm 2020, Tổng công ty tiếp tục triển khai thí điểm trả lương theo doanh thu đối với 03 chi nhánh trong nước (Bắc/ Trung/ Nam) nhằm ghi nhận những nỗ lực cố gắng để đạt và vượt doanh thu của Tổng công ty, thu hút và giữ chân nhân lực giỏi của Khối Thương mại, đồng thời tinh giảm lao động làm việc chưa hiệu quả từ đó nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác bán. Trên cơ sở kết quả thí điểm sẽ tổng kết, rút kinh nghiệm và triển khai cải cách tiền lương đồng bộ trong toàn khối Thương mại.

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG

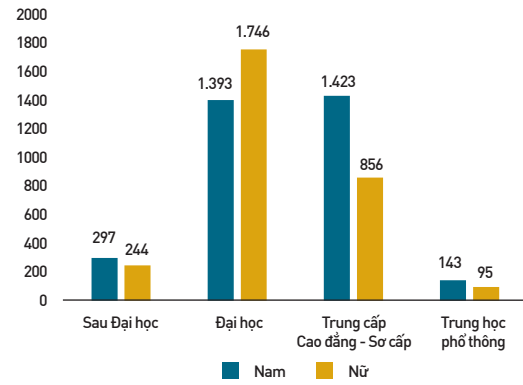




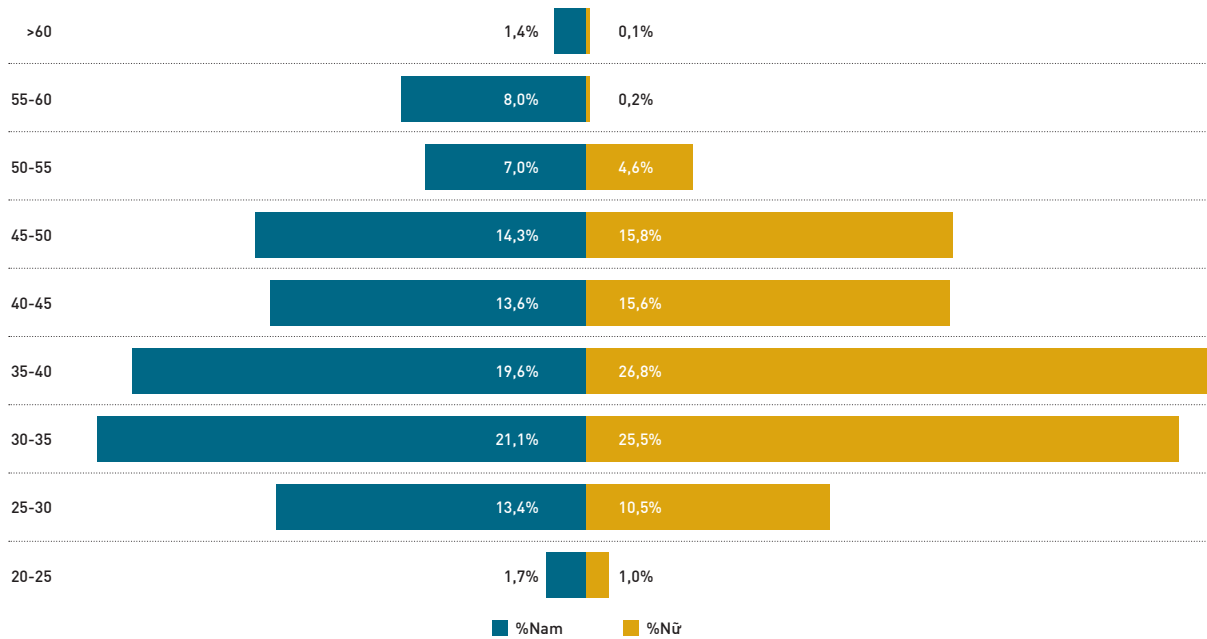
Cơ cấu lao động



Trình độ đào tạo



Cơ cấu giới tính theo nhóm tuổi

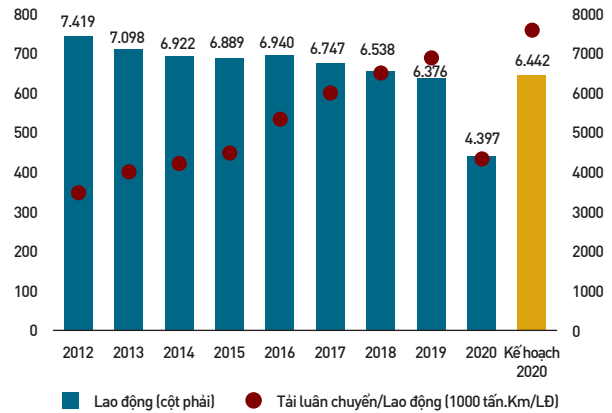


Phân tích tình hình sử dụng lao động, năng suất lao động

- Lao động:** Trong năm 2020, Tổng công ty đã điều hành linh hoạt nguồn lực và các chính sách nhân sự, tiền lương để người lao động và Tổng công ty cùng chia sẻ các khó khăn theo từng giai đoạn diễn biến của dịch, tương ứng với quy mô hoạt động SXKD. Việc sử dụng lao động được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên giữ vị trí việc làm đối với lực lượng lao động đặc thù. Cụ thể:
 - » Lao động sử dụng bình quân năm 2020 là 4.419 người, chưa tới 70% so với năm 2019 và chỉ đạt gần 68% so với kế hoạch.
 - » Gần 1.800 phi công, tiếp viên Việt Nam làm việc trọn thời gian nhưng chỉ đạt 65% giờ bay.
 - » Chỉ sử dụng 25% lao động nước ngoài, tận dụng tối đa hỗ trợ chính phủ của nước sở tại.
- Năng suất lao động:** Với những biện pháp điều hành nguồn nhân lực nêu trên, mặc dù sản lượng giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch COVID-19, năng suất lao động theo RTK năm 2020 vẫn đạt

432 nghìn tấn.km/lao động, bằng 93,1% so với kế hoạch (kế hoạch đã báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước, trình ĐHCĐ thường niên 2020 tại công văn số 736/TCTHK-VP ngày 03/06/2020) và bằng 63% so với năm 2019.

LAO ĐỘNG VÀ NĂNG SUẤT



Kết quả triển khai

- Tuyển dụng:** Tổng công ty tiếp tục chương trình đào tạo nguồn, tuyển chọn và đào tạo lực lượng lao động đặc thù theo hình thức xã hội hóa, tiếp nhận 17 phi công cơ bản để đưa vào huấn luyện chuyển loại khai thác bay.
- Đào tạo:** Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 bùng phát, Tổng công ty tập trung tổ chức đào tạo, huấn luyện và huấn luyện lại trong nước cho tất cả các đối tượng, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG ĐÀO TẠO	SỐ LƯỢNG
1	Huấn luyện các môn IOSA theo yêu cầu của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực máy bay và khai thác bay đối với phi công, tiếp viên, nhân viên điều hành khai thác bay, nhân viên kỹ thuật và nhân viên khai thác mặt đất	22.070
2	Huấn luyện nâng cao chuyên môn, kỹ năng theo tiêu chuẩn 4 sao và hướng tới 5 sao và văn hóa an toàn, chính trực	39.394
3	Đào tạo - huấn luyện phát triển nguồn lực phi công	143
3.1	Tuyển chọn và đào tạo chuyển loại phi công cơ bản	17
3.2	Huấn luyện lái chính	10
3.3	Huấn luyện chuyển loại	105
3.4	Huấn luyện giáo viên (B787, A321)	11
4	Đào tạo - huấn luyện lực lượng kỹ thuật	136
4.1	CRS máy bay (Mức A: 20, Mức B: 45, Mức ARS: 18)	83
4.2	CRS các loại khác	53
5	Đào tạo cán bộ nguồn	05
5.1	Đào tạo Thạc sĩ khoa học quản trị khai thác hàng không (MSc) tại trường đại học Cranfield, Vương quốc Anh.	03
5.2	Đào tạo cán bộ tham gia khóa đào tạo Thạc sĩ kỹ thuật hàng không (MSc) tại trường đại học ENAC, Pháp.	02
6	Đào tạo thay đổi phương thức khai thác và mở đường bay mới	5.344
6.1	Đào tạo đóng mở cửa khoang khách từ bên ngoài	3.300
6.2	Đào tạo mở đường bay khai thác tới Mỹ	2.044

(Đơn vị tính: lượt người)



Đánh giá chung: Công tác đào tạo năm 2020 đã đạt được những thành tích sau:

- Toàn hệ thống đã tích cực, chủ động xây dựng, cập nhật hệ thống chương trình, giáo trình huấn luyện theo phương thức mới đáp ứng yêu cầu khai thác của Tổng công ty trong giai đoạn COVID- 19, đồng thời đẩy mạnh việc số hóa tài liệu, bài giảng trên hệ thống E-Learning để ứng dụng công nghệ 4.0 nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo huấn luyện.
- Tổ chức đào tạo, huấn luyện cho 100% nhân viên hàng không theo đúng quy định, yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, đảm bảo chứng chỉ khai thác.
- Tập trung công tác đào tạo cán bộ nguồn, cán bộ tiềm năng, đội ngũ lao động kỹ thuật bậc cao (phi công, nhân viên kỹ thuật máy bay), giáo viên.



Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đào tạo huấn luyện năm 2021: Triển khai công tác đào tạo trọng tâm theo từng đối tượng, nội dung:

- Không ngừng nâng cao chất lượng huấn luyện của các Trung tâm đào tạo, trong đó:
 - » Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các Trung tâm đào tạo: Tận dụng nguồn vốn, các quỹ hỗ trợ để đầu tư trang thiết bị cho các Trung tâm đào tạo.
 - » Phát triển lực lượng giáo viên: Chủ động quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động có trình độ, tay nghề cao để phát triển thành lực lượng giáo viên của Tổng công ty nhất là giáo viên phi công, kỹ thuật máy bay, giáo viên hướng dẫn thực hành, thực hiện đánh giá phân loại hàng năm, đồng thời nâng chế độ thù lao để động viên, khuyến khích kịp thời lực lượng giáo viên có trình độ, tay nghề cao.
- Xây dựng, cập nhật hệ thống chương trình, giáo trình: Chủ động xây dựng, cập nhật hệ thống chương trình, giáo trình huấn luyện cho nhân viên hàng không theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam.
- Đào tạo nâng cấp chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn 5 sao: Triển khai lựa chọn tổ chức tư vấn có uy tín và kinh nghiệm đào tạo cho cán bộ quản lý/ giáo viên/ nhân viên Vietnam Airlines nhằm thay đổi tư duy, nhận thức của tất cả cán bộ, người lao động trong toàn hệ thống Vietnam Airlines, nhằm nâng cao ý thức hướng đến hành động có giá trị và nâng tầm dịch vụ theo tiêu chuẩn 5 sao.
- Đào tạo lao động đặc thù (phi công, tiếp viên, nhân viên kỹ thuật): Đẩy mạnh hình thức đào tạo xã hội hóa đối với Phi công, Nhân viên kỹ thuật để Tổng công ty luôn chủ động về số lượng và chất lượng nguồn lực lao động đặc thù trong từng giai đoạn, đồng thời tập trung đẩy nhanh tiến độ đào tạo chuyển loại máy bay cho phi công cơ bản sau khi được Tổng công ty tiếp nhận và đào tạo nhân viên kỹ thuật bậc cao (CRS).

c. Văn hóa doanh nghiệp

- Song song với 25 năm hình thành và phát triển của Vietnam Airlines là sự xây dựng và kết tinh của văn hóa, tạo cho Vietnam Airlines có nét văn hóa riêng biệt. Văn hóa doanh nghiệp của Vietnam Airlines không đơn thuần chỉ là văn hóa giao tiếp mà còn bao gồm cả tầm nhìn sứ mệnh, giá trị cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, mục tiêu, chiến lược phát triển và hành vi, thái độ của mọi thành viên trong Vietnam Airlines.
- Trong bối cảnh dịch COVID-19 kéo dài, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp, giá trị văn hóa của Vietnam Airlines càng được phát huy mạnh mẽ, giúp Vietnam Airlines có sức mạnh để thích ứng với những thay đổi, những khó khăn từ môi trường bên ngoài, mọi thành viên cùng đồng lòng để vượt qua. Đồng thời, Vietnam Airlines vẫn luôn chú trọng truyền tải thông điệp về giá trị văn hóa của Vietnam Airlines đến với khách hàng và cổ đông thông qua việc quảng bá hình ảnh, thương hiệu có định hướng và chiều sâu văn hóa.





2.9 TRUYỀN THÔNG, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Ưu đãi Khai Xuân 2020

BẠN CÓ BIẾT KHAI XUÂN ĐÓN LỘC 20% CÙNG VIETNAM AIRLINES?

Hãy ghé thăm năm 2020 với những chuyến đi đáng nhớ bằng cách mua vé khứ hồi Vietnam Airlines, hàng trình nội địa, Đông Nam Á, Đông Nam Á, Hàn Quốc, Úc và nhận ngay mức ưu đãi 20%.

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

BẠN CHỌN TRƯỚC GHẾ NGỒI CÓ BIẾT ĐƯỢC BAY NHƯ Ý

Bạn muốn chỗ ngồi phù hợp cho bản thân và gia đình? Hãy chọn ghế ngay khi mua vé với nhiều lựa chọn:

- Chỗ để chân rộng
- Chỗ để gối/ghép nối vé
- Chỗ gần lối đi
- Chỗ ngồi tiêu chuẩn

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

FLY YOU BACK TO SCHOOL

BẠN CÓ BIẾT CHẤP CÁNH BAY QUAY LẠI TRƯỜNG

Hãy đồng hành cùng các thế hệ trẻ với ưu đãi học sinh:

- Giảm đến 20% giá vé Việt Nam đi Quốc tế
- Giảm 20% chi phí hành lý xách tay và Premium Economy
- Giảm 2.000.000 VND hành lý ký gửi (20kg)
- Không giới hạn ngày bay

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

BẠN MỪNG SINH NHẬT CÓ VIETNAM AIRLINES BIẾT 25 NĂM

Tri ân khách hàng với ưu đãi đặc biệt

25

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

WE ARE BACK

BẠN VIETNAM AIRLINES GROUP CÓ KHAI THÁC TRỞ LẠI BIẾT CÁC ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA

Bay ngay để nhận ưu đãi đặc biệt chỉ từ **199.000 VND/chặng** -689.000 VND bao gồm thuế, phí

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

Hè này gọi 2020

BẠN MÙA HÈ RỰC RỠ CÓ BIẾT VUI CHƠI HẾT CỠ

Nội địa **299.000 VND/chặng** -799.000 VND bao gồm thuế, phí

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

BẠN VẬN CHUYỂN CÓ HÀNG KHÔNG BIẾT AN TOÀN - HIỆU QUẢ

Vietnam Airlines bằng đường vận chuyển hàng hóa đến tận cửa hàng, trường học, nơi làm việc và quốc tế bằng đội máy bay hiện đại, hệ thống ứng dụng Tracking 24/7 và 24/24

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

GIANG HẠNH LÝ KỶ GỬI 199.000 VND/CHẶNG 689.000 VND BAO GỒM THUẾ, PHÍ

BẠN KHÔNG HÀNH LÝ KỶ GỬI CÓ BIẾT NHẸ CẢNH VI VU

Từ ngày 15/5/2020, Vietnam Airlines mở rộng áp dụng ưu đãi hành lý ký gửi không hành lý ký gửi trên các đường bay nội địa giữa Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang, Quảng Ninh

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

BẠN NẰNG HẠNG NGAY CÓ BIẾT THỎA MÁI BAY

Hàng ngày trong vòng 24 giờ trước giờ bay với giá vé cũng hấp dẫn

Chỉ từ **399.000 VND** (chặng) - 689.000 VND (bao gồm thuế, phí)

- Hàng 24 giờ - Hàng Trường kỳ
- Cảng 24 giờ - Hàng Trường kỳ
- Hàng 24 giờ - Hàng Trường kỳ

Liên hệ: 1900 1234567 | 1900 1234567 | 1900 1234567

LOFLSMILES

Thứ 5 rớt rớt
GIẢ SẴN GIẢM

Chương trình hợp tác đặc biệt giữa Vietnam Airlines và Jetstar Pacific

- Thứ 5 hàng tuần **giá vé siêu giảm** trên nhiều chuyến bay nội địa
- Mua lại website: app của Vietnam Airlines và Jetstar Pacific

BẠN MUA 2 CÓ BIẾT TẶNG 1

CHƯƠNG TRÌNH ĐỒNG HÀNH BIẾT ĐẾN CHO GIA ĐÌNH

THU QUYỀN RỪ
TỪ 69.000VND

BẠN THU CÓ BIẾT QUYỀN RỪ

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC ĐẶC BIỆT GIỮA MÙA THU 2020

Chỉ từ **69.000 VND** /chàng nữ đi (529.000 VND bao gồm thuế, phí)

ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT

ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT HÀNG PHỐ THÔNG ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA

Mua vé hàng phố thông đường hàng nội địa chuẩn

Mua vé hàng phố thông đường nội địa

HÀ NỘI - TP. HỒ CHÍ MINH
GÓI 10 vé

CÔNG TÁC THẬT DỄ

BẠN CÓ BIẾT TRONG TAY GÓI VÉ CÔNG TÁC THẬT DỄ

Mua gói 10 vé khứ hồi Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh chỉ **22.390.000 VND** (người đi kèm thuế phí) Tiết kiệm lên tới 7 triệu VND so với mua lẻ

MUA 1 ĐƯỢC 2
HOẶC LÀ ĐI

BẠN VNAholidays CÓ COMBO VÉ MÁY BAY BIẾT VÀ KHÁCH SẠN

Chương trình hợp tác đặc biệt giữa Vietnam Airlines và hệ thống nghỉ dưỡng, khách sạn uy tín nhất tại Việt Nam

Từ Hà Nội/TP. Hồ Chí Minh, combo trọn gói 2 người (20kg)

Đà Lạt	Tuy Hòa
11.3.499.000 VND	11.3.579.000 VND
Hà Nội	Quy Nhơn
11.3.499.000 VND	11.3.999.000 VND
Nha Trang	Phù Quốc
11.4.399.000 VND	11.4.699.000 VND

BẠN CÓ BIẾT GIỜ TRÒN DỄ CHỌN

Đến sớm hơn, về muộn hơn... chỉ cần chọn giờ bay phù hợp với lịch trình của bạn

BỘ QUYỀN LỢI NHÓM GIÁ HÀNH KHÁCH MỚI

BỘ QUYỀN LỢI NHÓM GIÁ HÀNH KHÁCH MỚI VIETNAM AIRLINES VÀ PACIFIC AIRLINES

- Ưu tiên đặt vé
- Ưu tiên check-in
- Ưu tiên xếp ghế
- Ưu tiên mua vé
- Ưu tiên đổi vé
- Ưu tiên thanh toán
- Ưu tiên đổi sân bay
- Ưu tiên đổi hãng hàng không
- Ưu tiên đổi ngày bay
- Ưu tiên đổi địa điểm
- Ưu tiên đổi hành lý
- Ưu tiên đổi khách
- Ưu tiên đổi chuyến bay
- Ưu tiên đổi hãng hàng không
- Ưu tiên đổi sân bay
- Ưu tiên đổi ngày bay
- Ưu tiên đổi địa điểm
- Ưu tiên đổi hành lý
- Ưu tiên đổi khách
- Ưu tiên đổi chuyến bay

BẠN VỀ NHÀ VUI TẾT CÓ BIẾT SẢI CÁNH DU XUÂN

Vietnam Airlines Group đồng hành cùng bạn về nhà đón Tết Tân Sửu và cùng gia đình du xuân khắp miền quê



a. Công tác phát triển thương hiệu năm 2020

- **Tuyên giáo, dân vận và truyền thông nội bộ:** Gắn kết cán bộ nhân viên kịp thời, truyền tải thông điệp của lãnh đạo để cán bộ nhân viên chia sẻ và đồng hành cùng Tổng công ty; tổ chức thường xuyên hoạt động tương tác với cán bộ nhân viên để khơi dậy tinh thần quả cảm của các Chiến binh Sen Vàng.
- **Truyền thông, quảng cáo:**
 - » Đưa hình ảnh hãng Hàng không Quốc gia 4 sao nhân văn, an toàn, trách nhiệm đến với công chúng, khách hàng; dư luận ủng hộ tuyệt đối, chiếm trọn niềm tin yêu của khách hàng.
 - » Yểm trợ linh hoạt, nhanh và hiệu quả cho các đường bay mới, phục hồi thị trường và các chương trình bán, khuyến mại, kích cầu.
 - » Quan hệ báo chí: đã thiết lập được quan hệ tốt với lãnh đạo các cơ quan báo, đài, phóng viên theo dõi ngành, xây dựng được nhóm phóng viên thân thiết hỗ trợ đăng tải thông tin tích cực và xử lý các thông tin tiêu cực về Vietnam Airlines; năm 2020 dù Vietnam Airlines không ký kết hợp đồng truyền thông nhưng báo chí vẫn hỗ trợ tích cực trong việc đăng tải thông tin, góp phần giúp những thông tin tích cực của Vietnam Airlines lan tỏa rộng rãi hơn.
- **Sự kiện, tài trợ:** tiếp tục phối hợp với các Bộ, Ban, Ngành, các Tổ chức lớn để quảng bá hình ảnh Vietnam Airlines, khẳng định vai trò Hãng hàng không Quốc gia thông qua tài trợ cho Năm Chủ tịch ASEAN, phối hợp với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội tổ chức Giải Bơi chèo thuyền rồng Hà Nội mở rộng.
- **Kết quả:** Lượng đề cập về thương hiệu Vietnam Airlines trong năm 2020 tăng mạnh 80%, tỷ lệ tích cực tăng 15,4%, tiêu cực chỉ chiếm 0,2% giảm 63,3% so với năm 2019. Đồng thời Vietnam Airlines đã vươn lên dẫn đầu thị phần thảo luận truyền thông với tỷ trọng 55,7% kênh báo chí và 51,6% kênh mạng xã hội. Tin truyền thông tăng 138,8%, lượng đề cập đến Vietnam Airlines tăng 75,5%.

b. Kế hoạch phát triển thương hiệu 2021

Mục tiêu:

- **Tuyên giáo, dân vận và truyền thông nội bộ:** Lan tỏa và giữ vững niềm tin yêu nơi cán bộ nhân viên; mỗi cán bộ nhân viên là một “Đại sứ Truyền thông”, tự nguyện lan tỏa thông tin tích cực về Tổng công ty.
- **Truyền thông, quảng cáo:**
 - » Duy trì hình ảnh Hãng hàng không Quốc gia truyền thống anh hùng, Hãng hàng không 4 sao đẳng cấp quốc tế, nhân văn, thân thiện.
 - » Nghiên cứu phát triển các chương trình, chiến dịch hướng đến đối tượng mục tiêu, thể hiện hình ảnh Vietnam Airlines hiện đại, trẻ trung, mới mẻ, sáng tạo, đột phá trong nhận thức của khách hàng.
 - » Giữ chân khách doanh thu cao, đẩy mạnh tiếp cận khách hàng “modernist”.
 - » Gắn kết khách hàng yêu thích, lựa chọn và trung thành với thương hiệu Vietnam Airlines.
 - » Trực tiếp yểm trợ quảng cáo truyền thông cho các chương trình bán.
 - » Xây dựng quan hệ báo chí bài bản hơn, có kế hoạch thông qua việc thiết lập lại Câu lạc bộ báo chí (Press Club) duy trì các hoạt động gặp mặt lãnh đạo báo chí, phóng viên định kỳ, các dịp ngày lễ Tết.
- **Sự kiện, tài trợ:**
 - » Duy trì hình ảnh Vietnam Airlines tại các sự kiện, hội chợ lớn ở Việt Nam và quốc tế (khi thị trường có dấu hiệu phục hồi).
 - » Tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố, đặc biệt là tổ chức các sự kiện phối hợp chung với các thành phố lớn, các thành phố và tỉnh thành mà Vietnam Airlines có hợp tác chiến lược.
 - » Chủ động tìm kiếm các chương trình tài trợ nhắm tới nhiều đối tượng trẻ trung, hiện đại.

Một số hình ảnh phát triển thương hiệu





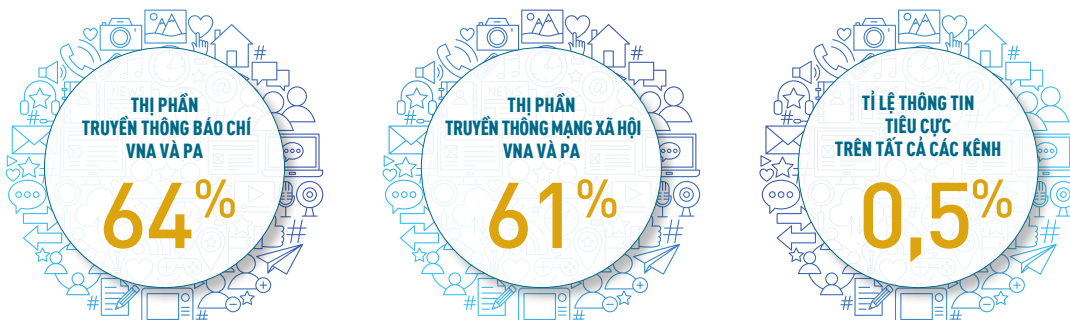
Chủ đề truyền thông chủ đạo:



Giải pháp lớn

- **Tuyên giáo – Truyền thông nội bộ:** Phân tuyến nội dung hướng tới từng đối tượng người lao động và tăng cường các hình thức giúp tương tác nhanh, thông điệp trực diện.
- **Truyền thông – quảng cáo – sự kiện:** Hợp tác với các đối tác lớn để thực hiện chương trình thúc đẩy kinh tế quốc gia, vùng miền, kích cầu du lịch:
 - » Hợp tác với VTV thực hiện Talkshow “Chào tương lai”, “Quán thanh xuân” với sứ mệnh là Hãng hàng không quốc gia truyền thống anh hùng để kết nối du lịch vùng miền.
 - » Hợp tác với VOV thực hiện bản tin hàng không cập nhật thông tin về Vietnam Airlines một cách thường xuyên và nhanh chóng.
 - » Hợp tác với VNExpress tổ chức, tài trợ các sự kiện thể thao (marathon), diễn đàn kinh tế, du lịch để gia tăng mức độ ảnh hưởng, nhận diện thương hiệu qua các sự kiện lớn, uy tín và đa dạng.
 - » Thâm nhập vào các nhóm cộng đồng thông qua tổ chức, tài trợ các sự kiện đang là xu hướng như thể thao (marathon, golf, bóng đá...), âm nhạc, văn hóa... để lan tỏa thương hiệu Vietnam Airlines và hỗ trợ trực tiếp công tác bán.
 - » Mở rộng hệ thống KOL, micro KOL review trải nghiệm dịch vụ của Vietnam Airlines.
- **Công cụ truyền thông mới:** Vietnam Airlines xây dựng các công cụ mới để chủ động trong công tác truyền thông:
 - » Social hub: tập trung nguồn lực của đại lý và Vietnam Airlines về một chỗ tại TCT, tận dụng thế mạnh của đại lý để thúc đẩy quá trình xây dựng khách hàng – ý tưởng sáng tạo – kênh phương tiện được triển khai nhanh và nhịp nhàng.
 - » Spirit TV channel: tổ chức một phòng quay ngay tại TCT để chủ động trong tổ chức ghi hình và dựng các clip về hoạt động SXKD của TCT (thông điệp của lãnh đạo tại lễ chào cờ, sự kiện; tọa đàm đối thoại giữa người lao động và lãnh đạo Tổng công ty; các chương trình bán; talkshow với các chuyên gia hàng không, kinh tế; bản tin tuần...), phát sóng trực tiếp trên kênh Spirit TV hoặc cung cấp cho các báo đài để lan tỏa kịp thời thông tin về Vietnam Airlines. Đây có thể coi là sự đi đầu trong truyền thông – quảng cáo công nghệ số của Vietnam Airlines.
 - » VNA mascot: tạo ra một bộ nhân vật để làm công cụ truyền thông một cách tự nhiên, gần gũi và dễ tương tác, có khả năng lan tỏa và sử dụng lâu dài với nhiều mục đích khác nhau.
 - » KOLs nội bộ: tận dụng thế mạnh của cán bộ nhân viên, tạo sự gắn kết cán bộ nhân viên với Vietnam Airlines, mỗi cán bộ nhân viên là một đại sứ truyền thông.
 - » KOLs bên ngoài: sử dụng các cá nhân có sức ảnh hưởng lớn trên mạng xã hội trong các chiến dịch truyền thông lớn, trải nghiệm giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của Vietnam Airlines.

Bộ chỉ số KPI



2.10 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

a. Các ứng dụng công nghệ thông tin mới hoặc được cải tiến trong các lĩnh vực kinh doanh (thương mại, khai thác, kỹ thuật, công tác bán, quản trị...)

Năm 2020, Vietnam Airlines đã triển khai các giải pháp CNTT nhằm tiến tới mục tiêu đưa Vietnam Airlines trở thành Hãng Hàng không số; nghiên cứu ứng dụng các giải pháp CNTT thông minh trong tất cả các lĩnh vực nhằm tối ưu hóa quy trình công việc, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu và mang lại trải nghiệm cho khách hàng phù hợp với yêu cầu phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0. Cụ thể như:

- Hoàn thành nâng cấp hệ thống quản trị doanh thu mới theo O&D (RM O&D);
- Hoàn thành triển khai hệ thống Customer Experience Management/ Customer Data Hub nhằm xây dựng và làm giàu nguồn dữ liệu khách hàng, phục vụ công tác phát triển hội viên mới và nâng cao tính trải nghiệm cho khách hàng;
- Xây dựng một cơ sở dữ liệu dùng chung (Data Warehouse) trong toàn Tổng công ty, tổ chức và khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu từ Sabre (Streaming, CDD, Logfile);
- Hoàn thành triển khai giai đoạn 1 các hệ thống CRM B2C và B2B;
- Hoàn thành nâng cấp hệ thống quản lý doanh thu REVERA; nâng cấp hệ thống Netline;
- Triển khai kết nối DCP Webservices cho các đại lý truyền thống và OTA để mở rộng mạng bán;
- Hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị thương mại theo công nghệ mới (Salesforce) đối với mảng thương mại hàng hóa và Bông Sen Vàng;
- Ứng dụng một phần hệ thống quản lý và theo dõi hiệu suất, dự báo trước hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, tối ưu hóa hoạt động bay dựa trên nền tảng Big Data của Airbus (Skywise);
- Mở rộng hệ thống Firewall thế hệ mới đến tất cả chi nhánh trong và ngoài nước của Vietnam Airlines;
- Thực hiện các thủ tục kết nối phục vụ khai thác bay Mỹ; thiết lập hạ tầng CNTT phục vụ các sân bay trong và ngoài nước/phục vụ hệ thống đại lý bán vé;
- Đảm bảo hệ thống hạ tầng HNTH và VPN phục vụ hoạt động làm việc từ xa của cán bộ nhân viên của Vietnam Airlines trong suốt giai đoạn bị ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19.





b. Đánh giá độ sẵn sàng các hệ thống CNTT

Sẵn sàng các hệ thống CNTT trung bình trong năm 2020 là 99,97%, tăng 0,04% so với năm 2019.

c. Các chính sách về an toàn thông tin, bảo mật thông tin cho khách hàng, cổ đông và những thay đổi quan trọng

- Vietnam Airlines đã củng cố, sửa đổi, ban hành Quy chế An toàn thông tin phiên bản 03 (tháng 1/2020), bổ sung các Quy định vận hành các hệ thống CNTT tuân thủ các yêu cầu của pháp luật, quy định, tiêu chuẩn.
- Tổ chức đánh giá và hoàn thành đánh giá về tuân thủ theo quy định của pháp luật về an toàn, an ninh mạng, được Cục an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (A05) phê chuẩn

d. Lộ trình và các giải pháp để trở thành doanh nghiệp số 4.0 (Digital Airlines)

- Đẩy mạnh triển khai nghiên cứu các giải pháp chuyển đổi hạ tầng số, tổ chức nguồn dữ liệu số và đẩy mạnh khai thác các báo cáo thông minh (BI). Tổ chức kho dữ liệu dùng chung DWH chung bao gồm tất cả các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu khai thác và quản trị dữ liệu trên môi trường Cloud. Ban hành chính sách quản trị dữ liệu, quy trình khai thác dữ liệu trong toàn Vietnam Airlines.
- Triển khai đồng bộ các hệ thống CNTT theo chuẩn mực ngành hàng không dựa trên các quy trình tiêu chuẩn, tiên tiến (Best Practice) của ngành hàng không. Triển khai ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 như Trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác dự báo, tối ưu hóa sử dụng nhiên liệu,...; nhận dạng sinh trắc học (Biometric); khai thác dữ liệu lớn (Big Data) vào các lĩnh vực thương mại, Điều hành khai thác, tự động hóa phục vụ khách hàng, nâng cao tính trải nghiệm của khách hàng.
- Tăng cường ứng dụng và triển khai các hệ thống CNTT vào hoạt động bảo dưỡng kỹ thuật, dự báo hỏng hóc sớm để nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa máy bay.



2.11 TÁI CƠ CẤU CÔNG TY MẸ VÀ DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN

a. Tổ chức lại SXKD

Đối với công tác điều hành:

- Chủ động xây dựng các phương án điều hành theo các kịch bản kế hoạch; nâng cao năng lực quản trị, điều hành về sản phẩm, giá, chỗ và giữ vững thị phần đường bay nội địa, từng bước khôi phục đường bay quốc tế.
- Đảm bảo công tác quản trị slot nội địa tối ưu, hiệu quả, phù hợp với các quy định của Cục hàng không; xây dựng quy trình quản lý slot phù hợp với cơ chế mới của Cục hàng không.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khai thác các chuyến bay hồi hương, chở chuyên gia trong giai đoạn mạng bay quốc tế chưa phục hồi.
- Tăng tốc độ triển khai công việc, các dự án quan trọng.
- Tích cực, chủ động tham mưu về các chiến lược phát triển mạng bay, đội bay và sản phẩm (kế hoạch 5 năm, đường bay, hợp tác, dịch vụ...).
- Tập trung đàm phán JV; Triển khai mở rộng hợp tác; Nâng cao hiệu quả các hợp tác hiện tại; theo dõi hợp đồng hợp tác VN/BL.

Đối với công tác bán hàng khách:

- Tăng tỷ trọng online nội địa lên 30% tổng doanh thu bán hàng khách.
- Ra nhập hệ sinh thái các sàn, ví thương mại điện tử tại Việt Nam. Kết nối với các Metasearch lớn toàn cầu và khu vực.
- Đẩy mạnh doanh thu bán các sản phẩm bổ trợ.
- Tăng cường hiệu quả công tác quản trị bán, quản trị kênh bán đại lý, CA đến từng chuyên viên bán thông qua công cụ B2B đồng thời phát triển cả về số lượng và chất lượng công tác bán khách doanh nghiệp trong đó đặt mục tiêu khách hàng doanh nghiệp tại thị trường Việt Nam là 2.000.
- Mở rộng kênh bán gián tiếp, tăng cường mức độ bao phủ của đại lý, người bán của Vietnam Airlines tại các tỉnh thành.
- Cá nhân hóa quá trình bán và phục vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Nâng cao năng lực quản trị điều hành về sản phẩm, giá, chỗ.
- Đổi mới mô hình hoạt động thuê chuyển nhằm đạt mục tiêu doanh thu.
- Tập trung công tác bán doanh thu cao trên Vietnam Airlines và bán khách giá thấp trên PA.
- Triển khai cơ chế thu nhập gắn với kết quả bán tới khối quản trị.
- Tiếp tục phát triển hội viên Bông sen vàng. Đẩy mạnh hợp tác phi hàng không và nâng cao chất lượng phục vụ hội viên đồng thời mở rộng các kênh phân phối bán dặm.

Đối với hàng hóa

- Duy trì thị phần hàng hóa nội địa của VNA Group ở mức 60% (Thị phần đường trục HANSGN trên 62%, thị phần hàng doanh thu cao trên 80%).
 - Duy trì HSSD tải trên các đường bay quốc tế chở khách thường lệ và hồi hương ở mức trên 90%.
- Xây dựng các đường bay chuyên chở hàng hóa thường lệ đến Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn quốc, Hong Kong, Úc và Thái Lan. Hoàn thiện và đưa vào sử dụng các ứng dụng báo cáo, lập kế hoạch, quản lý giá trên nền tảng Salesforce.



b. Tái cơ cấu tài chính Công ty mẹ

Các ảnh hưởng của dịch COVID-19 đã làm suy giảm nghiêm trọng nguồn lực tài chính của Tổng công ty Hàng không và để lại những hậu quả nặng nề, lâu dài đến tình hình tài chính và các cân đối tài chính của Tổng công ty Hàng không. Bên cạnh các giải pháp ứng phó tình huống có tính chất ngắn hạn, Tổng công ty Hàng không đã chủ động đánh giá các ảnh hưởng, xây dựng định hướng và các giải pháp tái cơ cấu tài chính để khôi phục tiềm lực tài chính, khắc phục các mất cân đối nguồn vốn trong giai đoạn tới. Các giải pháp tái cơ cấu tài chính bao gồm các giải pháp về tăng vốn chủ sở hữu, bổ sung nguồn vốn, tái cơ cấu nợ và nợ vay, tái cấu trúc tài sản – nguồn vốn.

Trong năm 2020, Tổng công ty Hàng không đã hoàn thành việc tái cơ cấu một số khoản vay nợ dài hạn, bán 03 máy bay cũ A321CEO theo định hướng về đổi mới đội máy bay, báo cáo cổ đông, cổ đông Nhà nước về giải pháp cho vay và phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần. Hiện nay, Quốc hội và Chính phủ đã thông qua gói hỗ trợ tài chính của cổ đông Nhà nước cho Tổng công ty với quy mô 12.000 tỷ đồng. Dự kiến sau khi hoàn thành, Tổng công ty Hàng không sẽ được bổ sung nguồn vốn vay (4.000 tỷ đồng) và vốn cổ phần (8.000 tỷ đồng) giúp khắc phục các khó khăn về thanh khoản và mất cân đối nguồn vốn.

c. Tái cơ cấu Doanh nghiệp thành viên

Năm 2020, căn cứ vào kết quả hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Vietnam Airlines trong suốt nhiều năm qua và trên cơ sở đánh giá vai trò, vị trí của các DN trong chuỗi dây chuyền vận tải hàng không cũng như thực trạng tài chính của Vietnam Airlines do tác động của dịch bệnh COVID-19, Vietnam Airlines đã nghiên cứu, xây dựng và đề xuất phương án tái cơ cấu toàn diện các doanh nghiệp thành viên để Vietnam Airlines có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải hàng không và các dịch vụ đồng bộ, đồng thời mang lại nguồn thu từ hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp để bù đắp lỗ lũy kế, cải thiện dòng tiền và tiếp tục tạo nguồn cho kế hoạch đầu tư phát triển.

d. Tái cơ cấu nhân sự, tiền lương

Với lực lượng lao động lớn, đa dạng lĩnh vực hoạt động, Vietnam Airlines đã phải áp dụng các biện pháp tổ chức lại lao động, bố trí lực lượng lao động vừa đảm bảo an toàn chuyến bay thương mại, các chuyến bay thực hiện nhiệm vụ vận chuyển công dân, vừa đảm bảo an toàn phòng chống dịch theo quy định của Việt Nam và quốc tế và phù hợp với quy mô của sản xuất kinh doanh từng giai đoạn. Cụ thể:

Lao động Việt Nam:

- Sử dụng nhân công trực tiếp (Phi công, Tiếp viên, giám sát khai thác...) với số lượng tối thiểu đáp ứng yêu cầu khai thác; đảm bảo các nguyên tắc về huấn luyện, đào tạo, duy trì bằng cấp với phi công để chuẩn bị nguồn lực cho giai đoạn phục hồi, tránh phát sinh chi phí lớn khi sử dụng trở lại; cân đối sử dụng nguồn lực Vietnam Airlines và ALSIMEXCO để đạt hiệu quả chi phí.
- Cán bộ đại diện tại các Chi nhánh nước ngoài: duy trì lực lượng tối thiểu, thực hiện điều động về các cơ quan, đơn vị.
- Thực hiện các biện pháp: bố trí ngừng việc, làm việc bán thời gian; thỏa thuận nghỉ không hưởng lương, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động tùy từng vị trí công việc cụ thể.
- Tạo điều kiện để người lao động tự đào tạo, nâng cao trình độ, hoàn thiện tiêu chuẩn vị trí công việc.

Lao động nước ngoài:

giảm thiểu sử dụng nhân lực nước ngoài để triệt để tiết kiệm chi phí.

- Phi công nước ngoài: Tạm ngừng sử dụng Phi công nước ngoài từ tháng 4; đưa dần vào khai thác từ tháng 6, chủ yếu ở đội bay thân hẹp, xếp lịch bay phù hợp với sản lượng cung ứng. Đàm phán với các đối tác điều chỉnh tiền lương phi công, phí dịch vụ.
- Tiếp viên nước ngoài: Tạm ngừng sử dụng từ tháng 4.
- Nhân viên chi nhánh nước ngoài: chỉ duy trì nhân sự tối thiểu (~25% tổng số lao động), thực hiện chính sách tương tự lao động Việt Nam, đồng thời đề nghị các gói trợ cấp của chính phủ các nước.

Việc điều hành nguồn lực linh hoạt, lực lượng lao động nước ngoài được hạn chế sử dụng tối đa. Lực lượng lao động đặc thù phi công, tiếp viên được ưu tiên bố trí có trọng tâm, trọng điểm để duy trì năng định, chứng chỉ, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong khai thác. Cùng với công tác truyền thông, các chính sách điều hành đã nhận được sự ủng hộ của người lao động trong giai đoạn khó khăn.

e. Công tác áp dụng chuyển đổi số vào hoạt động kinh doanh

Năm 2020, Vietnam Airlines đã thành lập Ban Tiếp thị & Chuyển đổi số nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số toàn diện của Vietnam Airlines.



2.12 CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

a. Hợp tác chiến lược với cổ đông ANA Holdings Inc.

Năm 2020, Vietnam Airlines tiếp tục giữ quan hệ tốt với nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings Inc. (ANA). Hai bên tiếp tục xúc tiến đàm phán về khả năng hợp tác liên doanh và tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ kỹ thuật, trong đó tập trung vào các nội dung về quản trị doanh nghiệp, thương mại, khai thác, dịch vụ khách hàng, công nghệ thông tin và kỹ thuật.

b. Hợp tác thương mại

- Năm 2020, Vietnam Airlines duy trì hợp tác liên danh song phương với 25 hãng hàng không và 1 hãng tàu hỏa Quốc gia Pháp. Ngoài ra, Vietnam Airlines vừa hoàn tất đàm phán hợp tác liên danh với đối tác mới là Srilanka Airlines. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 khiến việc khai thác các đường bay quốc tế của Vietnam Airlines cũng như các hãng hàng không bị cắt giảm đáng kể, hoạt động hợp tác theo đó chỉ duy trì ở mức tối thiểu. Giai đoạn bị ảnh hưởng của COVID-19, Vietnam Airlines đã đàm phán với các đối tác linh hoạt điều chỉnh phương án hợp tác trong từng thời điểm để đáp ứng với các thay đổi của thị trường và xây dựng kế hoạch hợp tác trong giai đoạn hậu COVID-19.



- Về hợp tác liên doanh, Vietnam Airlines tạm ngừng hợp tác với Air France từ tháng 3/2020 do Vietnam Airlines ngừng khai thác các đường bay kết nối Việt Nam và Pháp. Trong giai đoạn này, Vietnam Airlines tập trung hoàn thiện đàm phán hợp tác liên doanh với China Airlines, dự kiến triển khai trong năm 2021.
- Về hợp tác đa phương: Vietnam Airlines tiếp tục tham gia vào các hoạt động và dự án chung của SkyTeam, tạo động lực để Vietnam Airlines nâng cấp hệ thống và tiêu chuẩn dịch vụ của Hãng và đáp ứng yêu cầu của Liên minh SkyTeam. Trong năm 2020, Vietnam Airlines đã tích cực tham gia công tác xây dựng và triển khai các dự án hướng đến sự an toàn sức khỏe của hành khách trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 chưa có dấu hiệu được kiểm soát trên toàn thế giới. Ngoài ra, Vietnam Airlines cũng đồng thời tích cực tham gia sâu rộng vào các hoạt động tại các tổ chức đa phương IATA, phát huy vai trò và ảnh hưởng của Vietnam Airlines đối với các chính sách chung theo hướng có lợi cho Việt Nam.

c. Hợp tác với chính quyền địa phương

- Hợp tác giữa Vietnam Airlines và các tỉnh, thành phố không ngừng được tăng cường và mở rộng. Năm 2020, Vietnam Airlines ký thỏa thuận hợp tác với UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Tiếp tục duy trì, triển khai các hoạt động xúc tiến du lịch, văn hóa, thương mại với các tỉnh, thành phố đã có hợp tác từ trước như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh...
- Các thỏa thuận hợp tác được ký kết nhằm thống nhất, tăng cường sự phối hợp giữa VNA với các bên, từ đó vừa nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa đóng góp vào công cuộc quảng bá du lịch, xúc tiến thương mại và phát triển kinh tế của các địa phương cũng như cả nước.

d. Hợp tác với FPT Play

- Chương trình hợp tác VNA - FPT Play sẽ mang đến trải nghiệm mới cho hành khách trên tất cả các chuyến bay nội địa của Vietnam Airlines, sẽ tiếp tục là bước tiến để Hãng hàng không quốc gia nâng tầm dịch vụ, hướng tới trở thành một trong những hãng bay được yêu thích nhất tại châu Á - Thái Bình Dương trong thời gian tới.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Kế hoạch đầu tư tư phát triển năm 2020 của Vietnam Airlines đã được HĐQT phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-HĐQT/TCTHK ngày 18/8/2020 với tổng giá trị là 405,8 tỷ đồng. Tuy nhiên trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh đình trệ và căng thẳng dòng tiền do dịch bệnh COVID-19 từ đầu tháng 2/2020 đến nay, Vietnam Airlines đã chủ động đánh giá mức độ cấp thiết của các Dự án đầu tư, tiến hành rà soát, cắt giảm, giãn tiến độ, chỉ tập trung vào các Dự án cần triển khai ngay phục vụ SXKD và tiết kiệm chi phí. Tổng hợp tình hình thực hiện như sau:

DANH MỤC ĐẦU TƯ	KH 2020		TH 2020		%TH/KH	
	SỐ DỰ ÁN	GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN (TỶ ĐỒNG)	SỐ DỰ ÁN (*)	GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN (TỶ ĐỒNG)	SỐ DỰ ÁN	GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN
1	2	3	4	5	6	7
Đầu tư tài sản	57		18			
Máy bay	1	2,5		0,7		28%
Xây dựng cơ bản	35	178,1	6	39,3	17,1%	22,1%
Trang thiết bị, CNTT	21	225,2	12	131,0	57,1%	58,1%
Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp						
TỔNG CỘNG	57	405,8	18	171,0	31,6%	42,1%

(*) Tổng số dự án chuẩn bị đầu tư được phê duyệt, số dự án thực hiện đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng và dự án hoàn thành quyết toán trong năm 2020.



3.1. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI SẢN

a. Đầu tư máy bay

Dự án 50 máy bay thân hẹp đã được Sở tài nguyên môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư tiếp theo theo quy định.

b. Đầu tư trang thiết bị

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trang thiết bị năm 2020 là 131,0 tỷ đồng để tập trung triển khai và đưa vào sử dụng trong năm 2020 các dự án cần thiết phục vụ SXKD:

- Dự án lắp đặt Sharklet cho 10 máy bay A321 để tiết kiệm nhiên liệu, giảm khí phát thải, giảm chi phí khai thác;
- Các Dự án đảm bảo hạ tầng CNTT, an ninh thông tin: Mở rộng hệ thống thiết bị tường lửa tới các văn phòng chi nhánh trong và ngoài nước, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình của Vietnam Airlines;
- Các Dự án đảm bảo hoạt động cho các cơ quan đơn vị: Máy phát điện 49 Trường Sơn của chi nhánh miền Nam, 01 thang máy của chi nhánh miền Bắc.

c. Đầu tư xây dựng

Tổng giá trị thực hiện đầu tư xây dựng năm 2020 là 39,3 tỷ đồng (giá trị khối lượng đã thực hiện trong kỳ là 74,5 tỷ đồng) để giải ngân cho các dự án sau:

- Dự án điều chỉnh Khu làm việc văn phòng bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ hàng không tại 200 Nguyễn Sơn - giai đoạn 2: Cơ bản hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc chính, hiện đang triển khai hoàn thiện và lắp đặt nội thất công trình, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong Q1/2021);
- Dự án Xây dựng khu làm việc và giao dịch phòng đặt chỗ bán vé máy bay (Lô B2-2 Nguyễn Tri Phương, Đà Nẵng): đã hoàn thành đưa vào sử dụng và quyết toán dự án;
- Thanh toán giá trị còn lại cho 02 dự án đã hoàn thành trước năm 2020 sau khi quyết toán dự án hoàn thành: Toà nhà chính Trung tâm huấn luyện đào tạo của Tổng Công ty tại Tp. Hồ Chí Minh và Cải tạo nội ngoại thất nhà 5 tầng ĐTV Phía Bắc.



3.2. ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP





a. Đánh giá chung

Năm 2020, dịch bệnh COVID-19 bùng phát từ tháng 2/2020 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp và làm suy giảm hiệu quả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của Tổng công ty. Các doanh nghiệp thành viên đã tìm nhiều giải pháp để vượt khó khăn, ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh: bố trí lao động phù hợp để vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh, vừa đáp ứng nhu cầu tổ chức sản xuất, đảm bảo an toàn cho hành khách và chuyến bay; đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ để giữ khách hàng, mở rộng thêm các dịch vụ mới nhằm tăng doanh thu; triệt để tiết giảm chi phí, tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong VNA Group nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của VNA Group.

b. Kết quả hoạt động của các công ty có vốn góp






(Ghi nhận theo BCTC mới nhất của các doanh nghiệp và sẽ tiếp tục cập nhật số liệu khi có báo cáo tài chính kiểm toán của các doanh nghiệp)

Công ty con

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		VAECO		<p>Là Công ty TNHH Một thành viên do Vietnam Airlines sở hữu 100% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty là cung ứng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy bay và động cơ, phụ tùng máy bay. Công ty được thành lập và xây dựng theo các tiêu chuẩn quy định của Cục Hàng không Việt Nam - CAAV, Cục Hàng không liên bang Mỹ - FAA và Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế - ICAO. Với các tiêu chuẩn như vậy, VAECO đáp ứng các yêu cầu về bảo dưỡng, sửa chữa cho tất cả các loại máy bay của Vietnam Airlines và hơn 40 hãng hàng không quốc tế bay đến Việt Nam. Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, tổng doanh thu hợp nhất của VAECO là 1.566,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 8,53 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 0,76%.</p> <p>Năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch bệnh COVID-19 nhưng Ban lãnh đạo VAECO đã chủ động điều hành sản xuất linh hoạt, kịp thời ứng phó với các diễn biến của dịch bệnh, thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi phí để đảm bảo Công ty có lợi nhuận đồng thời tăng cường công tác an toàn, chất lượng, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD liên tục trong thời kỳ dịch bệnh và tham gia cùng Tổng Công ty trong các chuyến bay giải cứu công dân an toàn.</p>
2		SKYPEC		<p>Là Công ty với bề dày kinh nghiệm và chuyên nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế với hệ thống kho chứa trên 210.000 m³, mạng lưới hoạt động tại 18 cảng hàng không trên toàn lãnh thổ Việt Nam và 04 sân bay quốc tế lớn của Hàn Quốc.</p> <p>Để đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng rất khắt khe của nhiên liệu tra nạp cho máy bay, Công ty không ngừng nâng cao và đầu tư bổ sung dàn xe tra nạp, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại và đã có các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 với 10 phép thử tiêu chuẩn. Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001-2015 do Tổ chức QMS chứng nhận để luôn sẵn sàng phục vụ các khách hàng hàng không trong và ngoài nước một cách tối ưu nhất. Công ty đã áp dụng hệ thống giám sát thông minh, tích hợp GPS và camera hành trình, số hóa xe tra nạp, đảm bảo chuỗi cung ứng nhiên liệu của SKYPEC luôn được kiểm soát chặt chẽ. SKYPEC là nhà cung cấp nhiên liệu cho tất cả các hãng hàng không trong nước và gần 100 hãng hàng không nước ngoài đang khai thác tại Việt Nam.</p> <p>Năm 2020, trước tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng chưa từng có đối với ngành hàng không nói chung và SKYPEC nói riêng, Công ty đã có những giải pháp cụ thể để khắc phục khó khăn, tổng sản lượng năm 2020 đạt gần 937.711 tấn; chỉ tiêu doanh thu đạt 11,205 tỷ đồng, và LNTT đạt hơn 31 tỷ đồng.</p>




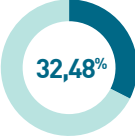



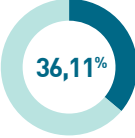




TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
3		VACS		<p>Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn và dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không. Công ty đã áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO và cập nhật lên phiên bản mới nhất là ISO 9001:2015, cùng nhiều hệ thống quản lý chất lượng khác như ISO 45001:2018 (thay thế cho tiêu chuẩn OHSAS), HACCP...</p> <p>Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, các đường bay quốc tế đã cắt giảm và tạm ngừng khai thác nên sản lượng cung ứng suất ăn của VACS sụt giảm nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong năm VACS đã nỗ lực tìm kiếm và triển khai các giải pháp tăng doanh thu phụ trợ, tiết kiệm chi phí: cung cấp suất ăn kiêng cho các khu cách ly; cung cấp các loại bánh cho trường học; phối hợp với NCS để bán các sản phẩm phi hàng không; phát triển trung tâm đào tạo, tổ chức giảng dạy các khóa đào tạo bên ngoài (trước mắt là đào tạo nhân viên lái xe chở suất ăn); tiết kiệm tối đa các khoản chi phí chung, chi phí quản lý; điều chỉnh chính sách lao động, tiền lương. Kết quả LNTT năm 2020 của VACS đạt 13,6 tỷ đồng.</p>
4		VIAGS		<p>Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất cho hành khách, máy bay của các hãng hàng không tại các cảng hàng không, sân bay. Với tiền thân là các xí nghiệp cung cấp dịch vụ mặt đất có hơn 25 năm kinh nghiệm, VIAGS sở hữu hơn 4.000 nhân viên tay nghề cao, được đào tạo từ cơ bản đến chuyên môn sâu và hệ thống trang thiết bị hiện đại luôn được vận hành theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng cao nhất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và ISAGO. Năm 2020 là năm thứ năm hoạt động theo mô hình công ty TNHH Một thành viên, VIAGS đã đạt được kết quả SXKD với tổng doanh thu là 1.189 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 24,633 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 6,6%.</p> <p>Năm 2020, VIAGS nhận được một số giải thưởng về chất lượng dịch vụ của các hãng hàng không, trong đó có các hãng lớn như VNA, MI, KE... và được đề nghị cấp Bằng khen của Thủ tướng chính phủ.</p>
5		Pacific Airlines		<p>Là hãng hàng không do Vietnam Airlines sở hữu 68,85% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hàng không. Việc tiếp tục phát triển PA theo mô hình LCC để khai thác phân khúc thị trường giá rẻ nhằm tăng sức cạnh tranh của VNA Group là phù hợp với xu thế chung của thị trường vận tải hàng không và chiến lược phát triển của VNA Group. Năm 2020, cũng như các hãng hàng không khác, PA chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh COVID-19. Tổng công ty Hàng không đã có những giải pháp phối hợp nguồn lực, đàm phán với nhà cung cấp việc giãn/hoãn thanh toán và hỗ trợ giảm giá nhằm tháo gỡ khó khăn, giúp PA vượt qua giai đoạn khủng hoảng. Kết quả các chỉ tiêu sản lượng khai thác của PA đều cải thiện so với kế hoạch song do phải ngừng khai thác quốc tế, thị trường nội địa thừa cung thiếu cầu dẫn đến giá vé bình quân giảm mạnh, kết quả năm 2020 PA lỗ 2.143,6 tỷ đồng.</p>
6		NCTS		<p>Là công ty hoạt động trong lĩnh vực phục vụ hàng hóa chuyên nghiệp, hàng đầu tại khu vực phía Bắc, trong đó Vietnam Airlines sở hữu 55,13% vốn điều lệ. Trong tình hình dịch bệnh lan rộng với diễn biến phức tạp, toàn bộ quá trình phục vụ các chuyến bay đã được công ty chỉ đạo cụ thể, sát sao, bố trí nguồn lực phù hợp để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các hãng hàng không, đồng thời đảm bảo công tác cách ly, phòng ngừa nguy cơ lây nhiễm ở mức độ cao nhất. NCTS đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh, tăng doanh thu và tiết kiệm chi phí để giữ vững hiệu quả hoạt động với chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 697 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 257 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 79%.</p>

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
7		TCS	 55,00%	<p>Là công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá cho các chuyến bay quốc tế tại Sân bay Tân Sơn Nhất, trong đó Vietnam Airlines sở hữu 55% vốn điều lệ. Từ tháng 02/2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, các hãng hàng không liên tục thay đổi, hủy chuyến, điều chỉnh lịch bay để phù hợp với tình hình sản lượng thực tế. Do đó, TCS đã luôn cập nhật cũng như đáp ứng các yêu cầu phục vụ đặc biệt từ hãng hàng không nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và an ninh an toàn của các chuyến bay. Bên cạnh đó, công ty đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí để duy trì hiệu quả SXKD ở mức cao, tổng doanh thu của TCS đạt 861 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 538 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 459%.</p> <p>Trong năm 2020, TCS đã vinh dự đón nhận thư khen từ Hãng hàng không Korean Air ghi nhận sự phối hợp và hỗ trợ của công ty TCS trong thời gian chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.</p>
8		TECS	 51,00%	<p>Là công ty do Vietnam Airlines sở hữu 51% vốn điều lệ, hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau: Dịch vụ khai thác và xử lý hàng hóa chuyển phát nhanh, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistic, dịch vụ khai thuê hải quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... Năm 2020, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua đường chuyển phát nhanh hàng không tăng mạnh, chủ yếu là các mặt hàng thiết bị y tế, nhưng hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi dịch bệnh. Công ty đã tập trung nguồn nhân lực, triển khai các biện pháp để khai thác triệt để nguồn hàng, theo sát diễn biến phức tạp của dịch bệnh và của thị trường, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với chỉ tiêu tổng doanh thu của TECS đạt 307 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 114 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 177%.</p>
9		VINAKO	 65,05%	<p>Là Công ty giao nhận hàng hoá truyền thống trên các chuyến bay thương mại, trong đó Vietnam Airlines sở hữu 65,05% vốn điều lệ. Hoạt động SXKD của VINAKO, đặc biệt là hàng xuất quốc tế bị ảnh hưởng rất lớn từ việc đóng cửa các đường bay quốc tế do ảnh hưởng của dịch bệnh. Tuy nhiên, trong thời điểm khó khăn, Công ty đã chủ động tham gia hình thức thuê chuyển bay hàng hoá của Vietnam Airlines, đặc biệt là tham gia giao nhận các loại hàng hoá thiết yếu hàng gấp, hàng cứu trợ, hàng khẩu trang và thiết bị bảo hộ y tế đi thị trường Nhật Bản trong tháng 4 và tháng 5 cao điểm của dịch bệnh; đồng thời thực hiện quản trị tốt chi phí. Do đó, kết quả SXKD năm 2020 duy trì ở mức cao, lợi nhuận trước thuế đạt 33,05 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 297,85%.</p>
10		NCS	 60,17%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. NCS duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, tiêu chuẩn HACCP, HALAL vào hoạt động sản xuất. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, các đường bay quốc tế đã cắt giảm và tạm ngừng khai thác nên sản lượng cung ứng suất ăn của NCS sụt giảm nghiêm trọng. Để cải thiện kết quả kinh doanh, NCS đã tìm nhiều giải pháp để đẩy mạnh việc cung ứng các sản phẩm phi hàng không ra thị trường như bánh trung thu, cung cấp suất ăn nhẹ cho trường học, các sản phẩm phục vụ Tết ..., đồng thời bố trí hợp lý lao động, thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi phí để cải thiện kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, do dịch bệnh ảnh hưởng quá nặng nề nên kết quả năm 2020 NCS bị lỗ 38,1 tỷ đồng.</p>





TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
11		NASCO	 51,00%	<p>Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài. NASCO đang hoạt động theo Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Năm 2020, cũng như các doanh nghiệp trong dây chuyền dịch vụ đồng bộ vận tải hàng không, hoạt động SXKD của NASCO bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, với các nỗ lực trong điều hành SXKD, thực hiện nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, mở rộng thêm khách hàng mới, tăng doanh thu từ các hoạt động phụ trợ và duy trì được doanh thu từ hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp nên năm 2020 tổng doanh thu hợp nhất của NASCO đạt 365,7 tỷ đồng, lỗ trước thuế hợp nhất của công ty là 212 triệu đồng, tổng doanh thu của Công ty mẹ đạt 226,6 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ là 108 triệu đồng, ROE đạt 0,14%.</p>
12		VFT	 51,52%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực đào tạo phi công cho các hãng hàng không trong khu vực. Trong năm 2020, ĐHĐCĐ VFT đã thông qua đề án triển khai huấn luyện đào tạo phi công cấp độ ATO 01, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển của công ty. Hiện công ty đang triển khai các thủ tục và bước công việc cần thiết để có thể chính thức triển khai việc đào tạo phi công theo đề án đã được phê duyệt.</p> <p>Năm 2020, mặc dù VFT còn gặp nhiều khó khăn đến từ các đối thủ cạnh tranh và đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh đến các chương trình đào tạo phi công, song nhờ phát triển thêm dịch vụ đào tạo khác và tiết kiệm tối đa chi phí nên lợi nhuận trước thuế đạt 7,8 tỷ đồng, ROE đạt 10,2%.</p>
13		AITS	 52,73%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. AITS hiện nay đóng vai trò quan trọng trong dây chuyền vận tải hàng không của Vietnam Airlines thông qua việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông trọng yếu như: Hệ thống CLS; HT ứng dụng Mobile Operations giai đoạn 2020-2022; Hệ thống hạ tầng CNTT giai đoạn 01... Năm 2020, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 8,583 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 11,4%.</p>
14		ALSIMEXCO	 51,00%	<p>Hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ thuộc ngành Hàng không, trong đó nổi bật nhất với lĩnh vực cung ứng và xuất nhập khẩu lao động. Bên cạnh việc cung ứng tiếp viên, chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực cho Vietnam Airlines, Công ty còn cung cấp và quản lý gần 500 lao động làm việc cho 40 Văn phòng đại diện hàng không nước ngoài và 400 tiếp viên bay cho các Hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam. Với chất lượng dịch vụ không ngừng được nâng cao, công ty ngày càng có uy tín đối với các Hãng hàng không quốc tế, một số lao động được các Hãng hàng không bổ nhiệm vào các vị trí cao. Năm 2020, ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, hoạt động SXKD của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 3,7 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 30%.</p>
15		SABRE VIỆT NAM	 51,69%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực thiết lập thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống phân phối toàn cầu Sabre (GDS), Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Dịch vụ trả lời điện thoại; Dịch vụ đại lý bán vé máy bay. Từ năm 2017, Sabre Việt Nam đã triển khai Dịch vụ chăm sóc khách hàng phục vụ Vietnam Airlines và năm 2020 bắt đầu mở rộng thêm dịch vụ chăm sóc khách hàng bên ngoài khác. Kết quả năm 2020, do hoạt động cung cấp dịch vụ GDS bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh nên lợi nhuận trước thuế của công ty chỉ đạt 5,118 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 76%.</p>

Công ty liên kết

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		VALC	 32,48%	Hoạt động trong lĩnh vực mua, bán, thuê và cho thuê lại máy bay. VALC được thành lập với mục tiêu là mua máy bay để cho các hãng hàng không thuê hoạt động, khai thác, qua đó góp phần phát triển ngành hàng không Việt Nam, tăng số lượng máy bay do Việt Nam sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường cung cấp máy bay quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy sự hội nhập của ngành hàng không Việt Nam với thế giới. Năm 2020, VALC đã có nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng thuê tàu gặp khó khăn do dịch bệnh, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 14,7 triệu USD, tỷ suất ROE đạt 8%.
2		Cambodia Angkor Air (K6)	 49,00%	Là Hãng hàng không quốc gia của Campuchia do Vietnam Airlines tham gia góp vốn. Năm 2020, cũng như các hãng hàng không trong khu vực và thế giới, dịch bệnh bùng phát đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động SXKD của K6. Để giảm thiểu thiệt hại và duy trì hoạt động của công ty trong giai đoạn khủng hoảng, K6 đã thực hiện các giải pháp tái cơ cấu, giảm quy mô hoạt động, chỉ duy trì khai thác một số đường bay chính với tần suất tối thiểu, tập trung mọi cơ hội để tăng cường khai thác chuyến bay thuê chuyến, chuyến bay chờ hàng để tăng doanh thu, đồng thời triết để cắt giảm chi phí nhằm cải thiện kết quả SXKD. Bên cạnh đó, để cải thiện kết quả kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của VNA Group, K6 tiếp tục đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Vietnam Airlines về đội bay, mạng bay, kỹ thuật, thương mại... và nỗ lực làm việc với các cơ quan quản lý của Chính phủ Campuchia để nhận được hỗ trợ về các chính sách thuế... Mặc dù đã tìm nhiều giải pháp để cải thiện kết quả kinh doanh song do cạnh tranh gay gắt và bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh nên kết quả năm 2020 K6 lỗ 12,86 triệu USD.
3		MASCO	 36,11%	MASCO là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không sớm nhất và lâu nhất tại các sân bay khu vực miền Trung, bao gồm cung ứng suất ăn, vận dụng và dụng cụ trên máy bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, đào tạo nghề... Năm 2020, hoạt động SXKD của MASCO bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh COVID-19. Công ty đã có các giải pháp tích cực để tiết giảm chi phí, tăng doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh phi hàng không, giảm thiểu thiệt hại và duy trì hoạt động. Tuy nhiên, do bị ảnh hưởng nặng nề nên kết quả kinh doanh năm 2020 MASCO lỗ 11,1 tỷ đồng.
4		AIRIMEX	 41,31%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không. Trong năm 2020, Airimex đã được cơ quan Hải quan nâng hạng doanh nghiệp (từ hạng 4 lên hạng 3) khi xếp hạng mức độ rủi ro đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Theo Báo cáo tài chính năm 2020, do gặp khó khăn về thị trường và các khách hàng đều bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên tổng doanh thu của Airimex bị sụt giảm chỉ đạt 181,2 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 1,9 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 5,3%.
5		APLACO	 30,41%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp nhựa. Aplaco là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành công nghiệp nhựa Việt Nam, có đầy đủ thiết bị và công nghệ hiện đại, sản xuất các loại sản phẩm hàng hoá có yêu cầu chất lượng cao, tiện dụng với kiểu dáng, màu sắc đa dạng, phong phú bao gồm: sản phẩm phục vụ các hãng hàng không, các sản phẩm nhựa bao bì đóng gói... đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài (đặc biệt là thị trường châu Âu, châu Úc và Mỹ). Hiện Tổng công ty chưa có thông tin về kết quả SXKD năm 2020 của Aplaco.

Danh mục đầu tư khác

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		SPT	 0,36%	Là công ty cổ phần trong đó Vietnam Airlines sở hữu 0,36% vốn điều lệ (tương đương 4,3 tỷ đồng), ngành nghề kinh doanh chính của SPT là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Hiện Tổng công ty chưa có thông tin về kết quả SXKD năm 2020 của công ty.

Tình hình tăng/ giảm vốn đầu tư của Vietnam Airlines tại các công ty con, công ty liên kết

Năm 2020, Vietnam Airlines được nhận 214.200 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng, tương đương 2.142 triệu đồng) của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không do công ty phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn phần.



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

CHỈ TIÊU (CÔNG TY MẸ)	ĐƠN VỊ TÍNH	2019	2020	2020/2019
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	Tỷ đồng	68.989	58.571	-15,1%
DOANH THU THUẦN	Tỷ đồng	72.117	30.468	-57,8%
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Tỷ đồng	2.119	-9.596	-552,8%
LỢI NHUẬN KHÁC	Tỷ đồng	780	852	9,2%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	2.899	-8.743	-401,6%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tỷ đồng	2.418	-8.755	-462,0%
TỶ LỆ LỢI NHUẬN TRẢ CỔ TỨC (*)	%	10%	-	-
THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP	Tỷ đồng	126	16	-87,4%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,48	0,15	-69,2%
» Hệ số thanh toán nhanh <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,48	0,14	-70,6%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	73,0%	84,4%	15,5%
» Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	35,9%	45,3%	26,2%
» Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	37,1%	39,0%	5,2%
» Hệ số Nợ (không bao gồm thu bán)/Vốn chủ sở hữu bình quân	Lần	2,23	5,07	127,1%
» Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		2,71	5,39	99,1%
» Hệ số Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	Lần	27,0%	15,6%	-42,0%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	139,0	110,4	-20,6%
» Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,05	0,52	-50,2%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,35%	-28,73%	-956,84%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	13,12%	-63,07%	-580,72%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,39%	-13,73%	-504,48%
» Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,94%	-31,49%	-1171,84%
» Hệ số EBITDAR	Tỷ đồng	19.501	8.416	-56,9%
» Hệ số EPS	Đồng	1.705	-6.173	-462,0%
» Hệ số P/E	Lần	19,79	-4,58	-123,2%

Ghi chú: (*) Tỷ lệ chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm liền trước của năm báo cáo và thực hiện chi trả trong năm báo cáo.

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

CHỈ TIÊU (HỢP NHẤT)	ĐƠN VỊ TÍNH	2019	2020	2020/2019
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	Tỷ đồng	76.455	62.562	-18,2%
DOANH THU THUẦN	Tỷ đồng	98.228	40.538	-58,7%
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Tỷ đồng	2.450	-11.898	-585,6%
LỢI NHUẬN KHÁC	Tỷ đồng	939	938	-0,1%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	3.389	-10.960	-423,4%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tỷ đồng	2.537	-11.178	-540,5%
TỶ LỆ LỢI NHUẬN TRẢ CỔ TỨC	%	10%	-	-100,0%
THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP	Tỷ đồng	566	268	-52,7%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,61	0,25	-58,9%
» Hệ số thanh toán nhanh <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,50	0,20	-60,9%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	75,7%	90,3%	19,3%
» Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	41,1%	52,3%	27,2%
» Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	34,6%	38,0%	10,0%
» Hệ số Nợ (không bao gồm thu bán)/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,6	8,8	237,1%
» Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,1	9,3	199,2%
» Hệ số Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	24,3%	9,7%	-60,1%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	24,1	17,7	-26,4%
» Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,3	0,6	-49,6%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	2,6%	-27,0%	-1143,5%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	13,6%	-90,6%	-765,4%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,2%	-16,1%	-603,4%
» Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,5%	-29,3%	-1276,6%
» Hệ số EBITDAR	Tỷ đồng	22.035	8.232	-62,6%
» Hệ số EPS	Đồng	1.654	-7.704	-565,8%
» Hệ số P/E	Lần	20,41	-3,67	-118,0%

Đánh giá tổng quát

Dịch COVID-19 bùng phát từ tháng 3/2020 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của Tổng công ty Hàng không. Trước các ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh COVID-19, Tổng công ty Hàng không đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để ứng phó, điều hành hoạt động SXKD linh hoạt sát diễn biến bệnh dịch và tình hình thị trường, tích cực thực hiện các giải pháp bổ sung nguồn thu, cắt giảm, tiết kiệm triệt để chi phí, chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của Nhà nước và các đối tác, nỗ lực tối đa để cải thiện kết quả SXKD, đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục.

Với các nỗ lực tự thân, các chính sách hỗ trợ, giảm thuế, phí của Nhà nước cùng một số yếu tố vĩ mô thuận lợi, ổn định, kết quả SXKD năm 2020 của Vietnam Airlines đã giảm lỗ đáng kể so với kế hoạch do ĐHCĐ phê duyệt. Mặc dù vậy, kết quả SXKD và các cân đối tài chính bị sụt giảm nghiêm trọng trước

các ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh. Kết quả lỗ lớn đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình tài chính của Vietnam Airlines, làm thay đổi các chỉ tiêu tài chính theo chiều hướng tiêu cực. Khả năng thanh toán ngắn hạn giảm mạnh và ở ngưỡng rủi ro cao, nợ quá hạn lớn. Trên cơ sở đề xuất hỗ trợ của Tổng công ty Hàng không để khắc phục các khó khăn do dịch bệnh COVID-19, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định thông qua gói hỗ trợ tài chính của cổ đông Nhà nước với Vietnam Airlines dưới hình thức cho vay tái cấp vốn (4.000 tỷ đồng) và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu (8.000 tỷ đồng). Dự kiến sau khi hoàn thành thủ tục vay và phát hành cổ phiếu tăng vốn, Vietnam Airlines sẽ được bổ sung dòng tiền khoảng 12.000 tỷ đồng giúp Tổng công ty Hàng không khắc phục khó khăn về thanh khoản và mất cân đối nguồn vốn, tạo điều kiện cho Vietnam Airlines từng bước vượt qua khó khăn và khôi phục sau khủng hoảng.

4.2 PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.2.1 Ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và các giải pháp ứng phó của Vietnam Airlines

Dịch COVID-19 bùng phát khiến hoạt động vận tải hành khách quốc tế thường lệ đi/đến Việt Nam bị đóng băng từ cuối tháng 3/2020, hoạt động vận tải nội địa cũng bị tác động tiêu cực và phục hồi không ổn định do các đợt bùng phát dịch đồng thời thị trường nội địa trong tình trạng thừa tải và giá vé thấp, do đó tình hình SXKD năm 2020 của Tổng công ty đã bị khủng hoảng nghiêm trọng. Ngay sau khi dịch bùng phát, Vietnam Airlines đã nhanh chóng thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để ứng phó, giảm nhẹ thiệt hại, nỗ lực cải thiện kết quả SXKD, đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục, bao gồm:

- Chủ động tổ chức lại sản xuất, điều hành hoạt động SXKD phù hợp với diễn biến của thị trường, biến biến dịch bệnh; tích cực tham gia chương trình vận chuyển đồng bào hồi hương, vận chuyển chuyên gia; tăng cường các hoạt động vận chuyển hàng hóa, thiết bị, vật tư y tế; tận dụng mọi cơ hội để tăng nguồn thu và dòng tiền cho doanh nghiệp. Do hoạt động vận tải hành khách quốc tế thường lệ hoàn toàn đình trệ, Tổng công ty tập trung tăng cường khai thác thị trường nội địa để sử dụng được tối đa năng lực khai thác, tạo công ăn việc làm cho người lao động, bổ sung nguồn thu và dòng tiền duy trì hoạt động SXKD.
- Về chính sách lao động, tiền lương: Thu hẹp tối đa quy mô sản xuất, tổ chức lại sản xuất, tinh giản biên chế, tái cơ cấu lực lượng lao động. Năm 2020, Tổng công ty sử dụng 66% - 68% nguồn lực so với trước khi xảy ra dịch COVID-19; quỹ tiền lương thực hiện bằng 45% năm 2019.
- Thực hiện triệt để việc cắt giảm, tiết kiệm các khoản chi, đàm phán giảm giá với các đối tác để giảm chi phí tối đa.
- Đàm phán giãn hoãn thanh toán với các nhà cung cấp, tái cơ cấu các khoản nợ vay trong và ngoài nước để giảm áp lực dòng tiền và duy trì thanh khoản. Tăng cường sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn để bù đắp thiếu hụt dòng tiền.

Trước diễn biến phức tạp và mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch, Vietnam Airlines đã chủ động, thường xuyên báo cáo Chính phủ, Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước (Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp), Bộ Tài chính và các Cơ quan Nhà nước khác đề xuất các giải pháp hỗ trợ chung của Chính phủ với ngành hàng không và các hỗ trợ của cổ đông Nhà nước với Vietnam Airlines. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã giúp Vietnam Airlines giảm bớt gánh nặng cho hoạt động SXKD và áp lực dòng tiền trong năm 2020.

Ngoài việc báo cáo các cơ quan Nhà nước đề xuất các giải pháp hỗ trợ chung với ngành hàng không, Vietnam Airlines cũng đã tích cực báo cáo cổ đông (trong đó cổ đông Nhà nước là cổ đông lớn nắm giữ 86,19% vốn điều lệ) đề xuất các giải pháp hỗ trợ Tổng công ty dưới các hình thức cho vay hoặc phát hành tăng vốn cổ phần. Hiện nay, Quốc hội và Chính phủ đã thông qua gói hỗ trợ tài chính của cổ đông Nhà nước cho Tổng công ty với quy mô 12.000 tỷ đồng.



4.2.2 Công ty mẹ

Doanh thu – Lợi nhuận công ty mẹ

CHỈ TIÊU	2019	2020	SO SÁNH VỚI 2019	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tổng doanh thu	74.694	33.266	-41.427	-55,5%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.117	30.468	-41.649	-57,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.794	1.938	144	8,0%
Thu nhập khác	783	861	78	9,9%
2. Tổng chi phí	71.795	42.010	-29.785	-41,5%
3. Lợi nhuận trước thuế	2.899	-8.743	-11.642	-401,6%
4. Lợi nhuận sau thuế	2.418	-8.755	-11.173	-462,0%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Do các tác động nặng nề của dịch COVID-19, kết quả SXKD năm 2020 tuy đạt được chỉ tiêu do ĐHCĐ đề ra nhưng không tránh khỏi sụt giảm nặng so với năm 2019. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2020 của công ty mẹ đạt 33.266,5 tỷ đồng, giảm 55,5% so với năm 2019 (bằng 102,2% kế hoạch cả năm do ĐHCĐ phê duyệt). Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 57,8% so với năm 2019 và chiếm 99,3% tổng doanh thu. Doanh thu vận tải hành khách năm 2020 giảm 37.717 tỷ đồng (63,8%) so với năm 2019 trong đó Nội địa giảm 35,5%, Quốc tế giảm 79,0%. Doanh thu vận tải hàng hóa năm 2020 giảm 1.494 tỷ đồng (22,8%) so với năm 2019, trong đó Nội địa giảm 34,3%, Quốc tế giảm 17,8%.

Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tăng khoảng 8,6% so với năm 2019 chủ yếu phát sinh từ nguồn thu cổ tức, lợi nhuận từ các công ty thành viên và thu nhập từ hoạt động bán 03 máy bay A321CEO. Sau khi Tổng công ty hoàn tất các thủ tục điều chỉnh khấu hao, phân bổ chi phí sửa chữa, bảo dưỡng theo chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn của Chính phủ, mức lỗ trước thuế năm 2020 của công ty mẹ là -8.743 tỷ đồng (thấp hơn 5.744 tỷ đồng so với kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt). Trong đó, lỗ từ hoạt động kinh doanh là -9.596 tỷ đồng.

Nguồn vốn - Tài sản công ty mẹ

CHỈ TIÊU TÀI SẢN – NGUỒN VỐN CÔNG TY MẸ	2019	2020	SO SÁNH VỚI 2019	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tài sản ngắn hạn	11.853	3.907	-7.946	-67,04%
2. Tài sản dài hạn	57.136	54.664	-2.472	-4,33%
TỔNG TÀI SẢN	68.989	58.571	-10.418	-15,10%
1. Nợ phải trả	50.387	49.410	-978	-1,94%
Nợ ngắn hạn	24.790	26.552	1.762	7,11%
Nợ dài hạn	25.597	22.857	-2.740	-10,70%
2. Vốn chủ sở hữu	18.602	9.161	-9.441	-50,75%
TỔNG NGUỒN VỐN	68.989	58.571	-10.418	-15,10%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2020 khoảng 58.571 tỷ đồng, giảm 10.418 tỷ đồng so với năm 2019 (15,1%). Tài sản ngắn hạn cuối năm là 3.907 tỷ đồng, giảm mạnh 7.946 tỷ đồng so với năm 2019 trước các ảnh hưởng của dịch COVID-19. Trong đó dự trữ tiền và tiền gửi giảm 3.317 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 4.131 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn khác giảm 411 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn cuối năm là 54.664 tỷ đồng, giảm 2.472 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó khoản mục tài sản cố định giảm 2.411 tỷ đồng chủ yếu do hoạt động khấu hao tài sản cố định và bán 3 máy bay A321CEO trong năm 2020. Khoản mục phải thu dài hạn giảm 699 tỷ đồng chủ yếu do việc chuyển đổi các khoản tiền đặt cọc thuê máy bay dài hạn sang hình thức LC để bù trừ thanh toán với các bên cho thuê. Khoản mục chi phí trả trước dài hạn tăng 635 tỷ đồng do số phân bổ năm 2020 giảm theo chính sách áp dụng trong giai đoạn COVID-19. Việc áp dụng chính sách khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng riêng trong giai đoạn COVID-19 giúp giảm chi phí khấu hao và phân bổ 3.145 tỷ đồng và tác động tương ứng đến các khoản mục tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn.

Do sụt giảm mạnh các khoản mục tài sản ngắn hạn, cơ cấu tài sản biến động theo hướng giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn (giảm từ 17,2% xuống 6,7%), tăng tỷ trọng tài sản dài hạn (tăng từ 82,8% lên 93,3%). Khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán bằng tiền giảm xuống mức rất thấp, Vietnam Airlines đã phải giãn hoãn nhiều khoản thanh toán với các nhà cung cấp.

Quy mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại 31/12/2020 là 9.161 tỷ đồng, giảm 50,8% so với năm 2019. Nợ

phải trả của Tổng công ty tại 31/12/2020 là 49.410 tỷ đồng, giảm 978 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó nợ phải trả dài hạn chiếm 46,3%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 53,7%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2020 là 26.522 tỷ đồng, tăng 1.762 tỷ đồng so với năm 2019. Các khoản mục tăng chủ yếu do tăng mạnh vay ngắn hạn (5.120 tỷ đồng) và các khoản phải trả nhà cung cấp quá hạn (4.802 tỷ đồng). Khoản mục nợ phải trả ngắn hạn giảm lớn nhất trong năm 2020 là nợ phải trả liên quan đến thu bán chứng từ vận tải (khách đã mua và chưa sử dụng dịch vụ) giảm mạnh khoảng 6.792 tỷ đồng do tác động của dịch COVID-19 khiến qui mô SXKD thu hẹp, khách tăng hoàn vé và giảm mua trước. Ngoài ra, các khoản mục nợ phải trả khác cũng giảm theo qui mô SXKD. Nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2020 là 22.857 tỷ đồng, giảm 2.740 tỷ đồng so với năm 2019 chủ yếu do giảm nợ vay và thuê tài chính dài hạn.

Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của công ty mẹ tại 31/12/2020 là 26.361 tỷ đồng, giảm 3.539 tỷ đồng so với năm 2019 chủ yếu do hoạt động trả nợ vay.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2020 bị ảnh hưởng mạnh theo hướng tiêu cực: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng nhanh lên 5,4 lần, hệ số nợ (không bao gồm thu bán)/vốn chủ sở hữu tăng lên 5,1 lần. Cơ cấu nguồn vốn của Vietnam Airlines biến động theo hướng giảm tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu (từ 27,0% xuống 15,6%) và tăng tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả tăng từ 73,0% lên 84,4%). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 49,2% lên 53,7%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 50,8% xuống 46,3%).



4.2.3 Hợp nhất

Doanh thu – Lợi nhuận hợp nhất

CHỈ TIÊU	2019	2020	SO SÁNH VỚI 2019	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	100.350	42.433	-57.917	42,3%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	98.228	40.538	-57.690	41,3%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.140	882	-257	77,4%
Thu nhập khác	983	1.013	30	103,1%
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-34	-157	-123	458,9%
2. Lợi nhuận trước thuế	3.389	-10.960	-14.349	-323,4%
3. Lợi nhuận sau thuế	2.537	-11.178	-13.716	-440,5%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Hoạt động SXKD của các công ty thành viên trong toàn Tổng công ty Hàng không đều bị ảnh hưởng chung do tác động nặng nề của đại dịch COVID-19, đặc biệt là các hãng hàng không và các công ty cung ứng nằm trong dây chuyền vận tải hàng không. Do đó kết quả SXKD hợp nhất năm 2020 cũng suy giảm mạnh. Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty trong năm 2020 ở mức 42.433 tỷ đồng, bằng 42,3% so với năm 2019 và bằng 104,6% kế hoạch năm do ĐHĐCĐ phê duyệt. Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 chỉ đạt 41,3% năm 2019 và chiếm khoảng 95,5% tổng doanh thu. Các nội dung doanh thu khác chiếm 4,5% tổng doanh thu và cũng

giảm so với năm 2019, chủ yếu do giảm doanh thu hoạt động tài chính và tăng lỗ của các công ty liên doanh, liên kết do ảnh hưởng của dịch COVID.

Lỗ hợp nhất trước thuế là -10.960 tỷ đồng, thấp hơn 4.217 tỷ đồng so với số lỗ kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt. Số lỗ hợp nhất năm 2020 đến từ kết quả lỗ của công ty mẹ, ngoài ra do kết quả SXKD của các công ty thành viên đều bị ảnh hưởng lớn, đặc biệt là các công ty hàng không và công ty con trong dây chuyền vận tải hàng không (cung ứng xăng dầu, dịch vụ mặt đất, cung ứng suất ăn...).

Tài sản – Nguồn vốn hợp nhất

CHỈ TIÊU TÀI SẢN – NGUỒN VỐN HỢP NHẤT	2019	2020	CHÊNH LỆCH 2020/2019	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tài sản ngắn hạn	19.288	8.249	-11.039	-57,23%
2. Tài sản dài hạn	57.167	54.313	-2.854	-4,99%
TỔNG TÀI SẢN	76.455	62.562	-13.893	-18,17%
1. Nợ phải trả	57.847	56.490	-1.358	-2,3%
Nợ ngắn hạn	31.421	32.705	1.285	4,1%
Nợ dài hạn	26.427	23.784	-2.642	-10,0%
2. Vốn chủ sở hữu	18.608	6.072	-12.535	-67,4%
TỔNG NGUỒN VỐN	76.455	62.562	-13.893	-18,2%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2020 là 62.562 tỷ đồng, giảm 13.893 tỷ đồng so với năm 2019 (18,17%). Tài sản ngắn hạn cuối năm là 8.249 tỷ đồng, giảm mạnh khoảng 11.039 tỷ đồng (57,2%) do các ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với qui mô SXKD và các khoản thu của cả công ty mẹ và các công ty con. Tất cả các khoản mục tài sản ngắn hạn đều giảm, trong đó dự trữ tiền và tiền gửi giảm khoảng 4.340 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn giảm khoảng 4.473 tỷ đồng, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác cũng giảm lần lượt 1.720 tỷ đồng và 449 tỷ đồng do qui mô hoạt động bị thu hẹp.

Tài sản dài hạn cuối năm là 54.313 tỷ đồng, giảm khoảng 2.853 tỷ đồng so với năm 2019, chủ yếu theo diễn biến tài sản dài hạn của công ty mẹ. Trong đó, khoản mục tài sản cố định giảm 2.422 tỷ đồng do khấu hao, khoản mục phải thu dài hạn giảm 816 tỷ đồng, khoản mục chi phí trả trước dài hạn tăng 609 tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản biến động theo hướng giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn (giảm từ 25,2% xuống 17,2%), tăng tỷ trọng tài sản dài hạn (tăng từ 74,8% lên 86,8%). Khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán bằng tiền giảm mạnh so với năm 2019. Vietnam Airlines đã phải giãn hoãn nhiều khoản thanh toán với các nhà cung cấp.

Qui mô vốn chủ sở hữu hợp nhất tại 31/12/2020 là 6.072 tỷ đồng, giảm 67,4% so với năm 2019. Nợ phải trả hợp nhất tại 31/12/2020 ước tính khoảng 56.490 tỷ đồng, giảm 1.358 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó nợ phải trả dài hạn chiếm khoảng 42,1%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm khoảng 57,9%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2020 là 32.705 tỷ đồng, tăng 1.285 tỷ đồng so với năm 2019. Các khoản mục tăng chủ yếu do tăng mạnh vay ngắn hạn (5.520 tỷ đồng) và các khoản phải trả nhà cung cấp quá hạn chưa thanh toán (6.640 tỷ đồng). Khoản mục nợ phải trả ngắn hạn giảm lớn nhất trong năm 2020 là nợ phải trả liên quan đến thu bán chứng từ vận tải (khách đã mua và chưa sử dụng dịch vụ) giảm mạnh khoảng 7.090 tỷ đồng do ảnh hưởng của dịch COVID-19 với hoạt động vận tải hàng không. Ngoài ra, các khoản mục nợ phải trả khác cũng giảm theo qui mô SXKD. Nợ dài hạn hợp nhất tại 31/12/2020 là 23.784 tỷ đồng, giảm 2.642 tỷ đồng chủ yếu do giảm dự nợ vay và thuê tài chính dài hạn.

Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của toàn Tổng công ty Hàng không tại 31/12/2020 là 27.257 tỷ đồng, giảm 3.403 tỷ đồng so với năm 2019 chủ yếu do hoạt động trả nợ vay trong năm.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn hợp nhất trong năm 2020 bị ảnh hưởng mạnh theo hướng tiêu cực: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng nhanh lên 9,3 lần, hệ số nợ (không bao gồm thu bán)/vốn chủ sở hữu tăng lên 8,8 lần. Cơ cấu nguồn vốn của Tổng công ty Hàng không biến động theo hướng giảm tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu (từ 24,3% xuống 9,7%) và tăng tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả tăng từ 75,7% lên 90,3%). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 54,3% lên 57,9%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 45,7% xuống 42,1%).

5. NHỮNG CẢI TIẾN MỚI VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Đảm bảo hoạt động an toàn cho hơn 1.000 cán bộ, người lao động làm việc từ xa trong các đợt cách ly xã hội của dịch bệnh COVID-19 thông qua hệ thống VPN của Vietnam Airlines.

VII. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Khối lượng tiêu thụ năng lượng (nhiên liệu bay Jet A1, xăng A92, điện, dầu...)** và lượng nước sử dụng: Trong năm, năng lượng tiêu thụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất, vận tải của Vietnam Airlines là nhiên liệu bay Jet A1 chiếm 99,06%, khoảng 603 nghìn tấn nhiên liệu Jet A1 tương đương với 633.15 nghìn TOE. Nguồn năng lượng tiêu thụ gián tiếp phục vụ cho các cơ quan tham mưu, điều hành hoạt động SXKD bao gồm điện, xăng A92, dầu do sử dụng chiếu sáng, trang thiết bị văn phòng, ô tô, máy phát điện... chiếm một lượng nhỏ trong tổng số nhiên liệu tiêu thụ quy đổi. Nước cấp lên máy bay, lau rửa, vệ sinh máy bay do đối tác cung cấp dịch vụ thực hiện.



- Tình hình thực hiện và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường:** Vietnam Airlines luôn đặt tiêu chí tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường lên hàng đầu thông qua việc hình thành tổ chức bộ máy, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định cũng như việc triển khai thực hiện và kiểm soát, đánh giá hoạt động toàn bộ hệ thống. Đã phân công 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách và tổ chức bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường chịu trách nhiệm quản lý chung về lĩnh vực bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đã ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Các hoạt động khác như lập báo cáo đánh giá tác động, quan trắc, quản lý chất thải được thực hiện đầy đủ. Năm 2020, đã được Bộ Tài nguyên Môi trường thẩm định đề án Đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuê mua 50 máy bay thân hẹp giai đoạn 2021 - 2025 và thực hiện đầy đủ Chương trình đền bù các bon của ICAO (CORSIA) theo lộ trình của ICAO.

- Các hoạt động, chương trình bảo vệ môi trường trong năm do Vietnam Airlines thực hiện hoặc tham gia thực hiện:**

Vietnam Airlines luôn cam kết thực hiện trách nhiệm của mình đối với các hoạt động xã hội nói chung trong đó có hoạt động bảo vệ môi trường. Vietnam Airlines đã triển khai công tác truyền thông, đào tạo cho các cán bộ, nhân viên trong Vietnam Airlines như Chương trình “Zero Waste Vietnam Airlines”; rà soát loại bỏ, hạn chế tối đa việc sử dụng túi nilon, thay thế bằng các chất liệu thân thiện với môi trường hơn; tổ chức lớp phổ biến pháp luật về môi trường nhằm hỗ trợ các cơ quan, đơn vị nắm bắt, cập nhật và tuân thủ đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại NBA; đưa tin về các hoạt động và đăng các bài viết truyền thông trên website nội bộ của Vietnam Airlines.

- Đánh giá việc kiểm soát khí thải (CO2 Emission), lượng nhiên liệu tiêu thụ, các sáng kiến/cải tiến để tiết kiệm nhiên liệu bay (Fuel Efficient), giảm tiếng ồn:**

Vietnam Airlines đã không ngừng đầu tư, đổi mới phương tiện, trang thiết bị, công nghệ, đồng thời nghiên cứu, cải tiến áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật cũng như điều hành, khai thác nhằm giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ, giảm lượng khí phát thải CO2 tác động xấu tới môi trường. Các nhóm giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm về đầu tư, đổi mới phương tiện trang thiết bị, công nghệ và nhóm giải pháp về quản lý, điều hành, khai thác phương tiện, trang thiết bị.

- Cải thiện môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp:**

Thực hiện cải trang, vệ sinh khu vực làm việc, trồng cây xanh và chuyển dần sang sử dụng tài liệu điện tử.



CÁC NHÓM GIẢI PHÁP SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

- **Nhóm giải pháp về đầu tư, đổi mới phương tiện, trang thiết bị, công nghệ:**

- » Thực hiện rửa động cơ giúp động cơ hoạt động mát hơn, giảm tiêu hao nhiên liệu dẫn đến giảm lượng khí thải; thực hiện tháo gửi động cơ đi đại tu phục hồi tính năng dựa trên kết quả theo dõi trạng thái động cơ, đảm bảo các động cơ hoạt động kém sẽ được gửi đi sửa chữa.
- » Lựa chọn máy bay thế hệ mới tiết kiệm nhiên liệu hơn thay thế máy bay thế hệ cũ: Năm 2020, Vietnam Airlines không nhận thêm máy bay mới, nhưng các máy bay đã nhận từ 2019 về trước là các máy bay mới, hiện đại, động cơ được lựa chọn đều thỏa mãn tiêu chuẩn về khí thải CAEP 6, giảm 15-20% nhiên liệu tiêu thụ, hàng ngàn tấn khí thải và 40-60% tiếng ồn so với loại động cơ hiện tại; đối với động cơ máy bay A321CEO (MSN 613, 614, 615) đã lựa chọn cấu hình động cơ Select Two giảm 0,58% tiêu hao nhiên liệu so với Select One.
- » Năm 2020 đã hoàn thành dự án lắp đặt Sharklet cho 10 máy bay A321CEO sở hữu. Đây là giải pháp hữu hiệu mang lại các lợi

ích cho Vietnam Airlines gồm tiết kiệm nhiên liệu khoảng 2-4%, trung bình khoảng 2.390 tấn tương ứng 2 triệu USD/năm. Lượng CO2 giảm khoảng hơn 7.500 tấn; thực hiện lựa chọn đường bay tối ưu, tiết kiệm nhiên liệu, giảm khí thải, đặc biệt đối với các đường bay Charter, giải cứu hành khách trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19.

- **Nhóm giải pháp về quản lý điều hành khai thác phương tiện, sử dụng trang thiết bị:**

Vietnam Airlines tiếp tục triển khai các giải pháp về quản lý điều hành khai thác đội máy bay nhằm giảm lượng tiêu hao nhiên liệu và phát thải khí CO2. Cụ thể, các giải pháp được triển khai áp dụng mới, hoặc được cải tiến áp dụng trong năm 2020 như giảm nhiên liệu nạp thêm của Phi công; lăn bánh vào sân đỗ với một động cơ; giảm cánh tà khi hạ cánh; kiểm soát sai lệch trọng lượng không nhiên liệu; tankering- thực hiện nạp nhiên liệu hai chiều; trì hoãn thả càng khi hạ cánh; trì hoãn mở cánh tà khi tiếp cận; kỹ năng bay của Phi công (shortcut...); điều chỉnh đường bay linh hoạt đi/đến châu Âu; kiểm soát trọng tâm (CG); thay thế đèn đèn huỳnh quang bằng các đèn led tiết kiệm điện tại khu vực cơ quan.

2. CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP VÀ PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tuy chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, Tổng công ty cố gắng thực hiện đúng và đủ chế độ, chính sách đối với người lao động. Thu nhập của người lao động được điều chỉnh, cân đối phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn của Tổng công ty trong giai đoạn dịch bệnh. Với dự báo ảnh hưởng của dịch bệnh còn kéo dài, hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, buộc Tổng công ty phải tiếp tục tổ chức lại sản xuất, tinh gọn nguồn lực, kêu gọi sự đồng lòng chia sẻ của người lao động để vượt qua các khó khăn.

Chế độ bảo hiểm xã hội thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và Pháp luật. Các chế độ khác như bảo hiểm sức khỏe đối với người lao động và thân nhân, chế độ vé miễn giảm cước... tiếp tục được duy trì. Ngoài ra, Tổng công ty đã xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ đối với người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ không hưởng lương, nghỉ chờ hưu giai đoạn 2021 - 2023.

3. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI

Năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, tình hình SXKD vô cùng khó khăn; đoàn viên, người lao động phải tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương hoặc đi làm bán thời gian, đời sống người lao động khó khăn, ngay cả cán bộ công đoàn cũng tạm nghỉ việc, nhưng Vietnam Airlines nói chung và người lao động nói riêng vẫn thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể:

- Trợ cấp cho 235 người lao động, thân nhân người lao động mắc bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn với số tiền hơn 3 tỷ đồng; hỗ trợ 68 người lao động và 459 thân nhân người lao động tại 6 tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng lũ lụt với tổng số tiền 1,122 tỷ đồng; Hỗ trợ đồng bào tỉnh Thừa Thiên Huế bị ảnh hưởng bởi lũ lụt 1.000 gói quà trị giá hơn 206 triệu đồng; Thăm, tặng quà ủng hộ cho đồng bào nghèo các tỉnh Điện Biên, Cao Bằng, Lào Cai và Đắk Lắk với tổng số tiền 700 triệu đồng và 12 tấn quần áo do người lao động quyên góp ủng hộ nhân dịp Tết Canh Tý năm 2020; Thăm và tặng quà 25 Bà Mẹ Việt Nam anh hùng do Tổng công ty, đơn vị phụng dưỡng với số tiền 125 triệu đồng và tặng quà thương binh, thân nhân gia đình liệt sỹ của Tổng công ty số tiền 374 triệu đồng nhân dịp Tết Canh Tý, ngày Thương binh Liệt sỹ; Hỗ trợ tu sửa nhà cho Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Quảng Nam số tiền 80 triệu đồng; Ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" của Trung Ương số tiền 100 triệu đồng và nhiều hoạt động khác.
- Ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng bởi lũ lụt. Tính đến 03/12/2020, tổng số tiền thu được là hơn 2,5 tỷ đồng. Trong đó, gửi về tài khoản Công đoàn Tổng công ty hơn 1,2 tỷ đồng, tiêu biểu là các đơn vị Công ty TCS, VAECO, NCTS, Đoàn bay 919. Cụm thi đua Khu vực Miền Nam, Chi nhánh Miền Bắc, SKYPEC đã quyên góp và tổ chức trao quà ủng hộ trực tiếp cho đồng bào miền Trung với tổng số tiền hơn 987 triệu đồng và rất nhiều hàng hóa thiết yếu. Một số công đoàn trên cơ sở, công đoàn cơ sở hỗ trợ cho người lao động bị ảnh hưởng bởi lũ lụt với tổng số tiền 292,5 triệu đồng.



- Người lao động Vietnam Airlines quyên góp hỗ trợ 01 tiếp viên bị tai nạn trên đường đi làm với số tiền 1,5 tỷ đồng và hỗ trợ, thăm hỏi gia đình thân nhân 01 người lao động thuộc Công ty VAECO bị sét đánh trong lúc đang làm nhiệm vụ với số tiền gần 1,4 tỷ đồng (tiêu biểu là Công đoàn VAECO, Đoàn bay 919, Đoàn Tiếp viên, Cơ quan Công đoàn Tổng công ty, PA, NCTS, SKYPEC, VIAGS, Trung tâm Khai thác Nội Bài (NOC), Chi nhánh Miền Nam, Ban Dịch vụ hành khách).

- Công đoàn phối hợp Đoàn Thanh niên TCT tuyên truyền đoàn viên, người lao động tích cực hưởng ứng hiến máu nhân đạo “Giọt hồng Vietnam Airlines lần thứ IV” với 1.300 đơn vị máu.
- Hưởng ứng chiến dịch “Green Planet” của Vietnam Airlines hướng tới xây dựng hình ảnh một hãng hàng không xanh, Đoàn thanh niên TCT đã chủ trì triển khai chiến dịch tuyên truyền chống rác thải nhựa, túi nilon trên các kênh phương tiện, bản tin nội bộ, pano, áp phích, mạng xã hội dịp Táo Quân từ ngày 13 – 17/01/2020. Trực tiếp ra quân tại các điểm nóng cầu Chương Dương, Cầu Long Biên, Hồ Tây, Hồ Gươm, chợ,... nơi tập trung hoạt động thả cá vào ngày 17/01 (tức ngày 23 tháng Chạp âm lịch). Chương trình với sự có mặt tham gia của 50 cán bộ, ĐVTN tại các địa điểm.
- Đoàn thanh niên TCT đã tổ chức một chuyến bay đặc biệt mang tên “Chuyến bay Thanh niên” đưa hơn 200 người dân Việt Nam tại Nhật Bản hồi hương. Các tập thể, cá nhân tham gia thực hiện chuyến bay đã vinh dự được Trung ương Đoàn, Đoàn Khối DNTW trao tặng bằng khen đột xuất vì có thành tích xuất sắc trong phòng chống dịch COVID-19.





BAY

HÀ NỘI → TP. HỒ CHÍ MINH

HOÀN TOÀN BẰNG

SIÊU MÁY BAY

AIRBUS A350 & BOEING 787

THÂN RỘNG HIỆN ĐẠI



TỪ 28.3.2021

Đặt vé ngay:
vietnamairlines.com

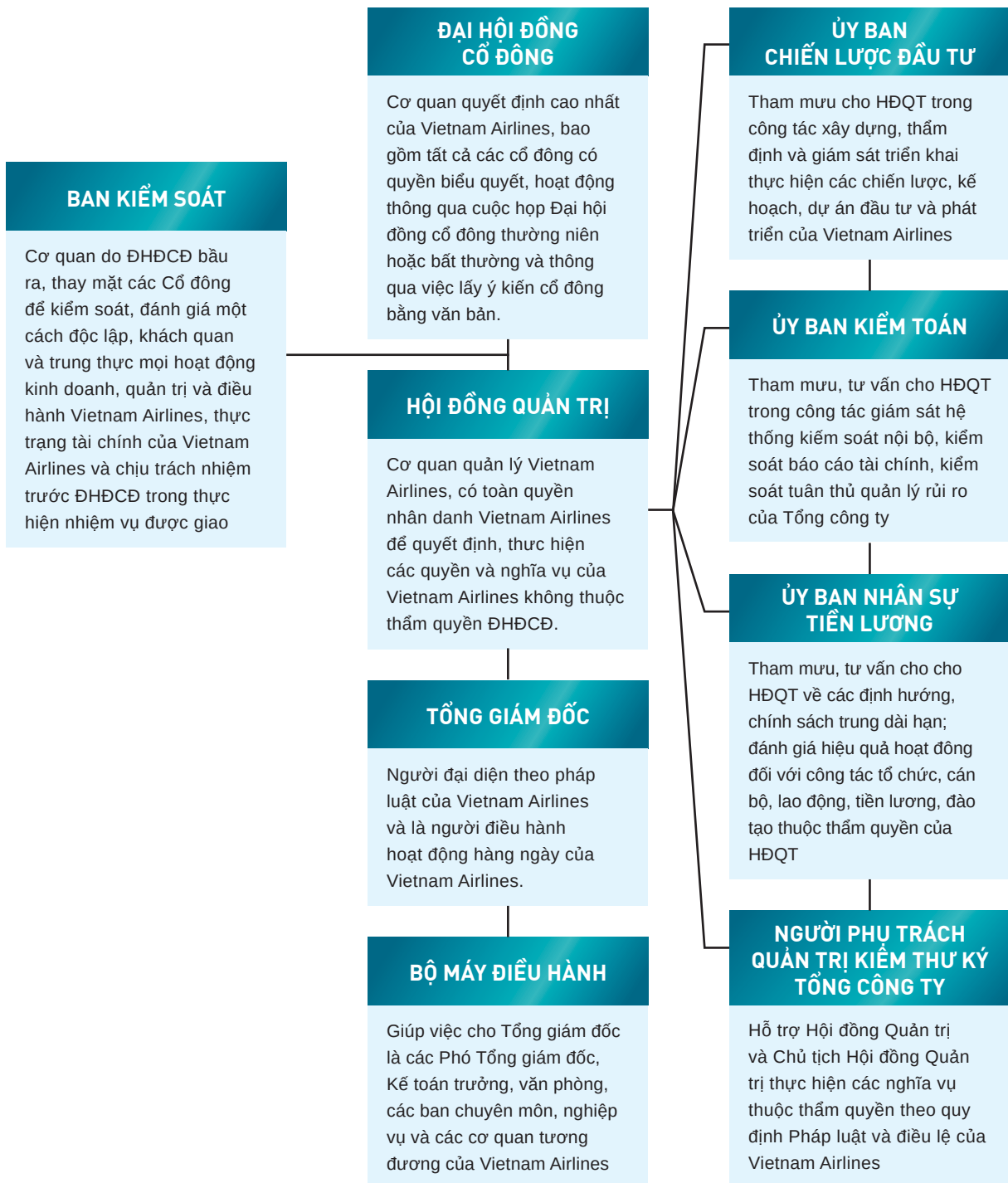
Gọi ngay:
1900 1100

Like ngay:
[fb/vietnamairlines](https://fb.com/vietnamairlines)

Đăng ký ngay:
Hội viên LOTUSMILES

VIII. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. CẤU TRÚC QUẢN TRỊ CÔNG TY



NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị công ty đối với Vietnam Airlines tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Vietnam Airlines và các quy định, quy chế nội bộ với nguyên tắc sau đây:



2. THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020.

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT
1	Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	10/08/2020
2	Dương Trí Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	12/03/2015
3	Lê Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	10/08/2020
4	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	01/10/2016
5	Tomoji Ishii	Thành viên HĐQT	10/08/2020

CÁC CUỘC HỌP HĐQT

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, HĐQT đã tổ chức họp 17 phiên để xem xét và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đối với các nội dung không cần thảo luận trực tiếp để thông qua Nghị quyết HĐQT, HĐQT tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản.

Các nội dung lớn HĐQT đã ban hành Nghị quyết: kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển của Vietnam Airlines và các doanh nghiệp góp vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, 6 tháng đầu năm của Vietnam Airlines; các nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường của Vietnam Airlines và các công ty con; điều hành hoạt

động SXKD của Vietnam Airlines trong giai đoạn xử lý khủng hoảng do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT quý và cả năm 2020; chính sách nhân lực, tiền lương ứng phó khủng hoảng do dịch COVID-19; công tác tái cơ cấu, nhân sự, kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Vietnam Airlines, các chủ trương lớn của Vietnam Airlines như triển khai Nghị quyết 24 của Chính phủ, tăng vốn điều lệ, vay tái cấp vốn...

Để đảm bảo hiệu quả việc xem xét và ban hành các Nghị quyết HĐQT, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT tổ chức thẩm định, soát xét các nội dung trình HĐQT.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	
2	Dương Trí Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	17/17	100%	
3	Lê Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	7/7	100%	
4	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	17/17	100%	
5	Tomoji Ishii	Thành viên HĐQT	5/7	71%	Bắt đầu là Thành viên HĐQT từ ngày 10/08/2020 Thành viên HĐQT vắng mặt do đi công tác

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

Trong năm 2020, các Ủy ban thuộc HĐQT đóng vai trò tích cực trong việc tham mưu, hỗ trợ hoạt động cho HĐQT trên các nội dung sau:

ỦY BAN NHÂN SỰ VÀ TIỀN LƯƠNG tham mưu cho HĐQT xây dựng các giải pháp về nhân lực và tiền lương chính sách đối với người lao động trong giai đoạn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 từ tháng 3 đến tháng 5/2020; Xem xét quả thực hiện chính sách nhân lực, tiền lương năm 2020 và thông qua các định hướng kế hoạch điều hành, sử dụng nhân lực, chế độ chính sách đối với người lao động tạm hoãn, nghỉ chờ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động năm 2021.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ tham mưu cho HĐQT các vấn đề lớn như: tình hình hoạt động năm 2019 và Kế hoạch 2020 của PA, K6; Báo cáo khẩn về ảnh hưởng của dịch cúm do virus Corona của K6; Báo cáo tình hình thị trường và ảnh hưởng của dịch cúm Vũ Hán của PA; Báo cáo về ảnh hưởng của dịch viêm đường hô hấp cấp do virus nCoV đến hoạt động của PA, K6; Kế hoạch khai thác đội máy bay của VNA Group (VNA, PA, VASCO) trong điều kiện có ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus Corona; Báo cáo cập nhật dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp.

ỦY BAN KIỂM TOÁN Trong năm 2020, Ủy ban Kiểm toán đã triển khai thực hiện theo chương trình hành động năm và nhiệm vụ phát sinh thực tế, bao gồm phối hợp xem xét, đánh giá kết quả kiểm toán BCTC năm 2019 của Vietnam Airlines (riêng lẻ và hợp nhất) và của các Công TNHH MTV do Vietnam Airlines sở hữu 100% vốn điều lệ (VAECO, SKYPEC, VIAGS và VACS); xem xét báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Hợp đồng kiểm toán năm 2019 và triển khai thực hiện năm 2020 với Công ty kiểm toán; đánh giá việc thực hiện các khuyến cáo theo kết luận của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán độc lập, Kiểm tra kiểm toán của một số chi nhánh Vietnam Airlines (kiểm tra, đánh giá qua báo cáo); kết quả soát xét kiểm toán BCTC Công ty mẹ và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020, các ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 đến hoạt động của Tổng công ty Hàng không.

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, HĐQT đã tổ chức 17 phiên họp và tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT để ban hành 171 Nghị quyết và 66 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.



4. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

4.1. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN BKS	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS	10/05/2019	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học HELP (Malaysia); Chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên (CPA Việt Nam); Chứng chỉ đào tạo kế toán quản trị và tài chính hàng không do IATA cấp năm 2002 tại Thụy Sĩ; Cử nhân Kinh tế Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội. Cử nhân Chính trị chuyên ngành Chính trị học phát triển
2	Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên BKS	10/08/2020	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
3	Ông Lại Hữu Phước	Thành viên BKS	10/08/2020	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

4.2. CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát tổ chức 6 cuộc họp nhằm thống nhất các nội dung chính sau:

- Triển khai nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát và các nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn;
- Kết quả thẩm định Báo cáo tình hình SXKD, BCTC năm 2019, 6 tháng đầu năm 2020; Kết quả soát xét Báo cáo giám sát tài chính của năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 của Vietnam Airlines;
- Tình hình dịch bệnh COVID-19 xảy ra ca nhiễm đầu tiên ở Việt Nam vào ngày 23/01/2020 diễn biến hết sức phức tạp theo chiều hướng xấu đi nhanh chóng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của Vietnam Airlines; BKS đã họp và thống nhất điều chỉnh kế hoạch hoạt động năm 2020 cho phù hợp với tình hình thực tế; tập trung:
 - » Giao các thành viên BKS tăng cường công tác giám sát ở các lĩnh vực đã được phân công; Phối hợp với Người đại diện trong việc đề xuất với Ủy ban Quản lý vốn trình các ban ngành, Chính phủ hỗ trợ khi cần thiết.
 - » Tập trung giám sát công tác quản trị nguồn nhân lực; quản trị về tài chính, đảm bảo dòng tiền và khả năng hoạt động liên tục của Vietnam Airlines.
 - » Tổ chức công tác giám sát trực tiếp hoạt động Pacific Airlines (Hãng hàng không bị ảnh hưởng nặng nề của COVID-19) 9 tháng đầu năm.
- Đánh giá tình hình hoạt động của BKS năm 2020 và xây dựng kế hoạch hành động năm 2021.
- Thống nhất giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

4.3. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- Trưởng Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của Tổng công ty để nắm bắt tình hình, đóng góp ý kiến và làm cơ sở cho việc giám sát thường xuyên hoạt động quản trị, điều hành của Tổng công ty.
- Các tài liệu, thông tin BKS yêu cầu đều được HĐQT, Ban giám đốc điều hành, các cơ quan đơn vị phối hợp giải trình, cung cấp đầy đủ, đúng thời gian quy định.

a. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

- BKS tham gia các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết của HĐQT cung cấp đầy đủ, kịp thời cho BKS. HĐQT đã chỉ đạo kịp thời và theo sát kế hoạch của Tổng công ty đề ra, công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh căn cứ theo quy định và tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty.
- Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ quy định theo Điều lệ Tổng công ty; Nghị quyết ĐHĐCĐ và thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT thông qua các chủ trương đều được nhất trí cao, tuân thủ theo đúng quy định.

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT CÓ ĐẠI DIỆN BKS THAM DỰ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS	15/17	Thành viên BKS vắng mặt do đi công tác. 17/17 phiên họp HĐQT, BKS có ít nhất 1 đại diện tham dự họp.
2	Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên BKS	15/17	
3	Ông Lại Hữu Phước	Thành viên BKS	10/17	

b. Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Giám đốc

Ban Giám đốc điều hành đã bám sát chủ trương, kế hoạch và Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Vietnam Airlines; Thực hiện rà soát, sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức phù hợp tình hình SXKD của Tổng công ty.

c. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

- Giám sát hoạt động SXKD; việc đối phó với tình hình dịch bệnh COVID-19 của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban Giám đốc điều hành thông qua việc ban hành, triển khai và thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về phòng chống dịch bệnh; việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ; Nghị quyết, quyết định của HĐQT; giám sát việc chỉ đạo điều hành, kế hoạch SXKD điều chỉnh trong thời kỳ khủng hoảng; việc xây dựng và thực thi các giải pháp để duy trì hoạt động SXKD; việc giám sát tài chính đặc biệt đối với PA, K6; Tái cơ cấu tại Tổng công ty, PA và thoái vốn tại K6; Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 và 5 năm 2021 - 2025.
- Giám sát công tác đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ nhân viên (đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ nhân viên tuyến đầu - Phi công, tiếp viên) và cộng đồng; giảm thiểu thiệt hại tới hoạt động SXKD.
- Hoàn thành việc thẩm định: Báo cáo tài chính (năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020), báo cáo tình hình SXKD năm 2019 của Tổng công ty (Công ty mẹ và hợp nhất); Báo cáo HĐQT trình ĐHĐCĐ 2020;

- Hoàn thành Báo cáo soát xét Báo cáo Giám sát tài chính của Vietnam Airlines năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020. Báo cáo hoạt động của BKS giữa 2 nhiệm kỳ 2019 - 2020 và nhiệm kỳ 5 năm 2015 - 2020 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Xem xét kết quả hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ năm 2019. Giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét, kiểm toán các BCTC năm 2019; 6 tháng và 9 tháng năm 2020 theo hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập Deloitte.
- Tham gia đóng góp ý kiến vào việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật và thực hiện các công việc khác của Cổ đông lớn (Ủy ban Quản lý vốn) khi có yêu cầu.
- Báo cáo việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Nghị định 49/2014/NĐ-CP gửi Ủy ban Quản lý vốn.
- Giám sát tình hình thực hiện khuyến cáo của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và của BKS; Giám sát việc công bố thông tin, thực hiện quyền và quan hệ của cổ đông của Tổng công ty;
- Giám sát việc triển khai công tác kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập Deloitte theo đúng kế hoạch.
- Giám sát tình hình chuyển giao nhiệm vụ giữa các Lãnh đạo cấp cao của Tổng công ty.
- Giám sát chuyên đề:
 - » Giám sát hoạt động của PA 9 tháng đầu năm (Hoạt động tài chính; công tác tái cơ cấu, tình hình thực hiện kiến nghị của các Đoàn thanh, kiểm tra; chỉ đạo của cơ quan Đại diện chủ sở hữu (Ủy ban Quản lý vốn, HĐQT Tổng công ty Hàng không) và HĐQT/BKS công ty PA.
 - » Giám sát tình hình cắt giảm chi phí theo Chỉ thị 310 của Tổng giám đốc Vietnam Airlines.
- Giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

4.4. SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách nhiệm vụ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Vietnam Airlines đồng thời phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Vietnam Airlines trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Vietnam Airlines; lợi ích của các cổ đông và người lao động.
- HĐQT, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực thi có hiệu quả chức năng kiểm soát trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines, cung cấp đầy đủ thông tin, biên bản, các số liệu, báo cáo các cuộc họp HĐQT và hoạt động SXKD.
- Các ý kiến của BKS được HĐQT, Ban Giám đốc quan tâm và thực hiện đầy đủ.
- Ngoài ra BKS luôn nhận được sự hỗ trợ, cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác kiểm soát từ Cổ đông lớn (Ủy ban Quản lý vốn) để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2020, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Kế toán trưởng, Thư ký Tổng công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên không phát sinh giao dịch cổ phiếu HVN.

6. HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ - THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Năm 2020 Người phụ trách quản trị - Thư ký Vietnam Airlines đã hoàn thành các chức trách nhiệm vụ được giao như sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ; ban hành các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- Cầu nối giữa HĐQT và Ban điều hành.
- Phụ trách công tác quan hệ cổ đông của Vietnam Airlines; tổ chức triển khai các công việc liên quan giữa Vietnam Airlines và cổ đông.
- Thực hiện công bố thông tin theo ủy quyền trên thị trường chứng khoán.

7. QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

“Vietnam Airlines cam kết luôn đồng hành cùng cổ đông trong việc thiết lập các kênh đối thoại mở và minh bạch thông tin, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn - chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở kiến tạo giá trị lợi ích cổ đông gắn liền với sự phát triển bền vững của Vietnam Airlines và nhu cầu phát triển của đất nước”

Các hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư:

Vietnam Airlines thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới các cổ đông và nhà đầu tư.

Vietnam Airlines luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thường xuyên cập nhật, đăng tải rộng rãi các hoạt động của doanh nghiệp trên các kênh thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời tiếp cận thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông, Ban Lãnh đạo Vietnam Airlines đã trực tiếp giải đáp các vấn đề cổ đông quan tâm liên quan đến hoạt động của Vietnam Airlines.



IX. QUẢN TRỊ RỦI RO

Giai đoạn 2021 – 2025 là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ. Trong đó, điển hình là sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, sự phổ biến của công nghệ số và Big data. Điều này dẫn đến thói quen tiêu dùng của các nhóm khách hàng thay đổi. Bên cạnh đó, ngành vận tải hàng không Việt Nam vẫn tiếp tục đứng trước những thách thức về bảo vệ môi trường, các rủi ro về dịch bệnh, thiên tai cũng như những tồn tại, mâu thuẫn trong hệ thống pháp lý và sự cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt khi xu hướng bầu trời mở ngày càng phổ biến.

	NHẬN DIỆN RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
RỦI RO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	<ul style="list-style-type: none"> Việc dịch bệnh COVID – 19 bùng phát mạnh trở lại tại châu Âu với biến thể mới, khả năng hồi phục của các chuyến bay quốc tế đã gần như bằng không trong Q1/2021. Mặc dù đã có nhiều thông tin tích cực về vaccine, tuy nhiên việc thử nghiệm, sản xuất và phân phối quá chậm dẫn đến lượng khách đặt chỗ trong Q1/2021 giảm 80% so cùng kỳ. Đồng thời, IATA không thay đổi nhận định về dòng tiền của các hãng hàng không khi tiếp tục đánh giá các hãng chỉ bắt đầu có lãi từ Q4/2021. Bên cạnh IATA, Hiệp hội các hãng hàng không dân dụng thế giới (ICAO) cũng có nhận định rất xấu về nửa đầu năm 2021. Cụ thể, lượng ghế cung ứng giảm 42% - 47%, sản lượng khách giảm 47% - 57% và doanh thu giảm 156 – 181 tỷ USD so năm 2019. Từ đánh giá của hai tổ chức lớn nhất trong ngành hàng không thế giới, tình hình của năm 2021 vẫn hết sức khó khăn, thậm chí còn có thể nghiêm trọng hơn năm 2020. Nguyên nhân nằm ở chủng virus đang biến thể rất nhanh, vaccine sản xuất chậm, các hãng hàng không sẽ phải bắt đầu năm 2021 với khoản nợ lên tới 220 tỷ USD và hành khách vẫn không sẵn sàng đi chuyến (65% số người được IATA khảo sát sẽ không đi lại bằng đường hàng không nếu vẫn phải cách ly). Biến động chi phí nguyên liệu máy bay sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines. Cụ thể, nếu giá nhiên liệu bay trung bình/năm thay đổi 1 USD sẽ khiến chi phí khai thác của Tổng công ty thay đổi khoảng 170 tỷ đồng. Tỷ giá VND/USD dự báo có thể tiếp tục mất giá trong các năm tới. Trường hợp tỷ giá USD/VND biến động tăng/giảm 100 đồng thì chi phí SXKD ảnh hưởng tăng/giảm khoảng 130 tỷ đồng/năm, doanh thu biến động tăng/giảm tương ứng khoảng 60 tỷ đồng / năm, kết quả kinh doanh do thay đổi tỷ giá USD/VND 100 đồng sẽ thay đổi khoảng 65 tỷ đồng /năm. 	
RỦI RO PHÁP LÝ	<ul style="list-style-type: none"> Nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam, pháp luật các quốc gia nơi Vietnam Airlines có hoạt động SXKD và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Khả năng xảy ra các tranh chấp, tố tụng liên quan đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao năng lực quản trị rủi ro pháp lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận pháp chế trong doanh nghiệp. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD của Vietnam Airlines tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách nước sở tại. Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Sử dụng đơn vị tư vấn luật trong nước và quốc tế để hỗ trợ Vietnam Airlines trong việc tuân thủ pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nâng cao nhận thức pháp luật của toàn bộ các cơ quan, đơn vị và người lao động của Vietnam Airlines.
RỦI RO CẠNH TRANH	<ul style="list-style-type: none"> Trong bối cảnh các hãng hầu như chưa khai thác thường lệ các đường bay quốc tế trở lại, các hãng hàng không sẽ tiếp tục tăng tải trên các đường bay nội địa dẫn đến cạnh tranh gay gắt, giá vé bình quân tiếp tục sụt giảm (trong 2 tháng đầu năm 2021, giá vé bình quân đã giảm gần 50% so cùng kỳ). 	

	NHẬN DIỆN RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
	<p>RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH HÀNG KHÔNG</p> <ul style="list-style-type: none"> Hạ tầng kỹ thuật sân bay, kiểm soát không lưu còn nhiều hạn chế, không theo kịp tốc độ phát triển dẫn tới số lượng điểm đỗ tàu tại các sân bay nội địa hạn chế. Chính sách Nhà nước về việc tiếp cận với quyền khai thác giờ hạ/cất cánh tại các sân bay lớn, quốc tế. Trong khi đó, với tốc độ nghiên cứu và phát triển công nghệ diễn ra nhanh chóng, các sản phẩm, giải pháp công nghệ thay thế cho dịch vụ hàng không như video-conferencing, tàu siêu tốc đang tạo ra nhiều thách thức cạnh tranh cho các hãng hàng không. Khan hiếm nguồn lực cao cấp, đặc biệt là nguồn lực về phi công, kỹ sư kỹ thuật. Yêu cầu duy trì hiệu suất sử dụng máy bay ngày càng cao và khai thác có hiệu quả để đảm bảo doanh thu khai thác từ máy bay, được đáp ứng một phần thông qua việc giảm thời gian quay đầu máy bay tại sân bay. Công ty cũng có thể phải chịu tổn thất tiềm năng đáng kể trong trường hợp xấu khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng không, dẫn tới thiệt hại về tài sản và hình ảnh của Công ty. 	
	<p>RỦI RO THÔNG TIN</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng công ty là một trong các doanh nghiệp đã tiên phong triển khai đầy đủ hệ thống quản trị An ninh thông tin theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam và Quốc tế, bao gồm: xây dựng cơ cấu tổ chức về An ninh thông tin, chính sách An ninh thông tin và triển khai hệ thống phòng chống tấn công mạng (Cyber Security). Tuy nhiên trong bối cảnh tình hình an ninh mạng trên thế giới đang diễn biến ngày càng phức tạp, Vietnam Airlines phải đối mặt với nhiều nguy cơ mất An ninh thông tin mới. Hành lang pháp lý về bảo vệ bảo vệ thông tin, đặc biệt là thông tin cá nhân chưa hoàn chỉnh, dẫn đến tình trạng có nhiều vi phạm về sử dụng thông tin chưa được kiểm chứng hoặc mua bán thông tin cá nhân. Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, Vietnam Airlines đã tổ chức phương án làm việc từ xa cho một lượng lớn cán bộ nhân viên làm tăng nguy cơ rủi ro về thông tin. Ý thức của nhân viên chưa cao dẫn đến còn xảy ra tình trạng lơ đãng/vô tình/cố tình lọt thông tin nội bộ và dữ liệu cá nhân, thậm trí bị lừa đảo. Do đó, năm 2020, Vietnam Airlines đẩy mạnh công tác đánh giá rủi ro An ninh thông tin bằng cách tăng cường giám sát an ninh mạng, rà soát, đánh giá về lộ lọt thông tin và xử lý kỷ luật nghiêm các trường hợp vi phạm. Tổ chức đánh giá rủi ro cho các hệ thống CNTT khởi khai thác bay, tài chính, thương mại... Đặc biệt Tổng công ty đã phối hợp với Cục A05 tổ chức đánh giá an ninh thông tin cho các hệ thống CNTT của Tổng công ty và đảm bảo các hệ thống CNTT của Tổng công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đảm bảo an ninh mạng.... 	
	<p>RỦI RO KIỂM TOÁN</p> <ul style="list-style-type: none"> Kiểm toán không phát hiện được những yếu kém của Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Các thủ tục kiểm toán không phát hiện được các sai phạm trọng yếu. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến không xác đáng về đối tượng được kiểm toán. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tiêu chuẩn đội ngũ nhân sự làm công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định, nhân sự thực hiện kiểm toán có trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc, chú trọng đạo đức nghề nghiệp của các kiểm toán viên. Đảm bảo tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ. Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm toán nội bộ theo quy định hiện hành, trong đó bao gồm việc lập kế hoạch dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro và kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán. Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán đủ năng lực và uy tín thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kiểm toán, yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác nhận ngày công làm việc của từng cấp bậc kiểm toán viên và nhận xét về hoạt động của các kiểm toán viên nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán. Hàng năm, thực hiện xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kiểm toán trước khi triển khai thực hiện hợp đồng cho năm tiếp theo.



X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
Ông Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
Ông Tạ Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Lê Hồng Hà	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
Ông Lê Trường Giang	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021)
Ông Tomoji Ishii	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
Ông Nguyễn Xuân Minh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
Ông Koji Shibata	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
Ông Dương Trí Thành	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Hà	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021)
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021)
Ông Dương Trí Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021)
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
Ông Nguyễn Thái Trung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2020)
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành hàng không toàn cầu trong đó có Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Tổng Công ty đã đề xuất Chính phủ Việt Nam thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ kịp thời để đảm bảo Hãng hàng không Quốc gia duy trì hoạt động liên tục. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021



Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 24.456 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty là 6.640 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ với số tiền là 11.178 tỷ đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất âm với số tiền là 6.456 tỷ đồng. Bên cạnh đó, dịch bệnh COVID-19 vẫn đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, các khoản phải trả cho các nhà cung cấp và cho thuê cũng như diễn biến của dịch COVID-19. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo Công văn số 26/BTC-TCĐN do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 12 tháng 01 năm 2021, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã áp dụng hướng dẫn kế toán riêng về việc ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay khai thác và động cơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, và các ảnh hưởng của việc áp dụng hướng dẫn này được trình bày tại Thuyết minh số 12, 13 và 14.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4438-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 4 năm 2021
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.249.494.570.296	19.288.261.370.657
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.653.719.016.108	2.957.234.029.680
1. Tiền	111		780.779.016.108	1.743.434.829.680
2. Các khoản tương đương tiền	112		872.940.000.000	1.213.799.200.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	487.031.718.663	3.579.235.209.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		487.031.718.663	3.579.235.209.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.430.155.968.255	7.904.079.165.877
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.049.596.342.174	4.367.024.583.298
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	290.056.780.969	457.602.795.156
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.284.193.167.125	3.180.958.660.288
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(193.712.831.884)	(101.506.872.865)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		22.509.871	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.849.267.988.235	3.569.653.534.166
1. Hàng tồn kho	141		1.992.991.242.729	3.688.732.610.890
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(143.723.254.494)	(119.079.076.724)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		829.319.879.035	1.278.059.431.934
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	533.273.193.394	743.854.695.521
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		285.395.433.644	510.995.500.198
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	10.651.251.997	23.209.236.215

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.312.643.125.608	57.166.604.665.872
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.356.393.790.259	2.172.895.865.060
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	1.412.487.563	1.412.487.563
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	-	91.465.907.540
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.355.552.018.696	2.080.588.185.957
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(570.716.000)	(570.716.000)
II. Tài sản cố định	220		44.531.154.826.285	46.955.993.985.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.837.775.631.638	17.450.500.516.030
- Nguyên giá	222		38.315.430.088.989	38.013.304.459.826
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.477.654.457.351)	(20.562.803.943.796)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	27.468.911.077.422	29.268.066.140.087
- Nguyên giá	225		44.667.782.667.496	46.845.065.834.885
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.198.871.590.074)	(17.576.999.694.798)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	224.468.117.225	237.427.328.980
- Nguyên giá	228		777.629.239.870	739.542.851.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(553.161.122.645)	(502.115.522.897)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	403.868.334.958	410.078.481.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		403.868.334.958	410.078.481.191
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.974.087.482.947	2.094.597.391.071
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	1.358.692.110.156	1.522.830.896.860
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	568.014.304.171	568.166.494.211
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.618.931.380)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	50.000.000.000	3.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.047.138.691.159	5.533.038.943.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.820.794.059.565	5.211.284.713.204
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7.916.643.821	9.885.756.933
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		218.427.987.773	311.868.473.316
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		62.562.137.695.904	76.454.866.036.529

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		56.489.803.905.280	57.847.310.038.109
I. Nợ ngắn hạn	310		32.705.409.980.324	31.420.636.213.287
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	13.306.737.093.371	15.882.909.654.084
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		286.965.959.211	655.668.076.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	278.207.159.292	589.249.992.350
4. Phải trả người lao động	314		983.236.254.692	1.683.053.290.582
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.086.985.335.336	3.588.312.668.941
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	742.674.749.385	951.632.046.493
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	528.583.840.304	599.837.491.596
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	11.193.774.554.197	6.507.875.954.465
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.631.515.415	174.122.931
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	1.289.613.519.121	961.922.914.945
II. Nợ dài hạn	330		23.784.393.924.956	26.426.673.824.822
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		3.012.792.872	2.684.867.905
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	794.637.487.353	870.742.716.345
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	22.856.941.752.748	25.426.549.239.895
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		129.801.891.983	126.697.000.677
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.072.333.790.624	18.607.555.998.420
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.072.333.790.624	18.607.555.998.420
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	14.182.908.470.000	14.182.908.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.182.908.470.000	14.182.908.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	1.220.852.256.541	1.220.852.256.541
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	26	241.355.237.827	241.355.237.827
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	26	(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	26	234.377.202.081	239.246.750.951
6. Quỹ đầu tư phát triển	418	26	931.333.809.451	801.378.380.887
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26	2.024.298.861	2.024.298.861
8. (Lỗ)/lợi kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26	(9.328.983.490.778)	2.612.482.961.570
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.730.560.041.585	271.717.145.576
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(11.059.543.532.363)	2.340.765.815.994
9. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	27	(258.529.770.405)	460.311.864.737
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		62.562.137.695.904	76.454.866.036.529

Hồ Xuân Tâm
Người lập biểu

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	40.756.791.189.121	99.099.610.861.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	218.452.536.451	871.527.158.319
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	40.538.338.652.670	98.228.083.703.313
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		47.975.249.579.193	87.259.507.651.369
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(7.436.910.926.523)	10.968.576.051.944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	882.308.903.054	1.139.599.385.417
7. Chi phí tài chính	22	33	1.668.942.551.285	2.344.875.558.447
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		925.577.719.343	1.454.778.846.398
8. Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(157.121.864.549)	(34.235.810.035)
9. Chi phí bán hàng	25	34	2.049.239.095.622	4.616.584.090.808
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	1.468.001.049.921	2.662.244.049.221
11. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(11.897.906.584.846)	2.450.235.928.850
12. Thu nhập khác	31	35	1.012.673.517.493	982.553.353.325
13. Chi phí khác	32		75.079.228.233	43.892.875.951
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		937.594.289.260	938.660.477.374
15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(10.960.312.295.586)	3.388.896.406.224
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		212.597.151.034	933.964.491.926
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5.196.137.687	(82.529.147.708)
18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(11.178.105.584.307)	2.537.461.062.006
18.1. Cổ đông của Tổng Công ty	61		(10.927.035.283.118)	2.345.801.820.003
18.2. Cổ đông không kiểm soát	62		(251.070.301.189)	191.659.242.003
19. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	(7.704)	1.654



Hồ Xuân Tam
Người lập biểu





Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lãi)/Lợi nhuận trước thuế	01	(10.960.312.295.586)	3.388.896.406.224
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.961.203.222.367	5.142.695.395.692
Các khoản dự phòng	03	127.926.460.653	(108.016.495.931)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(76.557.930.111)	30.033.060.589
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(623.205.012.210)	(662.227.285.176)
Chi phí lãi vay	06	925.577.719.343	1.454.778.846.398
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.645.367.835.544)	9.246.159.927.796
Thay đổi các khoản phải thu	09	5.537.750.242.234	1.189.542.215.928
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.789.181.853.704	(99.493.347.931)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.795.574.439.932)	565.025.138.031
Thay đổi chi phí trả trước	12	(398.927.844.234)	1.123.748.533.646
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.001.033.081.211)	(1.473.336.222.289)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(355.745.421.777)	(999.205.807.806)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(585.850.696.913)	(733.640.156.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.455.567.223.673)	8.818.800.280.642
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(515.544.108.122)	(1.267.347.844.441)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	365.250.452.390	130.528.234.634
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(838.616.739.420)	(4.959.720.715.849)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.884.291.276.332	4.263.613.298.006
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	457.559.457.665	549.135.235.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.352.940.338.845	(1.283.791.792.045)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	44.337.285.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	29.220.149.014.723	25.023.024.908.115
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.806.390.218.003)	(27.125.682.744.188)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.217.171.598.106)	(4.402.853.298.719)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(398.457.995.403)	(1.720.877.610.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.798.129.203.211	(8.182.051.460.222)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.304.497.681.617)	(647.042.971.625)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.957.234.029.680	3.603.022.371.040
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	982.668.045	1.254.630.265
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.653.719.016.108	2.957.234.029.680

Hồ Xuân Tâm
Người lập biểu

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc (“các đơn vị phụ thuộc”).

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 01 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty Cổ phần. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất lần 7 ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.690 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 21.166 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;
- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động;
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử; và
- Đào tạo; tài chính, ngân hàng; cho thuê tài chính (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Cấu trúc Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong và ngoài nước), các công ty con và công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Tạp chí Heritage
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Đoàn bay 919
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Đoàn tiếp viên
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Khai thác Nội Bài
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Huấn luyện bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Bắc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Nam
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Trung
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Thái Lan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Singapore
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Malaysia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Lào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Campuchia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Nhật Bản
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hàn Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hồng Kông
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đài Loan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Liên Bang Nga
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Úc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đức
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Pháp và Tây Âu
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Canada
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Trung Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Vương Quốc Anh
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Myanmar
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Indonesia

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (i)	Việt Nam	68,85	68,85	Kinh doanh vận tải hàng không
2	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam	100,00	100,00	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
3	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài	Việt Nam	55,13	55,13	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
5	Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	60,17	60,17	Cung cấp suất ăn trên máy bay
6	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Cung cấp suất ăn trên máy bay
7	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	51,52	51,52	Đào tạo phi công
8	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	52,73	52,73	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất	Việt Nam	55,00	55,00	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
10	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	51,00	51,00	Vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
12	Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá (VINAKO)	Việt Nam	65,05	65,05	Dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải mặt đất, kho bãi
13	Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	51,00	51,00	Xuất, nhập khẩu lao động
14	Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	51,69	51,69	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
15	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ mặt đất
Công ty liên kết					
1	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Campuchia	49,00	49,00	Kinh doanh vận tải hàng không
2	Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	32,48	32,48	Cho thuê máy bay
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	41,31	41,31	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	36,11	36,11	Dịch vụ phục vụ hàng không
5	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	30,41	30,41	Sản xuất sản phẩm nhựa

(i) Từ ngày 30 tháng 7 năm 2020, Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục liên quan đến thay đổi cơ cấu đồng và vốn điều lệ tương ứng tại Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines vẫn đang trong quá trình xem xét bởi các cơ quan có thẩm quyền.

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được lập theo Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty. Quyết định này được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam (“VAS”) số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết” và VAS 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con” ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 24.456 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 12.133 tỷ VND) và khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty là 6.640 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng). Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ trong năm với số tiền là 11.178 tỷ VND (năm 2019: lãi 2.537 tỷ VND) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm âm 6.456 tỷ VND (năm 2019: dương 8.819 tỷ VND). Dịch bệnh COVID-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp cũng như diễn biến của dịch COVID-19.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục trong ngắn hạn. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Tổng Công ty điều chỉnh lại lịch bay và các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường và các diễn biến kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ nhằm tối ưu hóa chi phí và sử dụng đội tàu bay hiện có. Từ tháng 5 năm 2020 tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã mở thêm 21 đường bay trong

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

nước (lên con số tổng cộng 61 đường bay nội địa), duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa đặc biệt trong giai đoạn mùa cao điểm trong năm;

- Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại dịch vụ vận tải trong đó tăng các chuyến bay chở hàng hóa trong giai đoạn suy giảm nhu cầu vận tải hành khách trong nước và quốc tế. Do đó, doanh thu vận tải hàng hóa, bưu kiện trong năm 2020 chỉ suy giảm khoảng 20% so với năm trước (Thuyết minh số 30) và tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021;
- Tổng Công ty cũng thực hiện quyết liệt các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý chung, chi phí gián tiếp, chi phí quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại, chi phí bán hàng;
- Tổng Công ty điều chỉnh chính sách sử dụng lao động và chi phí lao động bao gồm chi phí lương của phi công, tiếp viên, lãnh đạo và các bộ phận khác trong Tổng Công ty;
- Tổng Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán giảm giá, hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, trong đó có nhiều đối tác đã đồng ý giảm giá (đối với chi phí thuê máy bay, nhân công bảo dưỡng, ...) hoặc hoãn tiến độ thanh toán (đối với chi phí thuê máy bay, quản lý bay, các dịch vụ chuyển bay,...);
- Hầu hết các ngân hàng đã đồng ý giãn thanh toán nợ vay cho các khoản vay đến hạn hoặc giãn các khoản dư nợ vay gốc đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (áp dụng với các khoản dư nợ gốc đến hạn trả từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch), hoặc giảm chi phí lãi vay phải trả; Tổng Công ty cũng đang trong quá trình đàm phán với các ngân hàng nội địa để có thêm hạn mức tín dụng trong năm 2021;
- Nhằm tối ưu hóa hoạt động và cắt giảm chi phí, Tổng Công ty điều chỉnh tiêu chuẩn, quy trình dịch vụ đối với dịch vụ mặt đất (check in, phòng chờ, băng tải hành lý, cân hành lý, cầu ống lồng,...), dịch vụ phục vụ trên chuyến bay (suất ăn, đồ uống, báo chí, giải trí,...), chủ động sắp xếp, điều chỉnh lịch bảo dưỡng sửa chữa của các máy bay;
- Tổng Công ty cũng đã và đang đàm phán lùi lịch nhận máy bay thuê hoạt động, trong đó, 06 máy bay dòng B787-10 và A320 NEO đã được gia hạn nhận tới cuối năm 2021 và trong năm 2022, 2023 thay vì nhận trong năm 2020 theo thỏa thuận ban đầu;
- Tổng Công ty cũng tìm kiếm các nguồn thu khác như thanh lý máy bay, bán và thuê lại máy bay, thanh lý các khoản đầu tư. Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện bàn giao 3/5 máy bay A321 thuộc hợp đồng thanh lý 05 máy bay đã ký từ năm 2019 và thu được toàn bộ số tiền là 365 tỷ VND, đối với 2 máy bay còn lại khách hàng đã thực hiện thanh lý hợp đồng và thanh toán khoản phạt 23,5 tỷ VND cho Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng kế hoạch tiếp tục bán 2 máy bay này trong năm 2021 cùng với kế hoạch bán thêm 09 máy bay A321 sản xuất năm 2007-2008; và
- Tổng Công ty cũng tiếp tục báo cáo và kêu gọi sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ và các cơ quan Nhà nước để Tổng Công ty có thể duy trì khả năng hoạt động liên tục.

Nhà nước cũng đã có các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 nói chung và cho các doanh nghiệp hàng không nói riêng bao gồm:

- Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19; Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất;
- Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 897/TCT-QLN ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc gia hạn nộp thuế, miễn tiền chậm nộp do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19. Theo đó, các doanh nghiệp/người nộp thuế bị thiệt hại bởi dịch bệnh được gia hạn nộp thuế và miễn tiền chậm nộp theo các quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn,



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19 trong đó có Tổng Công ty. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đang xem xét ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-NHNN để tiếp tục hỗ trợ khách hàng trong năm 2021;
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 874/LĐTBXH-BHXXH ngày 16 tháng 3 năm 2020 gửi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về hướng dẫn tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch COVID-19;
 - Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Theo đó, một số giải pháp được nhắc đến bao gồm:
 - giảm 15% tiền thuê đất phải nộp,
 - miễn phí bảo lãnh phát sinh trong năm 2020 đối với các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh cho các doanh nghiệp hàng không còn dư nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019,
 - giảm 50% giá cất cánh, hạ cánh tàu bay và giá dịch vụ điều hành bay đi, đến đối với các chuyến bay nội địa từ tháng 3 tới hết tháng 9 năm 2020;
 - Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27 tháng 7 năm 2020 nhằm sửa đổi Biểu thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay, theo đó thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay được giảm 30% từ 3.000 VND/lít xuống 2.100 VND/lít, áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 tới hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được gia hạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 ngày 21 tháng 12 năm 2020.
 - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (“ACV”) giảm giá 7 loại dịch vụ cho tất cả các hãng hàng không bao gồm cả hãng hàng không quốc tế và hãng hàng không Việt Nam đang sử dụng các dịch vụ tại các cảng hàng không của ACV. 7 loại dịch vụ bao gồm: dịch vụ dẫn máy bay (giảm 50%); dịch vụ thang ống, thuê băng chuyền, xử lý hành lý tự động, thuê quầy, phục vụ mặt đất (giảm 10%); và dịch vụ thuê văn phòng đại diện (giảm 100% đối với các hãng hàng không dừng bay, giảm 30% đối với các hãng vẫn duy trì bay). Thời gian miễn giảm là 7 tháng kể từ ngày 01 tháng 3 tới hết tháng 9 năm 2020; và

Bên cạnh các giải pháp hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi COVID-19 và ngành hàng không, Chính phủ đã và đang triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính cho Tổng Công ty bao gồm các khoản tín dụng và tăng thêm vốn điều lệ nhằm đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của Tổng Công ty. Quốc hội khóa 14 cũng đã thông qua các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Tổng Công ty do ảnh hưởng của dịch COVID-19 tại kỳ họp lần thứ 10 trong tháng 11 năm 2020. Theo đó, Chính phủ đã giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) thực hiện các thủ tục cần thiết để tuân thủ theo Nghị quyết của Quốc hội, cụ thể như sau:

- Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn không có tài sản đảm bảo cho các tổ chức tín dụng đủ điều kiện sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng Công ty vay. Thời hạn tái cấp vốn trong vòng 364 ngày, gia hạn không quá hai lần. Số tiền tái cấp vốn tối đa không quá 4.000 tỷ đồng và không chịu lãi suất. Việc giải ngân không được muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Thuyết minh số 38).
- Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thêm 8.000 tỷ đồng (Thuyết minh số 26). SCIC thực hiện quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước theo phương án được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định hiện hành khác.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh hợp nhất và kế hoạch dòng tiền hợp nhất, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn và các khoản hỗ trợ từ Chính phủ. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. QUY ĐỊNH KẾ TOÁN RIÊNG ÁP DỤNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 26/BTC-TCĐN (“Công văn số 26/BTC-TCĐN”) về việc hướng dẫn riêng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao các máy bay khai thác và chi phí phân bổ sửa chữa bảo dưỡng máy bay, động cơ máy bay tương ứng áp dụng cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, chi phí khấu hao và chi phí phân bổ sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng/Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay	=	Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay/Giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường	X	Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay ----- Tổng giờ khai thác theo kế hoạch của loại máy bay đó
---	---	--	---	--

Đối với các máy bay không thuộc trong đội máy bay khai thác và các động cơ dự phòng tương ứng, Tổng Công ty thực hiện trích và ghi nhận chi phí khấu hao nhất quán với chính sách kế toán tài sản cố định hữu hình ở Thuyết minh số 04.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc vật tư, phụ tùng nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan để nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Giá gốc hàng tồn kho đối với các loại vật tư, phụ tùng máy bay để sử dụng được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong năm.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy bay	16 - 20
Động cơ máy bay	10
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Phương tiện vận tải mặt đất	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản cùng với chi phí thanh lý và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay khai thác và động cơ máy bay cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản cố định hữu hình.

Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay khai thác thuộc tài sản thuê tài chính và động cơ máy bay tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính dùng trong quản lý, như phần mềm quản lý giá vận chuyển hàng khách/hàng hóa, phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán. Tổng Công ty không thực hiện phân bổ quyền sử dụng đất được cấp vô thời hạn. Quyền sử dụng đất được cấp có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Các tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 02 năm đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay; phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay; chi phí phụ tùng máy bay, công cụ, dụng cụ quay vòng và chi phí khác. Cụ thể:

- Chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tính từ thời điểm đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí chờ phân bổ là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Chi phí sửa chữa lớn đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm. Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.
- Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty phân bổ và ghi nhận chi phí trả trước liên quan đến sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay của máy bay khai thác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính.
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được trích trước và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên số giờ bay.
- Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.
- Chi phí công cụ, dụng cụ, phụ tùng máy bay quay vòng và chi phí khác, bao gồm:
 - Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phản ánh giá trị các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, có thời gian sử dụng trên 01 năm, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 02 năm.
 - Vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều hàng năm (chi tiết xem Thuyết minh về "Hàng tồn kho").

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản dự tính các khoản chi phí phải trả liên quan đến các chi phí đã phát sinh nhưng đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty/các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CDKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí hoàn trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh.

Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm vốn góp từ cổ phiếu phổ thông, thặng dư vốn cổ phần, các quy và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện. Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé thông thường, MCO, hành lý và YQ) đã hết hạn theo các điều kiện của chứng từ vận chuyển nhưng khách hàng không sử dụng được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyến được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy dặm thưởng khi sử dụng dịch vụ, tham gia chương trình khuyến mãi... của Tổng Công ty hay một số đối tác hàng không và phi hàng không cụ thể của chương trình Bông Sen Vàng của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số dặm tồn còn giá trị sử dụng tại thời điểm báo cáo mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng đổi thưởng hoặc dặm thưởng tích lũy hết hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN****Doanh thu và thu nhập khác**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua máy bay và thuê lại máy bay theo hình thức thuê hoạt động được ghi nhận là khoản thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc hạch toán nghiệp vụ này sẽ tùy thuộc vào hướng dẫn chi tiết và phê duyệt từ Bộ Tài chính. Ngày 10 tháng 02 năm 2020, Tổng Công ty đã trình Bộ Tài chính công văn xin hướng dẫn cách thức hạch toán và ghi nhận đối với các nghiệp vụ kinh tế này. Theo công văn trả lời ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính, kế toán chuyển nhượng quyền mua máy bay và thuê lại máy bay chưa có quy định cụ thể tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, do đó, quy định hạch toán kế toán cụ thể về vấn đề này sẽ được nghiên cứu, xem xét và hướng dẫn trong thời gian tới.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có khoản lỗ trong năm có thể được sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ trong năm do chưa chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	15.042.134.326	18.596.701.675
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	760.565.745.638	1.593.024.231.877
Tiền đang chuyển	5.171.136.144	131.813.896.128
Các khoản tương đương tiền	872.940.000.000	1.213.799.200.000
	<u>1.653.719.016.108</u>	<u>2.957.234.029.680</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN	
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)	
6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	
	Số cuối năm VND
	Giá gốc
	Giá trị ghi sổ
	Số đầu năm VND
	Giá gốc
	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	487.031.718.663
Dài hạn	
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	50.000.000.000
	537.031.718.663
	537.031.718.663
	3.582.835.209.000
	3.582.835.209.000
<p>(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác với lãi suất từ 3,7%-8,55%/năm và không phải tương đương tiền.</p> <p>(ii) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%-9,55%/năm.</p>	
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	
	Số cuối năm VND
	Giá gốc
	Dự phòng
	Số đầu năm VND
	Giá gốc
	Dự phòng

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Chi tiết phải thu của khách hàng		
Phải thu của các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	677.285.856.481	1.902.767.665.664
Phải thu từ các hãng hàng không khác	721.859.236.475	1.061.437.372.716
Phải thu cước vận chuyển hàng hóa	214.172.098.998	389.426.397.146
Phải thu khách hàng khác	437.691.637.783	1.014.805.635.335
	2.051.008.829.737	4.368.437.070.861
b. Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Ngắn hạn	2.049.596.342.174	4.367.024.583.298
Dài hạn	1.412.487.563	1.412.487.563
	2.051.008.829.737	4.368.437.070.861

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (i)
(chi tiết tại Thuyết minh số 37)

120.428.046.522 **112.944.701.104**

(i) Khoản phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thời hạn đã thỏa thuận.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Trả trước tiền thuê máy bay	-	70.474.546.680
Trả trước khác	290.056.780.969	387.128.248.476
	290.056.780.969	457.602.795.156
b. Dài hạn		
Trả trước Xây dựng cơ bản	-	91.465.907.540
	-	91.465.907.540

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cản trừ với Quỹ đại tu (i)	304.475.263.739	2.170.822.818.081
Đặt cọc thuê máy bay và động cơ máy bay (ii)	433.359.139.752	345.467.061.023
Phải thu lãi tiền gửi	12.290.536.839	134.951.320.693
Phải thu về cổ tức được chia	2.072.767.359	2.428.837.595
Tạm ứng	9.939.373.624	13.054.936.480
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9.546.287.004	17.795.567.431
Phải thu khác	512.509.798.808	496.438.118.985
	1.284.193.167.125	3.180.958.660.288

b. Dài hạn

Đặt cọc thuê máy bay và động cơ máy bay (ii)	1.157.288.567.316	1.922.082.556.396
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	193.777.742.248	154.705.784.248
Phải thu dài hạn khác	4.485.709.132	3.799.845.313
	1.355.552.018.696	2.080.588.185.957

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (iii)
(chi tiết tại Thuyết minh số 37)

432.192.466.398 **567.437.962.499**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- (i) Trả trước tiền sửa chữa lớn chờ cản trừ với Quỹ đại tu phản ánh các khoản chi phí sửa chữa phát sinh thực tế mà Tổng Công ty ước tính có thể thu được từ đối tác cho thuê máy bay. Khi thanh quyết toán chi phí sửa chữa, phần không thu lại được từ đối tác cho thuê sẽ được Tổng Công ty hạch toán vào chi phí trong năm.
- (ii) Là khoản tiền Tổng Công ty đặt cọc để thuê máy bay và động cơ máy bay mà sẽ được hoàn trả khi hết thời hạn thuê. Trong năm, Tổng Công ty đã được các bên cho thuê chấp thuận để bù trừ khoản đặt cọc với khoản phải trả tiền thuê tàu bay phát sinh trong năm.
- (iii) Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. NỢ XẤU	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	VND	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	VND
Pan Pacific Airlines	142.233.662.401	100.027.494.312	42.206.168.089	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Hàng không Đồng Dương	38.537.918.851	38.537.918.851	-	38.537.918.851	38.537.918.851	38.537.918.851	38.537.918.851	38.537.918.851
Global Horizon Canada	-	-	-	13.470.000.000	13.470.000.000	13.470.000.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	-	-	-	8.609.168.851	8.609.168.851	8.609.168.851	-	-
Air Fast Ticket Group	5.710.811.053	5.710.811.053	-	5.364.841.869	5.364.841.869	5.364.841.869	-	-
Các đối tượng khác	69.470.549.534	50.007.323.668	19.463.225.866	56.562.904.147	36.095.659.294	20.467.244.853	-	-
	255.952.941.839	194.283.547.884	61.669.393.955	122.544.833.718	102.077.588.865	20.467.244.853		
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn		570.716.000						570.716.000
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		193.712.831.884						101.506.872.865
Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.								
11. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng	VND	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng	VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.925.849.061	-	-	292.501.315.186	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.047.764.783.963	(143.723.254.494)		1.228.753.668.373	1.228.753.668.373	(119.079.076.724)		
Công cụ và dụng cụ	68.217.468.755	-	-	78.679.540.620	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.050.185.379	-	-	53.636.422.978	-	-	-	-
Hàng hóa (*)	785.121.311.043	-	-	2.008.932.091.643	-	-	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	33.017.477.449	-	-	24.359.981.756	-	-	-	-
Hàng gửi đi bán	894.167.079	-	-	1.869.590.334	-	-	-	-
	1.992.991.242.729	(143.723.254.494)	(143.723.254.494)	3.688.732.610.890	(119.079.076.724)	(119.079.076.724)		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

(*): Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xăng dầu Jet A1 tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Công ty con của Tổng Công ty).

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chủ yếu là vật tư, phụ tùng dòng máy bay A330 không còn khai thác và các phụ tùng hết hạn) với số tiền là 52.894.788.105 VND (năm 2019: 53.187.444.447 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này thấp hơn giá gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 28.250.610.335 VND (năm 2019: 168.129.012.297 VND).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê máy bay, động cơ máy bay và các tài sản cố định khác	458.613.610.599	642.864.432.218
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển	2.753.731.275	34.875.729.092
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	71.905.851.520	66.114.534.211
	<u>533.273.193.394</u>	<u>743.854.695.521</u>
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay	4.074.866.367.727	3.145.537.153.505
Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay	1.102.587.807.874	1.324.814.224.815
Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ, dụng cụ quay vòng	419.673.540.540	528.479.465.337
Chi phí trả trước dài hạn khác	223.666.343.424	212.453.869.547
	<u>5.820.794.059.565</u>	<u>5.211.284.713.204</u>

Năm 2020, Tổng Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo hướng dẫn tại Công văn số 26/BTC-TCĐN của Bộ Tài chính (Thuyết minh số 03). Nếu Tổng Công ty áp dụng phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo chính sách của Tổng Công ty, chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay chưa phân bổ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ giảm 1.139 tỷ đồng, theo đó, chi phí sửa chữa lớn và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng sẽ tăng với cùng số tiền là 1.139 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy bay, động cơ máy bay	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải mặt đất	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	28.826.092.177.572	2.490.308.780.518	3.929.654.245.970	1.659.558.005.578	787.102.777.906	320.588.472.102	38.013.304.459.826
Tăng trong năm	2.318.297.982.677	84.068.003.681	142.698.455.882	202.890.843.368	117.349.775.357	31.824.134.819	2.897.129.195.784
Mua trong năm	54.908.925.614	7.847.152.777	108.796.174.301	201.805.721.148	55.551.907.972	31.824.134.819	460.734.016.631
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	53.266.786.869	-	-	-	-	53.266.786.869
Tăng từ TSCĐ thuế tài chính	2.263.389.057.063	-	-	-	-	-	2.263.389.057.063
Điều chỉnh nguyên giá	-	19.090.380.053	8.820.850.177	471.995.454	325.661.097	-	28.708.886.781
Phân loại lại	-	797.256.321	25.081.431.404	-	61.472.206.288	-	87.350.894.013
Tăng khác	-	3.066.427.661	-	613.126.766	-	-	3.679.554.427
Giảm trong năm	(2.435.199.673.593)	(13.154.969.608)	(24.330.305.927)	(76.896.904.577)	(14.461.177.452)	(30.960.535.464)	(2.595.003.566.621)
Thanh lý, nhượng bán	(2.435.193.277.749)	(172.568.195)	(13.280.809.382)	(21.154.981.954)	(13.365.366.943)	(133.450.412)	(2.483.300.454.635)
Điều chỉnh nguyên giá	(6.395.844)	(12.200.515.075)	(8.325.241.285)	(55.741.922.623)	(889.543.635)	-	(21.421.695.839)
Phân loại lại	-	(781.886.338)	-	-	-	(30.827.085.052)	(87.350.894.013)
Giảm khác	-	-	(2.724.255.260)	-	(206.266.874)	-	(2.930.522.134)
Số dư cuối năm	28.709.190.486.836	2.561.221.814.591	4.048.022.395.925	1.785.551.944.369	889.991.375.811	321.452.071.457	38.315.430.088.989
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	14.974.515.992.572	1.161.844.049.566	2.586.873.379.289	1.079.099.110.610	570.814.134.981	189.657.276.778	20.562.803.943.796
Tăng trong năm	2.635.251.001.842	123.140.440.763	299.587.773.437	125.243.931.642	133.545.121.174	21.224.237.086	3.337.992.505.944
Khấu hao trong năm	951.139.025.995	122.343.184.442	292.402.118.583	125.243.931.642	93.050.479.781	19.591.896.794	1.603.770.637.237
Tăng từ TSCĐ thuế tài chính	1.683.467.919.347	-	-	-	-	-	1.683.467.919.347
Phân loại lại	-	797.256.321	6.185.807.048	-	40.494.641.393	-	47.477.704.762
Tăng do điều chỉnh	644.056.500	-	-	-	-	1.632.340.292	2.276.396.792
Tăng khác	-	-	999.847.806	-	-	-	999.847.806
Giảm trong năm	(2.325.253.922.070)	(2.448.964.987)	(13.332.122.881)	(60.676.649.963)	(13.340.845.323)	(8.089.487.165)	(2.423.141.992.389)
Thanh lý, nhượng bán	(2.325.253.922.070)	(172.568.195)	(13.280.809.382)	(21.154.981.954)	(13.338.510.991)	(133.450.412)	(2.373.334.243.004)
Phân loại lại	-	(2.276.396.792)	-	(39.521.668.009)	-	(7.956.036.753)	(47.477.704.762)
Giảm do điều chỉnh	-	-	(51.313.499)	-	(2.334.332)	-	(2.276.396.792)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(53.647.831)
Số dư cuối năm	15.284.513.072.344	1.282.535.525.342	2.873.129.029.845	1.143.666.392.289	691.018.410.832	202.792.026.699	21.477.654.457.351
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	13.851.576.185.180	1.328.464.730.952	1.342.780.866.681	580.458.894.968	216.288.642.925	130.931.195.324	17.450.500.516.030
Tại ngày cuối năm	13.424.677.414.492	1.278.686.289.249	1.174.893.366.080	641.885.552.080	198.972.964.979	118.660.044.758	16.837.775.631.638



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 5.239.397.504.594 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.188.331.691.914 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.869.004.615.286 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.045.528.921.160 VND) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Năm 2020, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng của Công văn số 26/BTC-TCĐN của Bộ Tài chính (Thuyết minh số 03). Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao của Tổng Công ty, khấu hao tài sản cố định hữu hình lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ tăng 675 tỷ đồng, theo đó, chi phí khấu hao và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng tăng với cùng số tiền là 675 tỷ đồng.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy bay và động cơ máy bay	Máy móc, thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	46.845.065.834.885	-	46.845.065.834.885
Mua mới	-	3.712.444.000	3.712.444.000
Tăng do điều chỉnh nguyên giá	82.393.445.674	-	82.393.445.674
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(2.263.389.057.063)	-	(2.263.389.057.063)
Số dư cuối năm	44.664.070.223.496	3.712.444.000	44.667.782.667.496
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	17.576.999.694.798	-	17.576.999.694.798
Khấu hao trong năm	1.304.597.325.831	742.488.792	1.305.339.814.623
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(1.683.467.919.347)	-	(1.683.467.919.347)
Số dư cuối năm	17.198.129.101.282	742.488.792	17.198.871.590.074
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	29.268.066.140.087	-	29.268.066.140.087
Tại ngày cuối năm	27.465.941.122.214	2.969.955.208	27.468.911.077.422

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đang thuê tài chính 26 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B787 và ATR-72. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

Năm 2020, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn tại Công văn số 26/BTC-TCĐN của Bộ Tài chính (Thuyết minh số 03). Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao của Tổng Công ty, khấu hao tài sản cố định thuê tài chính lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ tăng 1.331 tỷ đồng, theo đó, chi phí khấu hao và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng sẽ tăng với cùng số tiền là 1.331 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	72.575.929.206	640.899.873.109	26.067.049.562	739.542.851.877
Mua trong năm	-	38.686.693.512	-	38.686.693.512
Điều chỉnh nguyên giá	670.848.000	(50.000.000)	-	620.848.000
Giảm do thanh lý	-	(1.221.153.519)	-	(1.221.153.519)
Số dư cuối năm	73.246.777.206	678.315.413.102	26.067.049.562	777.629.239.870
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	3.941.495.116	497.513.208.607	660.819.174	502.115.522.897
Khấu hao trong năm	98.606.461	51.947.467.078	46.696.968	52.092.770.507
Tăng khác	-	173.982.760	-	173.982.760
Giảm do thanh lý	-	(1.221.153.519)	-	(1.221.153.519)
Số dư cuối năm	4.040.101.577	548.413.504.926	707.516.142	553.161.122.645
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	68.634.434.090	143.386.664.502	25.406.230.388	237.427.328.980
Tại ngày cuối năm	69.206.675.629	129.901.908.176	25.359.533.420	224.468.117.225

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 428.561.882.278 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 404.700.721.837 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty và các công ty con không có tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay là 25.200.000.000 VND).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khu làm việc văn phòng kết hợp bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ hàng Không - giai đoạn 2	306.954.572.393	234.079.127.524
Dự án Đầu tư Sharklet cho 10 tàu bay A321	1.158.726.195	45.794.649.256
Kinh phí hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng khu đất hợp tác giai đoạn 2 phần diện tích 1.045ha (GD2)	17.837.109.000	17.837.109.000
Trạm cấp phát nhiên liệu sân bay Phú Quốc	-	31.337.129.813
Các dự án khác	77.917.927.370	81.030.465.598
	403.868.334.958	410.078.481.191



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTPC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		Số cuối năm	
	VND	Phải trả	VND	VND	VND	VND	VND	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	3.977.800.430	101.637.705.779	995.637.731.851	1.029.243.595.370	141.439.232	64.195.481.062		
Thuế xuất nhập khẩu	18.619.180.987	-	98.873.556.274	82.561.975.556	2.307.600.269	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	225.730.740	190.008.281.243	211.079.687.213	355.745.421.777	2.507.166.614	47.623.982.553		
Thuế thu nhập cá nhân	183.330.290	88.040.107.689	421.334.500.545	495.828.060.256	5.505.070.522	18.868.288.210		
Thuế tài nguyên	194.301.760	-	4.326.400	-	189.975.360	-		
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	8.892.008	440.593.129	88.100.923.010	88.512.591.284	-	20.032.847		
Thuế bảo vệ môi trường	-	199.413.402.000	1.771.445.054.700	1.833.886.248.600	-	136.972.208.100		
Thuế nhà thầu	-	9.348.819.436	62.150.606.124	61.000.415.615	-	10.499.009.945		
Các loại thuế, lệ phí khác	-	361.083.074	1.429.091.360	1.762.017.859	-	28.156.575		
	23.209.236.215	589.249.992.350	3.650.055.477.477	3.948.540.326.317	10.651.251.997	278.207.159.292		

Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (“PA”), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ VND, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ VND và 117 tỷ VND.

Căn cứ vào Điều 6.1.c của Hợp đồng Đầu tư và Chuyển nhượng Cổ phần ngày 26 tháng 4 năm 2007 giữa Qantas Airways Limited, Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), SCIC đồng ý hoàn trả lại cho PA bất kỳ khoản nợ phải trả nào chưa được ghi nhận bao gồm nợ thuế tích dồn hoặc đã được PA báo cáo ngày 31 tháng 7 năm 2007.

Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 02 năm 2013, PA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này là 63,5 tỷ VND, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào PA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, PA được phép hoàn thành toán khoản phạt thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 04 tháng 02 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh Công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ VND trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của PA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản nợ thuế và phạt thuế còn lại lần lượt là 127,8 tỷ VND và 117 tỷ VND chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Địa chỉ	Cuối Năm		Đầu Năm	
		Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	Campuchia	868.495.011.091	412.329.082.669	868.495.011.091	559.505.115.793
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	439.335.275.853	910.896.807.802	439.335.275.853	920.153.284.312
Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	86.652.841.772	15.171.528.185	86.652.841.772	20.664.970.866
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	22.812.300.000	15.040.691.500	22.812.300.000	17.253.525.889
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	6.166.335.863	5.254.000.000	6.166.335.863	5.254.000.000
		1.423.461.764.579	1.358.692.110.156	1.423.461.764.579	1.522.830.896.860

Biến động của giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.522.830.896.860	1.559.728.668.935
(Lỗ) trong công ty liên kết phát sinh trong năm	(157.121.864.549)	(34.235.810.035)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài	(4.869.548.869)	(1.391.302.388)
Biến động khác	(2.147.373.286)	(1.270.659.652)
Số dư cuối năm	1.358.692.110.156	1.522.830.896.860



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	3.231.627.153.241	3.231.627.153.241	9.431.731.507.587	9.431.731.507.587
	9.094.677.767.543	9.094.677.767.543	4.563.014.782.414	4.563.014.782.414
	975.269.655.099	975.269.655.099	1.863.938.949.984	1.863.938.949.984
	2.042.618.354	2.042.618.354	3.225.889.044	3.225.889.044
	3.119.899.134	3.119.899.134	20.998.525.055	20.998.525.055
	13.306.737.093.371	13.306.737.093.371	15.882.909.654.084	15.882.909.654.084

Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng khách,

hành lý, MCO (i)

Phải trả người bán và phải trả Interlines

Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)

Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa

Phải trả người bán khác

(i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua các dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

(ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị Tổng Công ty phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có khoản nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán khoảng 6.640 tỷ đồng không bao gồm các khoản phải trả đã được giãn thời hạn thanh toán. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tiếp tục đàm phán với các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ để cơ cấu lại số tiền và thời hạn thanh toán các khoản phải trả này. Tổng Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng với các khoản hỗ trợ tài chính đã được Quốc hội và Chính phủ thông qua và sự hỗ trợ của các đối tác trong giai đoạn ngành hàng không bị ảnh hưởng của dịch COVID-19, Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả quá hạn trong năm 2021.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phục vụ chuyến bay	151.460.762.595	900.572.457.101
Chi phí nhiên liệu	14.429.965.994	291.457.980.337
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	3.094.090.801.198	1.143.175.531.461
Chi phí lãi vay	90.328.806.475	164.381.320.701
Các khoản trích trước khác	736.674.999.074	1.088.725.379.341
	4.086.985.335.336	3.588.312.668.941

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chương trình khách hàng thường xuyên	720.418.863.800	924.731.964.237
Khác	22.255.885.585	26.900.082.256
	742.674.749.385	951.632.046.493

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	14.081.923.991	3.274.242.257
Nhận quỹ đại tu	44.628.734.113	45.604.479.713
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.658.510.279	122.158.055.642
Các khoản phải trả, phải nộp khác	418.214.671.921	428.800.713.984
	528.583.840.304	599.837.491.596
b. Dài hạn		
Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	306.861.245.824	306.861.245.824
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	284.969.880.711	360.796.162.738
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	202.806.360.818	203.085.307.783
	794.637.487.353	870.742.716.345

Trong đó phải trả khác cho các bên liên quan (i)
(chi tiết tại Thuyết minh số 37)

284.957.684.781 **361.320.227.808**

(i) Khoản phải trả khác cho các bên liên quan chủ yếu thể hiện tiền đặt cọc thuê máy bay của các công ty này mà Tổng Công ty phải hoàn trả khi hết thời hạn thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong Năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Giá trị/Số có khả năng trả nợ						
Vay ngắn hạn	1.274.186.862.333	28.862.515.543.295	23.337.774.522.435	(5.100.956.375)	6.793.826.926.818	
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	1.360.999.807.391	493.230.540.285	460.965.510.469	1.140.222.800	1.394.405.060.007	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	3.872.689.284.741	2.377.315.933.491	3.217.171.598.106	(27.291.052.754)	3.005.542.567.372	
	6.507.875.954.465	31.733.062.017.071	27.015.911.631.010	(31.251.786.329)	11.193.774.554.197	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.702.673.642.494	769.381.042.186	2.702.673.642.494	769.381.042.186
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.110.997.055.038	344.976.998.387	1.110.997.055.038	344.976.998.387
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	849.681.477.364	113.719.365.913	849.681.477.364	113.719.365.913
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	951.930.551.529	10.119.072.356	951.930.551.529	10.119.072.356
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	239.236.488.060	-	239.236.488.060	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	460.229.350.704	35.990.383.491	460.229.350.704	35.990.383.491
Ngân hàng TMCP Quân đội	369.078.361.629	-	369.078.361.629	-
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	110.000.000.000	-	110.000.000.000	-
	6.793.826.926.818	1.274.186.862.333	6.793.826.926.818	1.274.186.862.333

Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả	Giá trị/Số có khả
	năng trả nợ	năng trả nợ
Vay dài hạn (i)	8.996.358.108.541	9.130.920.986.764
Nợ thuế tài chính dài hạn (ii)	18.260.531.271.586	21.529.317.345.263
	<u>27.256.889.380.127</u>	<u>30.660.238.332.027</u>
Trong đó:		
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	4.399.947.627.379	5.233.689.092.132
- Số phải trả sau 12 tháng	22.856.941.752.748	25.426.549.239.895

(i) Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	Số gốc/Số có khả	Số gốc/Số có khả
	năng trả nợ	năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.841.484.151.488	4.864.442.568.431
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.534.149.214.049	1.628.996.638.516
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	832.043.520.000	838.154.864.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	501.245.807.568	546.841.981.202
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	426.736.811.249	310.881.745.895
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga	302.597.895.600	322.439.049.104
Ngân hàng TNHH Indovina	254.303.280.000	286.881.672.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	171.286.356.335	210.811.706.446
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	62.559.555.046	40.578.484.096
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	46.821.348.970	65.561.798.630
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	19.244.828.236	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.611.900.000	3.689.820.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1.273.440.000	2.801.640.000
Ngân hàng Credit Agricole	-	8.246.388.360
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	592.630.084
	<u>8.996.358.108.541</u>	<u>9.130.920.986.764</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.394.405.060.007	1.360.999.807.391
Trong năm thứ 2	1.445.250.876.725	1.349.704.142.510
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	3.905.196.583.717	3.829.010.322.547
Sau 5 năm	2.251.505.588.092	2.591.206.714.316
Cộng	<u>8.996.358.108.541</u>	<u>9.130.920.986.764</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.394.405.060.007	1.360.999.807.391
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.601.953.048.534</u>	<u>7.769.921.179.373</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Số gốc/Số có khả năng trả nợ	Số gốc/Số có khả năng trả nợ
Tập đoàn ING	8.121.002.366.400	8.702.625.857.628
Ngân hàng Citibank	5.793.122.204.100	7.402.288.556.747
Ngân hàng MUFG	1.667.531.306.135	1.824.637.500.000
Ngân hàng JP Morgan Chase	1.287.974.410.800	1.605.382.167.474
Ngân hàng HSBC	1.163.384.399.100	1.407.613.976.763
Ngân hàng Credit Agricole	224.869.791.300	586.769.286.651
Công ty TNHH Viettel-CHT	2.646.793.751	-
	18.260.531.271.586	21.529.317.345.263

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang trên như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.224.713.424.730	219.170.857.358	3.005.542.567.372
Trong năm thứ 2	4.171.458.421.158	166.048.271.006	4.005.410.150.152
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	8.335.200.957.699	219.415.557.205	8.115.785.400.494
Sau 5 năm	3.176.401.074.693	42.607.921.125	3.133.793.153.568
	18.907.773.878.280	647.242.606.694	18.260.531.271.586

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.433.644.059.508	560.954.774.767	3.872.689.284.741
Trong năm thứ 2	3.989.661.022.750	450.411.831.519	3.539.249.191.231
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	9.825.844.582.945	789.877.997.160	9.035.966.585.785
Sau 5 năm	5.302.493.011.421	221.080.727.915	5.081.412.283.506
	23.551.642.676.624	2.022.325.331.361	21.529.317.345.263

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	961.922.914.945	790.821.086.354
Trích quỹ	913.134.302.448	904.552.894.324
Tăng khác	406.998.641	189.091.000
Sử dụng quỹ	(585.850.696.913)	(733.640.156.733)
Số dư cuối năm	<u>1.289.613.519.121</u>	<u>961.922.914.945</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	240.638.053.339	21.447.164.147	2.024.298.861	3.365.259.327.410	18.121.480.585.171		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	2.345.801.820.003	2.345.801.820.003		
Trích Quỹ đầu tư	-	-	-	-	-	779.931.216.740	-	(779.931.216.740)	-		
Phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(893.527.357.146)	(893.527.357.146)		
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	(1.391.302.388)	-	-	-	(1.391.302.388)	(1.391.302.388)		
Chia lợi nhuận, cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.418.290.847.000)	(1.418.290.847.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(6.828.764.957)	(6.828.764.957)		
Số dư cuối năm trước	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	239.246.750.951	801.378.380.887	2.024.298.861	2.612.482.961.570	18.147.244.133.683		
Số dư đầu năm nay	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	239.246.750.951	801.378.380.887	2.024.298.861	2.612.482.961.570	18.147.244.133.683		
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(10.927.035.283.118)	(10.927.035.283.118)		
Trích Quỹ đầu tư	-	-	-	-	-	129.955.428.564	-	(129.955.428.564)	-		
Phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(891.162.325.604)	(891.162.325.604)		
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(4.869.548.870)	-	-	-	(4.869.548.870)		
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	6.686.584.938	6.686.584.938		
Số dư cuối năm nay	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	234.377.202.081	931.333.809.451	2.024.298.861	9.328.983.490.778	6.330.863.561.029		

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông bất thường thông qua chủ trương xây dựng phương án phát hành cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty với quy mô giá trị phát hành là 8.000 tỷ đồng và thực hiện ngay sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và cổ đông Nhà nước đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị cần thiết để hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu trên (Thuyết minh số 02).

Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.418.290.847	1.418.290.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.418.290.847</i>	<i>1.418.290.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.418.290.847	1.418.290.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.418.290.847</i>	<i>1.418.290.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (sửa đổi lần 7 ngày 01 tháng 01 năm 2021), tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 14.182.908.470.000 VND. Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Số vốn góp tại đầu và cuối năm
	Cổ phần	(%)	VND
Cổ đông Nhà nước	1.222.368.291	86,19	12.223.682.910.000
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Incorporation (ANA)	124.438.698	8,77	1.244.386.980.000
Các cổ đông khác	71.483.858	5,04	714.838.580.000
	1.418.290.847	100	14.182.908.470.000

27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Biến động của Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	460.311.864.737	550.942.827.062
Hợp nhất kinh doanh	-	44.337.285.000
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần trong năm	(251.070.301.189)	191.659.242.003
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(21.971.976.844)	(11.025.537.178)
Chia lợi nhuận, cổ tức	(445.507.719.194)	(317.111.065.055)
Biến động khác	(291.637.915)	1.509.112.905
Số cuối năm	(258.529.770.405)	460.311.864.737



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.629.277.693.062	13.297.590.837.338
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	62.370.090.413.106	50.792.102.194.502
Sau năm năm	44.531.946.973.213	52.476.779.936.326
	120.531.315.079.381	116.566.472.968.166

Tài sản thuê hoạt động là máy bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

- Máy bay A321 - 13 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 NEO - 20 chiếc thuê khô;
- Máy bay A320 - 18 chiếc thuê khô;
- Máy bay ATR72 - 01 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9 - 04 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350 - 14 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-10 - 04 chiếc thuê khô.

Tài sản thuê hoạt động là động cơ có các khoản thanh toán tiền thuê phụ thuộc vào vòng đời và giờ bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

- Động cơ máy bay thuê dài hạn – 12 chiếc gồm 4 động cơ máy bay A321, 3 động cơ máy bay A350, 2 động cơ máy bay B787 và 3 động cơ máy bay A320; và
- Động cơ máy bay thuê ngắn hạn – 13 chiếc gồm 11 động cơ máy bay A321, 2 động cơ máy bay A350.

Ngoại tệ các loại:

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	6.667.923	38.322.085
Bạt Thái Lan	THB	14.213.080	14.657.626
Nhân dân tệ Trung Quốc	CNY	9.950.494	14.054.951
Đô la Singapore	SGD	392.215	1.171.077
Đô la Úc	AUD	447.994	486.403
Euro	EUR	945.516	4.067.599
Đô la Hồng Kông	HKD	1.107.025	6.065.785
Won Hàn Quốc	KRW	61.053.655	2.766.303.378
Yên Nhật	JPY	109.573.373	341.358.642
Macao Patacas	MOP	2.520	-
Đô la Đài Loan	TWD	7.799.940	2.492.407
Bảng Anh	GBP	218.378	768.879
Đô la Canada	CAD	30.925	90.770
Rúp Nga	RUB	30.826.429	22.733.507
Kíp Lào	LAK	127.000	1.045.000
Ringit Malaysia	MYR	351.850	779.920
Rupiah Indonesia	IDR	235.254.850	3.442.547.626

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	95.878.358.013	92.632.703.319

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Tổng Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách. Hoạt động này diễn ra tại Việt Nam và các nước trên thế giới. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó, Tổng Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất bộ phận theo khu vực địa lý.

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Vận tải Hàng không	31.511.788.916.550	78.888.715.646.096
- Hoạt động phụ trợ vận tải	3.578.498.118.730	5.187.776.879.412
- Bán hàng	4.983.691.973.605	14.022.492.094.514
- Khác	682.812.180.236	1.000.626.241.610
	<u>40.756.791.189.121</u>	<u>99.099.610.861.632</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	(215.377.200.362)	(871.206.283.191)
- Giảm giá hàng bán	(2.798.397.394)	-
- Hàng bán bị trả lại	(276.938.695)	(320.875.128)
	<u>(218.452.536.451)</u>	<u>(871.527.158.319)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>40.538.338.652.670</u>	<u>98.228.083.703.313</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.116.926.937.895	25.879.599.653.761
Chi phí nhân công	4.798.941.463.801	9.632.068.517.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.961.203.222.367	5.142.695.395.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.472.809.981.936	40.393.363.348.887
Trong đó:		
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	3.890.297.522.024	5.106.782.884.906
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	993.114.903.479	3.688.590.384.215
- Chi phí thuê máy bay	15.299.696.328.590	14.491.394.380.147
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	8.289.701.227.843	17.106.595.699.619
Chi phí khác bằng tiền	815.335.041.575	1.515.814.737.545
	46.165.216.647.574	82.563.541.653.566
32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	172.956.585.622	404.857.615.115
Cổ tức lợi nhuận được chia	160.042.719.222	173.819.400.060
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	543.590.531.398	554.395.309.836
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.719.066.812	6.527.060.406
	882.308.903.054	1.139.599.385.417
33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	925.577.719.343	1.454.778.846.398
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	236.433.087.218	264.247.288.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá	491.660.383.026	621.174.464.555
Chi phí tài chính khác	15.271.361.698	4.674.959.056
	1.668.942.551.285	2.344.875.558.447

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	435.517.650.655	708.244.571.526
Chi phí hoa hồng	49.275.252.520	347.763.330.630
Chi phí đặt vé giữ chỗ	465.333.154.570	1.682.502.175.720
Khác	1.099.113.037.877	1.878.074.012.932
	<u>2.049.239.095.622</u>	<u>4.616.584.090.808</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	499.420.534.841	1.199.893.441.576
Chi phí thuế	134.259.301.565	386.611.562.996
Khác	834.321.213.515	1.075.739.044.649
	<u>1.468.001.049.921</u>	<u>2.662.244.049.221</u>

35. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	447.457.579.936	117.801.635.661
Miễn lãi chậm nộp tiền thu cổ phần hóa còn phải trả		
Quỹ hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp (i)	212.615.582.862	-
Tiền phạt thu được	44.719.497.143	316.492.664.418
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua máy bay, bán và thuê lại động cơ máy bay	-	164.864.147.455
Các khoản khác	307.880.857.552	383.394.905.791
	<u>1.012.673.517.493</u>	<u>982.553.353.325</u>

(i) Công văn số 26/BTC-TCDN ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính đề nghị Tổng Công ty không tiếp tục nộp khoản lãi chậm nộp tiền thu cổ phần hóa về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp trên cơ sở Chính phủ đã có quyết nghị cho phép Tổng Công ty được miễn khoản này. Tổng Công ty đã xác định khoản lãi chậm nộp đã ghi nhận là chi phí tài chính trong các năm trước với tổng số tiền 212.615.582.862 đồng và ghi tăng thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền tương ứng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. (LỖ)/LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.927.035.283.118)	2.345.801.820.003
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.927.035.283.118)	2.345.801.820.003
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.418.290.847	1.418.290.847
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(7.704)</u>	<u>1.654</u>

(i) Tổng Công ty và các công ty con chưa quyết định về số lợi nhuận thuần được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	96.717.124.083	101.321.018.380
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	94.237.440.000	94.237.440.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	(96.250)	4.238.575.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	2.142.000.000	2.142.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	337.780.333	703.003.380
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.381.607.020	428.472.423.417
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	189.381.607.020	428.472.423.417

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	120.428.046.522	112.944.701.104
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	120.428.046.522	112.944.701.104
Phải thu khác	432.192.466.398	567.437.962.499
Công ty Cổ phần cho thuê Máy bay Việt Nam	381.961.715.058	383.119.174.801
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	50.230.751.340	184.318.787.698
Phải trả khác	284.957.684.781	361.320.227.808
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	284.957.684.781	361.320.227.808

Lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.497.295.779	13.045.567.988



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

38. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn đối với các tổ chức tín dụng sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP vay bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội và Nghị quyết số 194/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP do đại dịch COVID-19. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn bằng đồng Việt Nam và không có tài sản đảm bảo trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng và số tiền cho vay của các tổ chức tín dụng đối với Tổng Công ty theo Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ. Tổng số tiền giải ngân tái cấp vốn đối với các tổ chức tín dụng tối đa là 4.000 tỷ đồng, lãi suất 0%/năm, tổng thời gian tái cấp vốn và gia hạn tối đa không quá 3 năm và giải ngân trước ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Hồ Xuân Tam
Người lập biểu

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

PHỤ LỤC VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG

TRỤ SỞ CHÍNH

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP (VIETNAM AIRLINES)

Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

- Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Việt Nam (hoạt động 24/7):
 - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1100
 - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
 - Email: telesales@vietnamairlines.com
- Trung tâm chăm sóc Hội viên Bông Sen Vàng (hoạt động 24/7):
 - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1800
 - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
 - Email: lotusmiles@vietnamairlines.com

CÁC CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES TRONG NƯỚC

KHU VỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 25 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

ĐT: (+84.24) 6270 0200 | Fax: (+84.24) 3934 9636

E-mail: vpkvmb@vietnamairlines.com

KHU VỰC MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Đà Nẵng.

ĐT: (+84.236) 382 1130 / 826 465 | Fax: (+84.236) 383 2759

E-mail: reservation.mro@vietnamairlines.com

KHU VỰC MIỀN NAM

Địa chỉ: 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84-28) 3844 6667 | Fax: (+84-28) 3848 5312

Email: telesales.sro@vietnamairlines.com

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG (VASCO)

Địa chỉ: Số B114, đường Bạch Đằng, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN BAY

Địa chỉ: Số 117 đường Hồng Hà, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÁY BAY (VAECO)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3884-9657 | Fax: (+84.24) 3886-5532
Web: vaeco.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (SKYPEC)

Địa chỉ: 202 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3827 2316 | Fax: (+84.24) 3827 2317
Email: skypec@skypec.com.vn | Web: www.skypec.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ MẶT ĐẤT SÂN BAY VIỆT NAM (VIAGS)

Địa chỉ: Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (+84.28) 3547 22 88 | Fax: (+84.28) 3547 11 88
Email: vanthu.viags@vietnamairlines.com
Web: www.viags.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (VACS)

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3844 8367 | Fax: (+84.28) 3844 6719
E-mail: vncxcater@vnn.vn
Web: www.vnaircaterers.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VÀ VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG (AITS)

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP. Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI (NASCO)

Sân bay Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3886 5457/ 3884 0085 Fax: (+84.24) 3886 5555
E-mail: nasco-khkd@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, Hà Nội
ĐT: (+84.28) 3877 0265 / 3877 0266 Fax: (+84.28) 3827
1925 / 3772 3439
E-mail: arimex@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG JETSTAR PACIFIC (JPA)

Địa chỉ: 112 Hồng Hà, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.
Tel: (+84.28) 3845 0092 | Fax: (+84.28) 3845 0085
Web: www.jetstar.com

HÃNG HÀNG KHÔNG CAMBODIA ANGKOR AIR

Địa chỉ: #206 Preah Norodon Blvd - Phnom Penh - Cambodia

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO BAY VIỆT (VFT)

Địa chỉ: 117V Hồng Hà, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (+84.28) 3547 0916 | Fax: (+84.28) 3547 0920.
Hotline: (+84) 90 532 5860
Email: vft@bayviet.com.vn | Web: www.bayviet.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG XUẤT NHẬP KHẨU LAO ĐỘNG HÀNG KHÔNG (ALSIMEXCO)

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - Bồ Đề - Long Biên Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3827 1993 / 3873 2383 Fax: (+84.24) 3873 0624
E-mail: business@alsimexco.vn | Web: alsimexco.vn

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TECS)

Địa chỉ: 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (+84.28) 3811 0633 / 3811 0678
Fax: (+84.28) 3811 5522 | Email: contactus@tecs.com.vn

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM (VALC)

Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu,
Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (+84.24) 35 77 22 25 | Fax: (+84.24) 35 77 22 70
Email: info@valc.com.vn | Web: www.valc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Q. Hải Châu,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (+84 511) 383 0340 | Fax: (+84 511) 382 6133
Email: masco@masco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3886 5577 | Fax: (+84.24) 3884 0199
E-mail: nbcatering@hn.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SABRE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Đệ nhất, số 53 Quang Trung,
Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.24) 39431975 | Fax: (+84.24) 39431972
Email: hannmc@sabretn.com.vn
Website: www.sabretn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TCS)

Địa chỉ: Sân bay Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3848 6489 | Fax: (+84.28) 3842 7944

CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA (VINAKO)

Địa chỉ: 4 Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3844 6252 / 3848 5353 | Fax: (+84.28) 3848 5353
E-mail: vinako.fwd@hcm.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI (NCTS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
ĐT: (+84.28) 3 5840905 | Fax: (+84.28) 3 5840906
E-mail: operation@noibaicargo.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CAO CẤP HÀNG KHÔNG

Địa chỉ: Sân bay Gia Lâm, Đường Nguyễn Sơn,
Quận Long Biên, Hà Nội

